

Số: 13/2026/TBĐC-UNILOG
No.: 13/2026/TBĐC-UNILOG

TP.HCM, ngày 23 tháng 05 năm 2026
Hochiminh City, May 23rd, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I / U&I LOGISTICS CORPORATION**

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: ULG.

- Địa chỉ/*Address*: : Số 158 Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. / *No. 158 Ngo Gia Tu Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0274 3822908

- E-mail: info@unilogistics.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngày 23/05/2026, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty/ *On May 23, 2026, the 2026 Annual General Meeting of Shareholders approved the Company's Charter on organization and operation, Internal Regulations on Corporate Governance, Operating Regulations of the Board of Directors, and Operating Regulations of the Supervisory Board.*

Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trân trọng công bố/ *Based on the authorization of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors hereby respectfully discloses the following:*

- (i) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty/ *the Company's Charter on organization and operation.*
- (ii) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty/ *Internal Regulations on Corporate Governance.*
- (iii) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Operating Regulations of the Board of Directors.*
- (iv) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty/ *Operating Regulations of the Supervisory Board.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/05/2026 tại đường dẫn <https://www.unilogistics.vn/vi/> / *This information was published on the company's website on 23 May 2026, as in the link https://www.unilogistics.vn/vi/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Đại diện tổ chức/Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/
Legal representative

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty/
the Company's Charter on organization and operation.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty/
Internal Regulations on Corporate Governance.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/
Operating Regulations of the Board of Directors.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty/
Operating Regulations of the Supervisory Board.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



CLIENTS' INTERESTS FIRST

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2026



MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 47. Năm tài chính	39
Điều 48. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	39
Điều 50. Báo cáo thường niên	39
Điều 51. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 52. Kiểm toán.....	40
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	40
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	40
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	40

Điều 54. Giải thể công ty	40
Điều 55. Gia hạn hoạt động	41
Điều 56. Thanh lý	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 58. Điều lệ công ty	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 59. Ngày hiệu lực	42



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Logistics U&I (“U&I Logistics” hoặc “Công ty”), một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở pháp lý cho các hoạt động quản trị, quản lý, kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.UNILOG, ngày 23 tháng 05 năm 2026 (sau đây được gọi là “**Điều lệ**”)

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, bao gồm:

- Người nội bộ của doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

- Người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là thành viên Ban đại diện quỹ đại chúng, thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, người điều hành quỹ đại chúng, người điều hành công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, người nội bộ của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

k) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là Người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp cụ thể được quy định chi tiết như sau:

- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
- Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
- Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mướm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
- Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
- Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) *Cổ phần* là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

p) *Cổ phần ưu đãi cổ tức* là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm.

q) *Cổ phần ưu đãi hoàn lại* là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều lệ công ty.

r) *Cổ phần ưu đãi biểu quyết* là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.

s) *ĐHĐCD trực tuyến* là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, được tổ chức dưới hình thức tham dự thông qua mạng internet để cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và thực hiện các quyền biểu quyết hoặc bầu cử của mình.

t) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

u) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **U&I LOGISTICS CORPORATION**

- Tên Công ty viết tắt: **U&I LOGISTICS.**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 158 Ngô Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: 0274 3816288/3822908

- Fax: 0274 3816290.

- E-mail: info@unilogistics.vn

- Website: www.unilogistics.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định của pháp luật. Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Chi tiết: Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (chỉ hoạt động khi đáp ứng về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan); Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Môi giới thuê tàu biển và máy bay; Bao gói hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;	5229 (chính)
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá, phế liệu)	5210
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
6	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
7	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Môi giới bảo hiểm hàng hóa vận tải đa phương thức.	6622
8	Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác	4511
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
10	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
11	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa, gạo, đường mía và đường củ cải) và động vật sống (trừ kinh doanh các loại thực vật, động	4620

	vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bên thủy nội địa); thiết bị vệ sinh; tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; đồ ngũ kim	4663
13	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Trừ gạo, đường mía và đường củ cải	4632
14	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
15	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu.	4659
20	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép và kim loại khác (trừ kim loại quý).	4662
21	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (Trừ thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế); chất dẻo dạng nguyên sinh; cao su; sợi dệt; bột giấy; phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (thực hiện theo quy hoạch)	6810
23	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất pallet sắt	2592

24	Cho thuê xe có động cơ	7710
25	Xuất bản phần mềm	5820
26	Lập trình máy vi tính	6201
27	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Thiết kế website)	7410
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.	5221
33	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
34	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
	(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện các quy định của điều ước quốc tế, WTO mà Việt Nam là thành viên về tỷ lệ góp vốn, hình thức đầu tư và lộ trình mở cửa thị trường; phải làm thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận hợp pháp, làm tăng giá trị cổ phần của cổ đông; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tham gia các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật, với sứ mệnh:

- Cung cấp các giải pháp logistics đáp ứng đúng nhu cầu của từng khách hàng.
- Trở thành nhà cung cấp các dịch vụ logistics hiệu quả nhất tại Việt Nam.
- Là hạt nhân kết nối tạo thành mạng lưới logistics lớn nhất Việt Nam.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng Việt Nam*)
Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 72.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, các cổ phần phổ thông dự kiến phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần được chào bán, giá chào bán, thời hạn và phương thức đăng ký mua. Thời hạn đăng ký mua phải hợp lý, không ít hơn hai mươi một (21) ngày kể từ ngày gửi thông báo hoặc theo thời hạn khác do pháp luật quy định. Trường hợp các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không mua hết số cổ phần được chào bán, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định việc phân phối số cổ phần còn lại cho các cổ đông khác hoặc cho đối tượng khác theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp, nhưng không được thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp các trường hợp sau không được tự do chuyển nhượng, cụ thể:

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

- Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan đến phần chưa thanh toán như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền sở hữu cổ phần của cổ đông chỉ được công nhận và có hiệu lực đối với Công ty kể từ thời điểm thông tin của cổ đông đó được ghi đầy đủ và hợp lệ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và cổ đông đó chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày

thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông cũng có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức theo mức và phương thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu;
- c) Khi công ty chào bán cổ phần mới, cổ đông phổ thông có quyền ưu tiên mua theo tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ, trừ trường hợp Điều lệ hoặc pháp luật có quy định khác;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, cổ đông phổ thông được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và sau khi hoàn trả cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có);
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được Công ty đối xử bình đẳng. Theo đó, mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các

quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

a) Nếu các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, và các cổ đông khác đề cử.

5. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử ba (03) ứng viên.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền đề cử, ứng cử trong một nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm giữa nhiệm kỳ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử thành viên đó vẫn được tiếp tục thực hiện quyền đề cử, ứng cử để bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế Quản trị Công ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết Hội đồng Quản trị;

b) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

d) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

e) Cung cấp địa chỉ liên lạc đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

f) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

h) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ đông lớn:

a) Tổ chức hoặc cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn.

b) Báo cáo về sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Cổ đông lớn phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

c) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu dẫn đến ngưỡng 1% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Cổ đông lớn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ báo cáo trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi, theo trình tự và nội dung quy định của pháp luật.

d) Quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này được áp dụng tương tự đối với Người có liên quan của Cổ đông lớn theo quy định tại Luật Chứng khoán.

e) Cổ đông lớn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- o) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Người có liên quan là cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và Người có liên quan của họ; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người có liên quan

của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

p) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó.

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần

n) Việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

o) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

p) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

q) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

r) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

s) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

t) Chấp thuận các giao dịch được quy định dưới đây:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những Người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó.

u) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định như sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được

ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền có hiệu lực trừ Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong

số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đó có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khác thay thế. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ các ứng cử viên được thay thế này.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả những vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết có thể được gửi cho từng Cổ Đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố các tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Quy định về trường hợp bỏ phiếu lấy ý kiến điện tử:

9.1. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tài khoản truy cập tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo hoặc thư mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo khác do Hội đồng quản trị quyết định, tùy vào từng thời điểm thông báo họp nhưng phải đảm bảo nghĩa vụ thông báo họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty).

b. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến phải có trách nhiệm bảo mật tài khoản truy cập được cấp để đảm bảo rằng chỉ có người đó mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c. Khi Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến có yêu cầu cung cấp lại tài khoản truy cập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin qua email hoặc điện thoại được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền dự họp do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty hoặc địa chỉ email của người đại diện theo pháp luật tại thời điểm có yêu cầu cấp lại hoặc địa chỉ email của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thể hiện tại Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ hợp lệ đã gửi về Công ty.



d. Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để theo dõi cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

9.2. Cách thức ghi nhận Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông thực hiện truy cập vào hệ thống bằng tài khoản truy cập được cung cấp theo mục 9.1 khoản 9 Điều 22 Điều lệ này và đã thực hiện “xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc phương thức xác nhận khác theo quy định của mỗi kỳ Đại hội.

b) Hội đồng quản trị có quyền ban hành các Quy chế tổ chức, hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến khi tổ chức Đại hội.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm



ứng cử viên phải được công bố bằng văn bản rõ ràng trong tài liệu họp trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không ít hơn (03) người và không nhiều hơn (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Việc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ này nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty không bị gián đoạn.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, không bắt buộc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam.

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định phương án huy động vốn, bao gồm việc bán cổ phần chưa bán và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc xác định thời hạn và thủ tục thanh toán;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Hội đồng Quản trị phân bổ thù lao, thưởng cho từng thành viên theo nguyên tắc phù hợp với trách nhiệm, khối lượng công việc và hiệu quả hoạt động.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quy định này không áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp trách nhiệm phát sinh do vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thuộc một trong các trường hợp sau đây thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị:

a. Chết, mất tích;

b. Bị tạm giam hoặc đang chấp hành hình phạt tù;

c. Đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc;

d. Trốn khỏi nơi cư trú;

e. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

f. Bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau, các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, lập chương trình, nội dung và thông báo thời gian, địa điểm họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất cứ khi nào xét thấy cần thiết.

3. Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của một trong các đối tượng sau đây:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b. Ít nhất một (01) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
- d. Kiểm toán độc lập theo yêu cầu liên quan đến báo cáo tài chính và hoạt động của Công ty.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp lệ. Trường hợp không triệu tập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh (nếu có) đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định ;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

8. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 29 của Điều lệ này..

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công

ty. Công ty có Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu tổ chức, và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Người có liên quan là cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và Người có liên quan của họ; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người có liên quan của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý

khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; và có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân; cho cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân; cho Người có liên quan của cổ đông là tổ chức.

k) Trường hợp các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với Người có liên quan là cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và Người có liên quan của họ; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người có liên quan của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; và có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì Tổng giám đốc phải báo cáo cho Hội đồng quản trị xem xét, trình lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố bằng văn bản trong tài liệu họp trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật khác;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Với điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

đ) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.

e) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những Người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa:

a) Công ty với các công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

b) Các bên liên kết tại khoản 1 điều này được quy định cụ thể như sau:

- Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

- Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

- Công ty là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

- Công ty bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện tổng dư nợ các khoản vốn vay của doanh nghiệp đi vay với doanh nghiệp cho vay hoặc bảo lãnh ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng dư nợ tất cả các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

- Công ty chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

c) Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

d) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

đ) Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

e) Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;

g) Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp (bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp) chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;

h) Tổ chức tín dụng với Công ty con hoặc với Công ty kiểm soát hoặc với Công ty liên kết của tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

i) Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này.

Đối với các giao dịch nêu trên Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài

liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác theo quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập và lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Các sổ sách, chứng từ kế toán phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, có hệ thống và đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, phải được lập đầy đủ, trung thực, hợp lý theo quy định của pháp luật về kế toán, bao gồm các báo cáo, phụ lục và thuyết minh cần thiết. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm, bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, phải được lập đầy đủ, trung thực, hợp lý theo quy định của pháp luật về kế toán, bao gồm các báo cáo, phụ lục và thuyết minh cần thiết. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 51. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo theo các điều khoản và điều kiện do Hội đồng Quản trị thỏa thuận. Công ty kiểm toán độc lập phải thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan cho công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và/ hoặc hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải, thương lượng trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải, thương lượng hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng nghị quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được công bố theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics U&I thông qua ngày 23 tháng 05 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã được thông qua trước đó.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN XUÂN PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



CLIENTS' INTERESTS FIRST

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần Logistics U&I)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS U&I**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi (nếu có);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi (nếu có);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics U&I;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.UNILOG ngày 23 tháng 05 năm 2026.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG -----	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng -----	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt -----	1
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	1
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông -----	1
Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường -----	2
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	2
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp -----	3
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông -----	4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	4
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	4
Điều 8. Chương trình, nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông -----	4
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	5
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	5
Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông -----	6
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	6
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu -----	6
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua -----	7
Điều 15. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	7
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông -----	8
Mục 3. Quy định đối với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	9
Điều 17. Trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản -----	9
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản -----	9
Mục 4. Quy định đối với việc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức khác -----	11
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến -----	11
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	11
Mục 1. Quy định chung -----	11
Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị -----	11
Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị -----	13

Điều 22. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị-----	13
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT 15	
Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị-----	15
Điều 24. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	16
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT -----	16
Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT-----	16
Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT-----	16
Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị-----	17
Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	17
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT-----	18
Điều 30. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	18
Điều 31. Biên bản và nghị quyết họp Hội đồng quản trị-----	20
Mục 4 - Tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	21
Điều 32. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	21
Điều 33. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ -----	21
Mục 5 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty -----	22
Điều 34. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	22
Điều 35. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	23
Điều 36. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	23
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT-----	24
Mục 1 - Quy định chung-----	24
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát -----	24
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát-----	24
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát -----	24
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát-----	24
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên ---	25
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên -----	25
Điều 42. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	25
Điều 43. Cách thức bầu Kiểm soát viên -----	26
Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên-----	26
Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	26
Điều 46. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	27
CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC-----	27
Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----	27

Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc	27
Điều 49. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	28
Điều 50. Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	29
Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	29
Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	29
Điều 53. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	29
CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	29
Mục 1 - Quy định về phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc	29
Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	29
Điều 55. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	30
Điều 56. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	30
Điều 57. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	30
Điều 58. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	31
Điều 59. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	31
Điều 60. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	32
Mục 2 - Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	34
Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	34
Điều 62. Khen thưởng	34
Điều 63. Kỷ luật	34
CHƯƠNG 7. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH	35
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	35
Điều 65. Ngày hiệu lực	35

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
2. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
3. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
4. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
5. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
6. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
7. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
8. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
9. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
10. Pháp luật có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty;
11. HĐQT: là Hội đồng quản trị;
12. BKS: là Ban kiểm soát.

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- f. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông hoặc theo mẫu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") trong trường hợp cổ phiếu Công ty đã được đăng ký tại VSDC.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa

đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Giấy ủy quyền.
 - c. Phiếu góp ý.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 8. Chương trình, nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ

và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản kể cả những vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết
 - a. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - b. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết. Từng hình thức sẽ được quy định tại Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử sẽ được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo nguyên tắc sau:
 - a. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- b. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - c. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
3. Cách thức kiểm phiếu: Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 4. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định đối với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Điều 17. Trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty kể cả những vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành ngoại trừ quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Quy định đối với việc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức khác

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến. Trong từng trường hợp nêu trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức cụ thể.
2. Xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức đại hội theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến, trong đó phải quy định rõ các nội dung liên quan:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c. Điều kiện tiến hành;
 - d. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - e. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - f. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - g. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - h. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
 11. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - b. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan Thành viên HĐQT là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
12. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 22. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Trong trường hợp Công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - d. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - e. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - f. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
 - f. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
5. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Có đơn từ chức;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
7. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 8. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 24. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này theo định của pháp luật, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

2. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - a. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Điều 27 quy chế này;
 - b. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - c. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Riêng Chủ tịch HĐQT chuyên trách được Công ty trả lương theo quy chế trả lương của Công ty và mức lương được HĐQT thông qua.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 30. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về

những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Biên bản và nghị quyết họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể sử dụng hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:
 - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

7. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT: Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Mục 4 - Tiểu ban trực thuộc HĐQT

Điều 32. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng Ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do Trưởng tiểu ban quyết định.
2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
 - a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;
 - b. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - c. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
 - d. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
 - e. Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật
 - f. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc có chứng chỉ về kiểm toán nội bộ do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kiểm toán nội bộ cấp;

- g. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm công tác;
- h. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
3. Quyền và trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ
- a. Quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
- i. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược;
 - ii. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
 - iii. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
 - iv. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
 - v. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo Phòng ban, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
 - vi. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/Phòng ban được kiểm toán;
 - vii. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - viii. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - ix. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.
- b. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
- i. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;
 - ii. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - iii. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận trong Công ty;
 - iv. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

Mục 5 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Điều 34. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;

2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 35. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Mục 1 - Quy định chung

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà Thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - b. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Cổ đông lớn.
3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được

- chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác.
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông.
 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 7. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 42. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 46. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1

Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 49. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. HĐQT thống nhất và công bố các tiêu chuẩn năng lực về lựa chọn Tổng giám đốc. Các tiêu chuẩn năng lực do HĐQT quyết định phải phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định quản lý nội bộ về nhân sự của Công ty.
2. Dựa trên đề nghị của đa số thành viên HĐQT, HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác. HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác. Việc bổ nhiệm phải có thời hạn và người điều hành doanh nghiệp có thể được tái bổ nhiệm với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế, theo quyết định của HĐQT.
3. HĐQT quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Khi HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc thì phải cử người thay thế thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty cho đến khi HĐQT chọn lựa, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định hiện hành.
4. HĐQT quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a. Có đơn từ chức;
 - b. Chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian hai (02) năm liên tục;
 - d. Có các thái độ và hành vi trong quá trình làm việc, mà theo đánh giá của HĐQT, tiêu ban của HĐQT là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Công ty;
 - e. Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của pháp luật hiện hành, điều lệ công ty hoặc vi phạm các quy định về quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.
 - f. Không còn tồn tại chức danh do kết quả thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Các trường hợp khác theo quyết định của HĐQT nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 50. Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT khác được HĐQT ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc.

Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 53. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao, tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 - Quy định về phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc

Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 30 Quy chế này.

Điều 55. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 56. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 57. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo nhanh hoặc báo cáo định kỳ theo tuần, theo tháng đối với một số nội dung, vấn đề mà HĐQT quan tâm;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 58. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 47 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 59. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Logistics U&I nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
 - e. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - i. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - ii. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - g. Khi báo cáo, cung cấp các thông tin trên và cần được phân hồi, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS:
 - a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

- c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 60. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Logistics U&I nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - i. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà Thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - ii. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
 - g. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất ba (03) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

- h. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là ba (03) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
 - a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất ba (03) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hoá hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và ĐHCĐ gần nhất về các quyết định đó.
 - b. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
 - c. Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến Hội đồng quản trị trước 05 ngày làm việc.

- d. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Mục 2 - Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 61. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Căn cứ kế hoạch kinh doanh chi tiết hàng năm của Công ty, trong cuộc họp đầu tiên của năm tài chính, HĐQT, BKS, Tổng giám đốc sẽ quyết định các nội dung đánh giá, tiêu chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của mình trong năm tài chính đó. Kết quả đánh giá cuối cùng là bình quân các kết quả đánh giá của các thành viên có quyền biểu quyết trong cuộc họp nếu Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS không có quy định khác. Thủ tục, trình tự tổ chức cuộc họp như trên của HĐQT/BKS theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS.
3. Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện theo hợp đồng lao động và các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 62. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 61 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 63. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 07 chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics U&I nhất trí thông qua ngày 23 tháng 05 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. Hội đồng quản trị



MAI HỮU TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

-----o0o-----



CLIENTS' INTERESTS FIRST

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

TP.HCM, năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ, viết tắt.....	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	10
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Điều kiện tiến hành các cuộc họp của HĐQT.....	12
Điều 18. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.....	12
Điều 19. Biểu quyết.....	13
Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 21. Nghị quyết, quyết định của HĐQT.....	14
CHƯƠNG 5. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	14
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm.....	14
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành.....	16
Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	16
Điều 28. Quan hệ với cổ đông.....	16
CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	17
Điều 29. Hiệu lực thi hành.....	17

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2026

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics U&I;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.UNILOG ngày 23 tháng 05 năm 2026;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics U&I;

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ, viết tắt

Ngoài các định nghĩa được ghi nhận tại Điều lệ của Công ty, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu, viết tắt như sau:

1. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc điều hành), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc điều hành), Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
2. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này.
3. Các từ “Bao gồm”, “Cụ thể” sẽ mang tính chất liệt kê nhưng không hàm ý chỉ giới hạn trong những phần liệt kê đó mà có thể được mở rộng hơn nếu không trái với bất cứ quy định nào của Công ty hay pháp luật;
4. “Giám đốc/Tổng Giám đốc” hay “Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành” được hiểu là Tổng Giám đốc theo Luật định;
5. “Công ty” là Công ty Cổ phần Logistics U&I;
6. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics U&I;
7. “Quy chế quản trị Công ty” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Logistics U&I;
8. “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Logistics U&I;
9. “HQQT” là Hội đồng quản trị;
10. “BKS” là Ban kiểm soát;
11. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Trong trường hợp Công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Thành viên độc lập HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty,
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Để làm rõ, Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ

tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đó có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khác thay thế. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ các ứng cử viên được thay thế này.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên

trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp

đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị cần quyết định một số vấn đề nhưng chưa có hoặc không có điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Văn bản lấy ý kiến phải được kèm theo đầy đủ báo cáo, tài liệu, thuyết minh về vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết và phải có các lựa chọn: tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Văn bản lấy ý kiến biểu quyết phải có chữ ký xác nhận của thành viên được lấy ý kiến mới có giá trị.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- d. Kiểm toán viên độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty;
 - e. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn hoặc những người đề nghị tổ chức cuộc họp (ngoại trừ điểm d khoản 3 Điều này) có quyền triệu tập cuộc họp.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 7. Địa điểm cuộc họp sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp quyết định, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam;
 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 17. Điều kiện tiến hành các cuộc họp của HĐQT

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 18. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

1. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm

mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

2. Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 19. Biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Nếu lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày thành viên HĐQT nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT phải gửi văn bản thông báo hoặc phiếu biểu quyết của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo hoặc phiếu biểu quyết của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như thành viên đó **không tham gia biểu quyết** (hoặc **không có ý kiến**).

Điều 20. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và thành viên HĐQT tham dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành Nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp;
2. Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được HĐQT ủy quyền sẽ thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty;
3. Các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để theo dõi và giám sát thực hiện.

CHƯƠNG 5. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai

mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với ban điều hành

- Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
- Hàng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các Đơn vị trực thuộc của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và đề kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các hồ sơ, văn bản do Ban điều hành trình HĐQT, HĐQT có văn bản trả lời hoặc ban hành Nghị quyết, Quyết định trong thời gian tối đa là bảy (07) ngày làm việc.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 28. Quan hệ với cổ đông

- HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. HĐQT có trách nhiệm chi đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Logistics U&I bao gồm 07 chương, 29 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 05 năm 2026.

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



MAI HỮU TÍN



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I

-----o0o-----



CLIENTS' INTERESTS FIRST

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

TP.HCM, năm 2026

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2026

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn (nếu có);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Logistics U&I.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.UNILOG ngày 23 tháng 05 năm 2026.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics U&I. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics U&I bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics U&I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics U&I, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).
2. Trưởng ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần

tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - c. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - d. Trình độ chuyên môn;
 - e. Quá trình công tác;
 - f. Các chức danh quản lý khác;
 - g. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty;
 - h. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt

động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác).
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất (02) lần trong một năm, số lượng thành viên dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG 5. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là người sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây :

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ vào thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

- Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ với cổ đông

- Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của BKS tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, khi có yêu cầu của cổ đông lớn, BKS phải báo cáo kiểm tra các giải trình những vấn đề được yêu cầu của HĐQT và cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị


Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics U&I bao gồm 07 Chương 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 05 năm 2026.
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Các Kiểm soát viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Các quy định khác không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



ĐOÀN THỤY DIỄM HUYỀN



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness



CLIENTS' INTERESTS FIRST

CHARTER
U&I Logistics Corporation

Ho Chi Minh City, day 23 month 05 year 2026

TABLE OF CONTENTS

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER.....	1
Article 1. Interpretation of Terms.....	1
II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY	3
Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations, and term of operation of the Company	3
Article 3. Legal Representative of the Company	4
III. OBJECTIVES, BUSINESS SCOPE, AND OPERATIONS OF THE COMPANY	4
Article 4. Company's Operational Objectives	4
Article 5. Business Scope and Operations of the Company	7
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS	7
Article 6. Charter Capital, Shares, Founding Shareholders.....	7
Article 7. Share Certificate	8
Article 8. Other Securities Certificates.....	8
Article 9. Transfer of Shares	8
Article 10. Recovery of shares (in the case of enterprise registration)	9
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL.....	9
Article 11. Organizational structure, governance, and control.....	9
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS	9
Article 12. Rights of shareholders	9
Article 13. Obligations of Shareholders	11
Article 14. General Meeting of Shareholders.....	12
Article 15. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders.....	14
Article 16. Authorization to Attend the General Meeting of Shareholders.....	16
Article 17. Amendment of Rights	17
Article 18. Convene Meetings, Meeting Agenda, and Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders	17
Article 19. Conditions for Conducting the General Meeting of Shareholders	19
Article 20. Procedures for Conducting and Voting at the General Meeting of Shareholders ...	19
Article 21. Conditions for the Approval of Resolutions by the General Meeting of Shareholders	21
Article 22. Authority and procedure for obtaining shareholder opinions in writing to approve resolutions of the General Meeting of Shareholders.....	22
Article 23. Resolution and Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders	25
Article 24. Request for Annulment of the Resolution of the General Meeting of Shareholders	25
VII. BOARD OF DIRECTORS	26
Article 25. Nomination and Candidacy of Members to the Board of Directors.....	26
Article 26. Composition and Term of Members of the Board of Directors	27

Article 27.	Responsibilities, Powers, and Duties of the Board of Directors	27
Article 28.	Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of the Board of Directors' Members..	29
Article 29.	Chairperson of the Board of Directors	29
Article 30.	Meeting of the Board of Directors	30
Article 31.	Corporate Governance Officer	32
VIII.	CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES.....	33
Article 32.	Organizational Structure.....	33
Article 33.	Company Executives	33
Article 34.	Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer	33
IX.	SUPERVISORY BOARD	35
Article 35.	Nomination and Candidacy of Supervisory Board Members (Supervisors).....	35
Article 36.	Composition of the Supervisory Board	35
Article 37.	Head of the Supervisory Board	35
Article 38.	Rights and obligations of the Supervisory Board.....	36
Article 39.	Meetings of the Supervisory Board.....	37
Article 40.	Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Supervisory Board Members	37
X.	RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES	38
Article 41.	Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest.....	38
Article 42.	Liability for Damages and Compensation.....	40
XI.	RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS	40
Article 43.	Right to Inspect Books and Records	40
XII.	EMPLOYEES AND TRADE UNION.....	41
Article 44.	Employees and Trade Union	41
XIII.	PROFIT DISTRIBUTION	41
Article 45.	Profit Distribution.....	41
XIV.	BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME.....	41
Article 46.	Bank Accounts	41
Article 47.	Fiscal Year.....	42
Article 48.	Accounting Regime.....	42
XV.	FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES.....	42
Article 49.	Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements	42
Article 50.	Annual Report	42
Article 51.	Information Disclosure and Public Announcement	43
XVI.	COMPANY AUDIT	43
Article 52.	Audit.....	43
XVII.	COMPANY SEAL	43

Article 53. Company Seal.....	43
XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY.....	43
Article 54. Dissolution of the Company.....	43
Article 55. Extension of Operations	44
Article 56. Liquidation	44
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION	44
Article 57. Internal Dispute Resolution.....	44
XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER	45
Article 58. Company Charter	45
XXI. EFFECTIVE DATE.....	45
Article 59. Effective Date.....	45

INTRODUCTORY SECTION

The Charter of U&I Logistics Corporation ("U&I Logistics" or "Company"), a joint stock company established and operating under the provisions of the Enterprise Law, serves as the legal foundation for the governance, management, business, investment, and other activities of the Company.

This Charter is adopted pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No./2026/NQ-ĐHĐCĐ.UNILOG, dated month year 2026 (hereinafter referred to as "Charter")

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of Terms

1. In this Charter, the following terms shall be understood as follows:

- a) *Charter Capital* is the total par value of shares sold or registered for purchase upon the establishment of the joint stock company and as stipulated in Article 6 of this Charter;
- b) *Voting Capital* is the share capital whereby the holder has the right to vote on matters within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
- c) *Enterprise Law* is the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;
- d) *Securities Law* is the Securities Law No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;
- e) *Vietnam* is the Socialist Republic of Vietnam;
- f) *Establishment Date* is the date on which the Company was first issued the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate and equivalent documents);
- g) *Enterprise Executive* is the General Director, Chief Accountant;
- h) *Enterprise Manager* is the company manager, including the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, General Director, and individuals holding other managerial positions as stipulated in the Company Charter;
- i) *Insider* is a person holding an important position in the governance and management apparatus of the enterprise, public fund, public securities investment company, including:
 - Insiders of the enterprise include the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the legal representative, the General Director (Director), the Chief Accountant, and equivalent management positions elected by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors; the Head of the Supervisory Board and members of the Supervisory Board (Supervisors), members of the internal audit committee; the company secretary, the person in charge of corporate governance, and the person authorized to disclose information;
 - Insiders of a public fund or a public securities investment company include members of the representative board of the public fund, members of the Board of Directors of the public securities investment company, the operator of the public fund, the operator of the public securities investment company, and insiders of the securities investment fund management company.

k) *Related persons* are individuals or organizations that have relationships with each other in the following cases:

- An enterprise and its insiders; a public fund, a public securities investment company, and the insiders of that public fund or public securities investment company;
- An enterprise and an organization or individual owning more than 10% of the voting shares or capital contribution of that enterprise;
- An organization or individual that, in relation to another organization or individual, directly or indirectly controls or is controlled by that organization or individual or is jointly controlled with that organization or individual;
- An individual and their biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, father-in-law, mother-in-law, spouse, biological child, adopted child, daughter-in-law, son-in-law, biological brother, biological sister, biological sibling, brother-in-law, sister-in-law, brother-in-law, sister-in-law of that individual;
- A securities investment fund management company and the securities investment funds, securities investment companies managed by that securities investment fund management company;
- A contractual relationship in which an organization or individual represents another organization or individual;
- Other organizations or individuals are Related Persons as stipulated by the Enterprise Law specifically detailed as follows:

- Related persons are individuals or organizations that have a direct or indirect relationship with the enterprise in the following cases:
- Parent company, managers, and legal representatives of the parent company, and persons authorized to appoint managers of the parent company;
- Subsidiary company, managers, and legal representatives of the subsidiary company;
- Individuals, organizations, or groups of individuals, organizations capable of controlling the activities of that enterprise through ownership, acquisition of shares, capital contributions, or through decision-making of the company;
- Enterprise managers, legal representatives, Supervisors;
- Spouse, biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, father-in-law, mother-in-law, biological child, adopted child, son-in-law, daughter-in-law, biological brother, biological sister, biological sibling, brother-in-law, sister-in-law, brother-in-law, sister-in-law of the company manager, legal representative, Supervisor, member, and shareholder owning controlling capital contributions or shares;
- Individuals who are authorized representatives of the company, organization specified in points a, b, and c of this clause;
- An enterprise in which individuals, companies, or organizations specified in points a, b, c, d, đ, and e of this clause have ownership to the extent of controlling decision-making of the company. .

l) *Shareholder* is an individual or organization owning at least one share of the joint stock company;

- m) *Founding Shareholder* is a shareholder owning at least one common share and signing the list of founding shareholders of the joint stock company;
- n) *Major Shareholder* is a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Securities Law;
- o) *Share* is the charter capital divided into equal parts.
- p) *Dividend Preferred Share* is a share that pays dividends at a higher rate than common shares or at a stable annual rate.
- q) *Redeemable Preferred Share* is a share that the company redeems the contributed capital at the request of the holder or under the conditions specified on the share certificate of the redeemable preferred share and the Company Charter.
- r) *Voting Preferred Share* is a common share with more voting rights than other common shares; the number of votes per voting preferred share is stipulated by the Company Charter.
- s) *Online AGM* refers to annual or extraordinary general meetings of shareholders held in a manner that allows participation via the internet, enabling shareholders at different locations to follow the proceedings, discuss, and exercise their voting or election rights.
- t) *Term of Operation* is the duration of the Company's operation as stipulated in Article 2 of this Charter and any extension (if applicable) approved by the General Meeting of Shareholders of the Company;
- u) *Stock Exchange* refers to the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. In this Charter, references to one or more provisions or other documents include any amendments, supplements, or replacement documents.

3. The headings (Sections, Articles of this Charter) are used for convenience of understanding and do not affect the content of this Charter.

II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations, and term of operation of the Company

1. Company Name

- Company name in Vietnamese: **U&I LOGISTICS CORPORATION**
- Company name in foreign language: **U&I LOGISTICS CORPORATION**
- Company abbreviation: **U&I LOGISTICS.**

2. The Company is a joint stock company with legal entity status in accordance with the current laws of Vietnam.

3. Registered head office of the Company:

- Head Office Address: 158 Ngo Gia Tu, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Telephone: 0274 3816288/3822908
- Fax: 0274 3816290.

- E-mail: info@unilogistics.vn

- Website: www.unilogistics.vn

4. The Company may establish branches and representative offices in business locations to achieve the Company's operational objectives in accordance with the decisions of the Board of Directors and within the scope permitted by law.

5. The Company's duration of operation is indefinite, unless terminated by a decision of the General Meeting of Shareholders or as prescribed by law. The Company may change its duration of operation pursuant to a Resolution of the General Meeting of Shareholders or a decision of a competent state authority.

Article 3. Legal Representative of the Company

The Company has one legal representative. The General Director is the legal representative of the Company.

The rights and obligations of the legal representative are stipulated in Article 35 of this Charter.

III. OBJECTIVES, BUSINESS SCOPE, AND OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Company's Operational Objectives

1. Industry and Business Activities of the Company:

No.	Industry Name	Industry Code
1	Other supporting services related to transportation: Details: Freight forwarding; Arranging or organizing rail, road, and sea transport activities; Import-export cargo handling; Collection and delivery of transport documents and bills of lading; Activities of customs clearance agents (only operating when meeting the registration and operational conditions of customs clearance agents); Activities of sea and air freight agents; Brokerage for chartering ships and aircraft; Packaging services (excluding pesticide packaging); Shipping agency services; Sea freight agency services;	5229 (main)
2	Freight transport by road	4933
3	Inland water freight transport	5022
4	Warehousing and storage of goods (excluding coal and scrap)	5210
5	Direct support services for water transport	5222
6	Cargo handling (excluding airport cargo handling)	5224

7	Activities of insurance agents and brokers Details: Multimodal transport cargo insurance brokerage.	6622
8	Wholesale of automobiles and other motor vehicles	4511
9	Maintenance and repair of automobiles and other motor vehicles	4520
10	Wholesale of parts and accessories for automobiles and other motor vehicles	4530
11	Wholesale of agricultural and forestry raw materials (excluding wood, bamboo, and rattan) and live animals Details: Wholesale of agricultural and forestry raw materials (excluding wood, bamboo, rattan, rice, sugarcane, and sugar beet) and live animals (excluding trading in wild plants and animals, including live specimens and processed parts, as stipulated by international treaties to which Vietnam is a member, and rare plants and animals listed as prohibited for exploitation and use)	4620
12	Wholesale of construction materials and other installation equipment Details: Wholesale of construction materials (excluding inland waterway activities); sanitary equipment; bamboo, rattan, timber, and processed wood; hardware	4663
13	Wholesale of food Details: Excluding rice, sugarcane, and sugar beet	4632
14	Wholesale of fabrics, ready-made garments, and footwear	4641
15	Wholesale of other household goods Details: Wholesale of perfumes, cosmetics, and sanitary products; ceramic, porcelain, and glassware; household electrical appliances, lamps, and lighting fixtures; beds, wardrobes, tables, chairs, and similar furniture	4649
16	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components	4652
17	Wholesale of computers, peripheral equipment, and software	4651
18	Wholesale of agricultural machinery, equipment, and spare parts	4653
19	Wholesale of other machinery, equipment, and spare parts Details: Wholesale of mining and construction machinery, electrical machinery and equipment, electrical materials; textile, garment, and leather machinery and spare parts; office machinery and equipment (excluding	4659

	computers and peripheral equipment); computer-controlled machine tools; various types of machine tools for all materials.	
20	Wholesale of metals and metal ores. Details: Wholesale of iron, steel, and other metals (excluding precious metals).	4662
21	Other specialized wholesale not elsewhere classified. Details: Wholesale of industrial chemicals (excluding pesticides and chemicals listed in Schedule 1 of the International Convention); primary form plastics; rubber; textile fibers; pulp; metal and non-metal scrap, waste, and raw materials for recycling	4669
22	Real estate business, land use rights of owners, users, or lessees (implemented according to planning)	6810
23	Mechanical processing; metal treatment and coating Details: Production of iron pallets	2592
24	Rental of motor vehicles	7710
25	Software publishing	5820
26	Computer programming	6201
27	Computer consultancy and system administration	6202
28	Information technology service activities and other services related to computers	6209
29	Data processing, hosting, and related activities	6311
30	Specialized design activities <i>(Details: Website design)</i>	7410
31	Support activities for road transportation	5225
32	Support activities for rail transportation.	5221
33	Agency, brokerage, and auction of goods <i>Details: Agency and brokerage of goods</i>	4610
34	Electricity production <i>Details: Solar Power</i>	3511

	<i>(Enterprises with foreign investment capital must comply with the provisions of international treaties, WTO agreements to which Vietnam is a member regarding capital contribution ratios, forms of investment, and market opening schedules; they must carry out investment procedures in accordance with the provisions of investment law; enterprises must strictly adhere to the legal provisions on land, construction, fire prevention and fighting, environmental protection, and business conditions for conditional business sectors)</i>	The industry has not yet matched the codes of the Vietnam Standard Industrial Classification
--	---	--

2. Company's Operational Objectives: The Company is established for the purpose of conducting lawful profit-making business, increasing shareholder value; creating jobs and stable income for employees, participating in local socio-economic development activities, and engaging in business activities in compliance with the law, with the mission:

- To provide logistics solutions tailored to meet the specific needs of each customer.
- To become the most efficient logistics service provider in Vietnam.
- To serve as the core connector forming the largest logistics network in Vietnam.

Article 5. Business Scope and Operations of the Company

The Company is authorized to conduct business activities in the industries specified in this Charter, which have been registered, notified of changes to the registration content with the business registration authority, and published on the National Business Registration Portal.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter Capital, Shares, Founding Shareholders

1. The Company's charter capital is VND 720,000,000,000 *(in words: Seven hundred twenty billion Vietnamese dong)*

The total charter capital of the Company is divided into 72,000,000 shares with a par value of VND 10,000 per share.

2. The Company may change its charter capital upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with legal regulations.

3. The Company's shares as of the date of adoption of this Charter include common shares. The rights and obligations of shareholders holding each type of share are stipulated in Articles 12 and 13 of this Charter.

4. The Company may issue other types of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with legal regulations.

5. In the event that the Company issues additional new common shares, the newly issued common shares must be offered on a priority basis to existing shareholders in proportion to their respective ownership of common shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. The Company must notify shareholders of the offering, specifying the number of shares offered, the offering price, the subscription period, and the method of subscription. The subscription period must be reasonable, not less than twenty-one (21) days from the date of notification or as otherwise prescribed by law. If existing shareholders do not subscribe or do not purchase all the offered

shares, the Board of Directors is authorized to allocate the remaining shares to other shareholders or other entities under conditions and methods deemed appropriate by the Board of Directors, but not more favorable than the conditions offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders or stipulated by securities law.

6. The Company may purchase shares issued by the Company itself in accordance with the methods prescribed in this Charter and applicable law.

7. The Company may issue other types of securities as prescribed by law.

Article 7. Share Certificate

1. Shareholders of the Company shall be issued share certificates corresponding to the number and type of shares owned.

2. A share is a type of security that confirms the legal rights and interests of the holder in a portion of the share capital of the issuing organization. Shares must contain all the contents as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Enterprise Law.

3. Within thirty (30) days from the date of submission of a complete application for the transfer of share ownership as prescribed by the Company, or within sixty (60) days from the date of full payment for the purchase of shares as stipulated in the Company's share issuance plan (or another period as specified in the issuance terms), the holder of the shares shall be issued a share certificate. The shareholder shall not be charged by the Company for the cost of printing the share certificate.

4. In the event that a share certificate is lost, damaged, or otherwise destroyed, the shareholder shall be reissued a share certificate by the Company upon the shareholder's request. The shareholder's request must include the following contents:

- a) Information regarding the share certificate that has been lost, damaged, or otherwise destroyed;
- b) A commitment to bear responsibility for any disputes arising from the issuance of a new share certificate.

Article 8. Other Securities Certificates

Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the Company's seal.

Article 9. Transfer of Shares

1. All shares are freely transferable, and listed shares registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of securities law and the stock market. The following cases are not freely transferable, specifically:

- Shareholders holding preferred voting shares are not allowed to transfer such shares to others, except in cases of transfer pursuant to a legally effective court judgment or decision, or inheritance.

- During the period of three years from the date the company is granted the Enterprise Registration Certificate, the common shares of founding shareholders may be freely transferred to other founding shareholders and may only be transferred to non-founding shareholders with the approval of the General Meeting of Shareholders. In this case, the founding shareholder intending to transfer common shares shall not have the right to vote on the transfer of such shares.

2. Shares that have not been fully paid for shall not be transferable and shall not enjoy the benefits related to the unpaid portion, such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued

to increase share capital from the owner's equity, the right to purchase newly offered shares, and other benefits as prescribed by law.

3. The ownership of shares by shareholders shall only be recognized and effective against the Company from the time the shareholder's information is fully and validly recorded in the Company's Shareholder Register in accordance with the law.

Article 10. Recovery of shares (in the case of enterprise registration)

1. In the event that a shareholder fails to fully and timely pay the amount due for purchasing shares, the Board of Directors shall notify and have the right to require such shareholder to pay the remaining amount, and the shareholder shall be liable corresponding to the total par value of the shares registered for purchase concerning the Company's financial obligations arising from the failure to fully pay.

2. The payment notice mentioned above must specify the new payment deadline (at least seven days from the date of sending the notice), the payment location, and must clearly state that if payment is not made as required, the unpaid shares will be recovered.

3. The Board of Directors has the right to recover shares that have not been fully and timely paid in the event that the requirements in the above notice are not fulfilled.

4. Recovered shares are considered shares eligible for sale as stipulated in Clause 3, Article 112 of the Enterprise Law. The Board of Directors may directly or authorize the sale, redistribution under conditions and methods deemed appropriate by the Board of Directors.

5. Shareholders holding recovered shares must relinquish their shareholder status concerning those shares, but shall still be liable corresponding to the total par value of the shares registered for purchase concerning the Company's financial obligations arising at the time of recovery according to the decision of the Board of Directors from the date of recovery until the date of payment. The Board of Directors has full authority to enforce the payment of the entire value of the shares at the time of recovery.

6. The recovery notice is sent to the holder of the recovered shares before the recovery date. The recovery remains effective even in the event of errors or negligence in sending the notice.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Article 11. Organizational structure, governance, and control

The management, governance, and control structure of the Company includes:

1. General Meeting of Shareholders.
2. Board of Directors.
3. Supervisory Board.
4. General Director.

VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of shareholders

1. Shareholders are the owners of the Company and have rights and obligations corresponding to the number and type of shares they own. Shareholders are only liable for the Company's debts and other property obligations within the scope of their contributions to the Company.

2. Common shareholders have the following rights:

- a) Attend and speak at the General Meeting of Shareholders; exercise voting rights directly or through an authorized representative. Shareholders may also exercise voting rights through online conferences, electronic voting, or other electronic forms. Each common share corresponds to one voting ballot;
- b) Receive dividends at the rate and method determined by the General Meeting of Shareholders, corresponding to the number of shares owned;
- c) When the company offers new shares, common shareholders have the preemptive right to purchase in proportion to their existing shareholding, unless otherwise stipulated by the Charter or law;
- d) Freely transfer fully paid shares in accordance with the provisions of this Charter and applicable law;
- e) Review, inspect, and extract information regarding names and contact addresses in the Shareholder List with voting rights; request amendments to incorrect information;
- f) Review, inspect, extract, or copy the Company Charter, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders;
- g) In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, common shareholders are entitled to receive a portion of the remaining assets of the Company corresponding to their shareholding ratio, after the Company has settled all debts, other asset obligations, and after reimbursement to preferred shareholders (if any);
- h) Request the Company to repurchase shares in cases stipulated in Article 132 of the Enterprise Law;
- i) Be treated equally by the Company. Accordingly, each share of the same type confers equal rights, obligations, and benefits to the shareholder. In cases where the Company has preferred shares, the rights and obligations associated with preferred shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;
- j) Access full periodic and extraordinary information disclosed by the Company in accordance with legal regulations;
- k) Be protected in their legitimate rights and interests; propose the suspension or annulment of resolutions, decisions of the General Meeting of Shareholders, and the Board of Directors in accordance with the Enterprise Law;
- l) Other rights as stipulated by law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders holding five percent (5%) or more of the total common shares have the following rights:

- a) Request the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115, and Article 140 of the Enterprise Law;
- b) Review, inspect, extract the minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, contracts, transactions requiring Board of Directors' approval, and other documents, except those related to the Company's trade secrets and business secrets;
- c) Request the Board of Directors to examine specific issues related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be in writing and include the following details: name, contact address, nationality, legal identification of the individual shareholder; name, enterprise code or legal identification of the organization, head office address for organizational

shareholders; number of shares and total shares of the shareholder group and ownership ratio in the total shares of the Company; issues to be examined, purpose of examination.

- d) Propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders;
- e) Other rights as prescribed by law and this Charter.

4. Shareholders or groups of shareholders holding ten percent (10%) or more of the total common shares have the right to nominate individuals to the Board of Directors. The nomination process is as follows:

- a) If common shareholders form a group to nominate individuals to the Board of Directors, they must notify the group meeting to the shareholders attending the meeting before the commencement of the General Meeting of Shareholders;
- b) Based on the number of Board of Directors members, shareholders or groups of shareholders as stipulated in this clause have the right to nominate one or more candidates for the Board of Directors. If the number of candidates nominated by the shareholders or group of shareholders is less than the number of candidates they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors and other shareholders.

5. The nomination and candidacy for membership of the Company's Board of Directors shall be conducted according to the following principles:

- a) Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 4 of this Article have the right to nominate and stand for election to the Board of Directors according to the shareholding ratio as follows:
 - Shareholders or groups of shareholders holding from ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total common shares have the right to nominate one (01) candidate;
 - Shareholders or groups of shareholders holding from twenty percent (20%) to less than thirty percent (30%) of the total common shares have the right to nominate two (02) candidates;
 - Shareholders or groups of shareholders holding thirty percent (30%) or more of the total common shares have the right to nominate three (03) candidates.
- b) Shareholders or groups of shareholders as stipulated in this Clause may only exercise the right to nominate and stand for election during one term of the Board of Directors. In the event that a member of the Board of Directors is dismissed or removed by the General Meeting of Shareholders during the term, the shareholders or group of shareholders who nominated that member may continue to exercise the right to nominate and stand for election to supplement the Board of Directors until the end of the term, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

Article 13. Obligations of Shareholders

1. Common shareholders have the following obligations:

- a) Comply with this Charter and the Company's Governance Regulations; adhere to the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the resolutions of the Board of Directors;
- b) Attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights directly or through an Authorized Representative attending the meeting or by voting via mail, fax, email, or through online conferences, electronic voting, or other electronic forms. Shareholders may authorize a member of the Board of Directors to represent them at the General Meeting of Shareholders;

- c) Pay in full and on time for the shares registered for purchase according to the prescribed procedures, and be responsible for the debts and other asset obligations of the Company within the scope of the capital contributed to the Company;
- d) Not withdraw the contributed capital from the Company in any form, except in cases where the Company or another party repurchases the shares. If a shareholder withdraws part or all of the contributed share capital contrary to the provisions of this clause, that shareholder and the related parties in the Company shall be jointly liable for the debts and other asset obligations of the Company within the value of the shares withdrawn and any resulting damages;
- e) Provide a complete and accurate contact address when registering to purchase shares;
- f) Maintain the confidentiality of information provided by the Company in accordance with the Company Charter and applicable laws; use the provided information solely to exercise and protect one's legitimate rights and interests; it is strictly prohibited to disseminate or copy, send the information provided by the Company to other organizations or individuals.
- g) Bear personal responsibility when acting on behalf of the Company in any form to perform the following acts:
- Violation of the law;
 - Conduct business and other transactions for personal gain or to serve the interests of other organizations or individuals;
 - Make payments on debts not yet due in anticipation of potential financial risks to the Company;
- h) Fulfill other obligations as prescribed by current laws.

2. Information Disclosure Obligations of Major Shareholders:

- a) An organization or individual, upon becoming or ceasing to be a major shareholder of the Company, must disclose information and submit a written report to the Company, the State Securities Commission, and the Stock Exchange where the Company's shares are listed, within five (5) working days from the date of becoming or ceasing to be a major shareholder.
- b) Reports on changes in the shareholding ratio of major shareholders must be conducted in accordance with securities laws.
- c) When there is a change in the number of shares owned leading to a threshold of 1% of the total voting shares, the major shareholder must continue to fulfill the reporting obligation within five (5) working days from the date of change, following the procedures and content prescribed by law.
- d) The provisions at Points a, b, c of this Clause shall apply similarly to Related Persons of major shareholders as stipulated in the Securities Law.
- e) Major shareholders who do not fully perform their information disclosure obligations as prescribed shall be liable before the law and may be subject to handling in accordance with current laws.

Article 14. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders comprises all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders convenes annually once

a year and within four (4) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may decide to extend the annual General Meeting of Shareholders if necessary, but not exceeding six months from the end of the fiscal year. Besides the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene extraordinary meetings. The location of the General Meeting of Shareholders is determined as the place where the chairperson attends the meeting and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors convenes the annual General Meeting of Shareholders and selects an appropriate venue. The annual General Meeting of Shareholders decides on matters as prescribed by law and the Company Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In cases where the audit report on the Company's annual financial statements contains material exceptions, adverse opinions, or disclaimers, the Company must invite representatives of the approved auditing organization conducting the audit of the Company's financial statements to attend the annual General Meeting of Shareholders, and the representatives of the approved auditing organization mentioned above are responsible for attending the annual General Meeting of Shareholders of the Company.

3. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

- a) The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;
- b) The number of remaining members of the Board of Directors, Supervisory Board is less than the minimum number of members as prescribed by law;
- c) At the request of a shareholder or group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law; the request to convene the General Meeting of Shareholders must be made in writing, clearly stating the reasons and purpose of the meeting, with sufficient signatures of the relevant shareholders or the written request must be made in multiple copies and gather enough signatures of the relevant shareholders;
- d) At the request of the Supervisory Board;
- đ) Other cases as prescribed by law and this Charter.

4. Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

a) The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within 30 days from the date the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, or members of the Supervisory Board remains as stipulated in Point b, Clause 3 of this Article or upon receipt of the request as stipulated in Point c and Point d, Clause 3 of this Article. In the event that the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Chairperson of the Board of Directors and the members of the Board of Directors must compensate for any damages arising to the company.

b) In the event that the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, within the next 30 days, the Supervisory Board shall replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Enterprise Law. In the event that the Supervisory Board does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Supervisory Board must compensate for any damages arising to the company.

c) In the event that the Supervisory Board does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point b, Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders as stipulated in Point c, Clause 3 of this Article has the right to request the Company's representative to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in the Enterprise Law;

In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the order, procedures for convening, conducting the meeting, and making decisions of the General Meeting of Shareholders. All costs for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These costs do not include expenses incurred by shareholders when attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.

d) Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders as prescribed in Clause 5, Article 140 of the Enterprise Law.

Article 15. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:

- a) Approve the development orientation of the Company;
- b) Decide on the type of shares and the total number of shares of each type to be offered; decide on the annual dividend rate of each type of shares;
- c) Elect, dismiss, and remove members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
- d) Decide on investment or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;
- đ) Decide on amendments and supplements to the Company Charter;
- e) Approve the annual financial statements;
- g) Decide on the repurchase of more than 10% of the total number of shares sold of each type;
- h) Consider and handle violations by members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board causing damage to the Company and its shareholders;
- i) Decide on the reorganization and dissolution of the Company;
- k) Determination of the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;
- l) Approval of the internal governance regulations; operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;
- m) Approval of the list of approved independent auditing firms; decision on the approved auditing firm to conduct the company's operational audit, and dismissal of approved auditors when deemed necessary;
- o) Approval of contracts and transactions between the company and Related Persons who are shareholders, authorized representatives of organizational shareholders owning more than 10% of the total common shares of the company, and their Related Persons; members of the Board of Directors, the General Director, and their Related Persons; enterprises in which members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director, and other managers of the company must declare as

stipulated in Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law; equal to or greater than 35% of the total asset value of the enterprise recorded in the most recent financial statements.

p) The General Meeting of Shareholders approves contracts and transactions involving loans, lending, or the sale of assets with a value greater than 10% of the total asset value of the enterprise recorded in the most recent financial statements between the company and shareholders owning 51% or more of the total voting shares or their Related Persons.

n) Other rights and obligations as prescribed by law.

2. The 2025 Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a) The Company's annual business plan;

b) The audited annual financial statements;

c) The Board of Directors' report on governance and the performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors;

d) The Supervisory Board's report on the Company's business results, the performance of the Board of Directors, and the General Director;

đ) The self-assessment report on the performance of the Supervisory Board and its members;

e) The dividend rate for each type of share;

g) The number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

h) Election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;

i) Determination of the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

k) Approval of the list of approved auditing firms; decision on the approved auditing firm to conduct the company's activities audit when deemed necessary;

l) Amendments and supplements to the Company Charter;

m) Types of shares and the number of new shares to be issued for each type of share;

n) Transfer of shares by founding shareholders within the first three years from the date of establishment;

o) Division, separation, consolidation, merger, or conversion of the Company;

p) Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of liquidators;

q) Decision on investment or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements;

r) Decision to repurchase more than 10% of the total shares sold of each type;

s) The company enters into contracts and transactions with entities specified in Clause 1, Article 167 of the Enterprise Law with a value equal to or greater than 35% of the total asset value of the Company recorded in the most recent financial statements;

t) Approval of the transactions specified below:

- Granting loans or guarantees to members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (Director), other managers who are not shareholders, and individuals or organizations related to these persons;
In cases of granting loans or guarantees to organizations related to members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (Director), or other managers where the public company and such organization are companies within the same group or companies operating under a corporate group structure, including parent company - subsidiary company, economic group, the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors shall approve in accordance with the Company Charter;
- Transactions valued at 35% or more, or transactions leading to a total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction amounting to 35% or more of the total asset value recorded in the most recent financial statements, or another smaller percentage or value as stipulated in the Company Charter between the public company and any of the following parties:
 - Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (Director), other managers, and Related Persons of these individuals;
 - Shareholders, authorized representatives of shareholders owning more than 10% of the total common shares of the company and their Related Persons;
 - Enterprises related to the parties specified in Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law;

Contracts, loan transactions, or asset sales with a value exceeding 10% of the total asset value recorded in the most recent financial statements between the company and shareholders owning 51% or more of the total voting shares or Related Persons of such shareholders.

u) Approval of the Internal Corporate Governance Regulations, the Board of Directors' Operational Regulations, and the Supervisory Board's Operational Regulations;

v) Other matters as prescribed by law and this Charter.

3. All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 16. Authorization to Attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders or authorized representatives of shareholders who are organizations may directly attend the meeting or authorize one or several individuals or other organizations to attend the meeting or attend the meeting through one of the following forms:

- a) Attend and vote directly at the meeting;
- b) Authorize another individual or organization to attend and vote at the meeting;
- c) Attend and vote via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
- d) Send voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;
- đ) Send voting ballots by other means as stipulated in the Company Charter.

2. The authorization for individuals or organizations to represent and attend the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 1 of this Article must be made in writing. The authorization document shall be prepared in accordance with civil law and must clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares

authorized, the content of the authorization, the scope of the authorization, the duration of the authorization, and the signatures of the authorizing party and the authorized party.

The Authorized Representative attending the General Meeting of Shareholders must submit the Letter of Authorization upon registration for the meeting. In the case of re-authorization, the attendee must also present the original Letter of Authorization from the shareholder or the authorized representative of the shareholder organization (if not previously registered with the Company).

3. The Voting Ballot of the Authorized Representative attending the meeting within the scope of authorization shall be valid unless the Company receives notification of one of the following events prior to the commencement of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened in the event of any of the following circumstances:

- a) The authorizer has died, is restricted in civil act capacity, or has lost civil act capacity;
- b) The authorizer has revoked the authorization appointment;
- c) The authorizer has revoked the authority of the person executing the authorization.

Article 17. Amendment of Rights

1. The amendment or revocation of special rights attached to a class of Preferred Shares shall be effective when approved by shareholders representing 65% or more of the total Voting Rights of all shareholders attending the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders concerning changes adversely affecting the rights and obligations of shareholders holding Preferred Shares shall only be approved if it is agreed upon by shareholders holding 75% or more of the total shares of that class attending the meeting or by shareholders holding 75% or more of the total shares of that class in the case of a resolution passed by written consent.

2. The organization of a meeting of shareholders holding a class of Preferred Shares to approve the aforementioned changes in rights shall only be valid when attended by at least two shareholders (or their Authorized Representatives) holding at least one-third of the par value of the issued shares of that class. If the required number of delegates is not met, the meeting shall be reconvened within the next 30 days, and those holding shares of that class (regardless of the number of persons and shares) present directly or through an Authorized Representative shall be considered to meet the required number of delegates. At such meetings of shareholders holding Preferred Shares, those present directly or through a representative may request a Secret Ballot. Each share of the same class shall have equal Voting Rights at such meetings.

3. The procedures for conducting such separate meetings shall be carried out similarly to the provisions of Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Unless otherwise specified in the terms of share issuance, the special rights attached to classes of shares with preferential rights concerning certain or all matters related to the distribution of profits or assets of the Company shall not be altered when the Company issues additional shares of the same class.

Article 18. Convene Meetings, Meeting Agenda, and Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and Extraordinary General Meetings. The Board of Directors shall convene Extraordinary General Meetings of Shareholders in the cases specified in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. The convener of the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:

- a) Prepare the list of shareholders eligible to participate and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be compiled no later than 10 days prior to the date of sending the Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders. The Company must disclose information regarding the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days prior to the Final Registration Date;
- b) Provide information and address complaints related to the list of shareholders;
- c) Prepare the agenda and content of the meeting;
- d) Prepare documents for the meeting;
- đ) Draft the resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the anticipated content of the meeting; list and detailed information of candidates in the event of the election of members to the Board of Directors and Supervisors;
- e) Determine the time and venue for the meeting;
- g) Notify and send the Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders to all shareholders entitled to attend the meeting;
- h) Other tasks serving the meeting.

3. The Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method ensuring delivery to the shareholders' contact address, and simultaneously published on the Company's website and the website of the State Securities Commission, the stock exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The convener of the General Meeting of Shareholders must send the Notice of Meeting to all shareholders in the List of shareholders entitled to attend the meeting no later than 21 days prior to the opening date of the meeting (calculated from the date the notice is sent or duly dispatched). The agenda of the General Meeting of Shareholders, documents related to matters to be voted on at the meeting shall be sent to shareholders and/or posted on the Company's website. In the event that documents are not sent with the Notice of Meeting of the General Meeting of Shareholders, the Notice of Meeting must specify the link to access all meeting documents, including:

- a) Meeting agenda, documents used in the meeting;
- b) List and detailed information of candidates in the event of the election of members to the Board of Directors and Supervisory Board;
- c) Voting Ballot;
- d) Draft resolutions for each issue in the meeting agenda.
- đ) Meeting documents of the General Meeting of Shareholders must be updated with any amendments or supplements (if any).

4. Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 12 of this Charter have the right to propose issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the Company no later than 3 working days before the opening date of the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each

type of shares held by the shareholder, contact address, nationality, identity card number, passport, or other legal personal identification for individual shareholders; name, enterprise code or establishment decision number, head office address for organizational shareholders; the number and type of shares held by the shareholder and the issue proposed to be included in the meeting agenda.

5. The convener of the General Meeting of Shareholders has the right to reject the proposal stipulated in Clause 4 of this Article if it falls under any of the following cases:

- a) The proposal is not sent in accordance with Clause 4 of this Article;
- b) At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold at least 5% of the common shares as stipulated in Clause 2, Article 12 of this Charter;
- c) The proposed issue does not fall within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
- d) Other cases as prescribed by law and this Charter.

6. The convener of the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposals stipulated in Clause 4 of this Article into the proposed agenda and content of the meeting, except in cases specified in Clause 5 of this Article; the proposal shall be officially added to the agenda and content of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 19. Conditions for Conducting the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders representing more than 50% of the total voting rights are present.

2. In the event that the first meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 1 of this Article, a second meeting notice shall be sent within 30 days from the date of the intended first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders representing at least 33% of the total voting rights are present.

3. In the event that the second meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 2 of this Article, a third meeting notice must be sent within 20 days from the date of the intended second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the total voting rights of the shareholders present.

Article 20. Procedures for Conducting and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Prior to the commencement of the meeting, the Company must conduct shareholder registration procedures and continue registration until all shareholders entitled to attend have registered, following the sequence below:

- a) Upon shareholder registration, the Company shall issue each shareholder or authorized representative with a voting card/voting ballot, indicating the registration number, full name of the shareholder, full name of the authorized representative, and the number of voting rights/votes of that shareholder. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue in the agenda. Voting shall be conducted by means of agreeing, disagreeing, or abstaining. At the General Meeting, the number of cards agreeing to the resolution shall be collected first, followed by the cards disagreeing, and finally, the total number of votes agreeing or disagreeing shall be counted to decide. The vote counting results shall be announced by the Chairperson immediately before the closing of the meeting. The General Meeting shall elect individuals responsible for vote counting or supervising the vote

counting as proposed by the Chairperson. The number of members of the Vote Counting Committee shall be determined by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Chairperson of the meeting;

b) Shareholders, authorized representatives of organizational shareholders, or authorized persons arriving after the meeting has commenced have the right to register immediately and thereafter participate and vote at the meeting immediately after registration. The Chairperson is not obligated to pause the meeting for late-arriving shareholders to register, and the validity of the matters previously voted upon remains unchanged.

2. The election of the Chairperson, Secretariat, and Vote Counting Committee is stipulated as follows:

a) The Chairperson of the Board of Directors shall preside over or authorize another member of the Board of Directors to preside over the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. In the event the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, the remaining members of the Board of Directors shall elect one among them to preside over the meeting by majority vote. If no presiding officer is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a presiding officer by the General Meeting of Shareholders from among the attendees, with the individual receiving the highest number of votes presiding over the meeting;

b) Except as provided in point a of this clause, the individual signing the notice to convene the General Meeting of Shareholders shall facilitate the election of a presiding officer by the General Meeting of Shareholders, with the individual receiving the highest number of votes presiding over the meeting;

c) The presiding officer shall appoint one or more individuals to serve as the meeting secretariat;

d) The General Meeting of Shareholders shall elect one or more individuals to the Vote Counting Committee upon the recommendation of the presiding officer.

3. The agenda and content of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda must clearly and specifically allocate time for each issue within the meeting content.

4. The presiding officer of the meeting shall have the authority to implement necessary and reasonable measures to conduct the General Meeting of Shareholders in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and reflecting the wishes of the majority of attendees.

a) Arrange seating at the venue of the General Meeting of Shareholders;

b) Ensure the safety of all individuals present at the meeting venues;

c) Facilitate the participation (or continued participation) of shareholders in the meeting. The convener of the General Meeting of Shareholders shall have full authority to modify the aforementioned measures and implement all necessary measures. Such measures may include issuing entry passes or utilizing other selected forms.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue within the meeting content. Voting shall be conducted by means of approval, disapproval, and abstention. The vote counting results shall be announced by the presiding officer immediately before the meeting adjourns.

6. Shareholders or authorized representatives arriving after the meeting has commenced shall still be registered and have the right to participate in voting immediately upon registration; in such cases, the validity of previously voted content remains unchanged.

7. The convener or presiding officer of the General Meeting of Shareholders shall have the following rights:

- a) Require all attendees to undergo inspection or other lawful and reasonable security measures;
- b) Request competent authorities to maintain order during the meeting; expel individuals who do not comply with the presiding officer's authority, intentionally disrupt order, impede the normal progress of the meeting, or fail to comply with security inspection requirements from the General Meeting of Shareholders.

8. The presiding officer shall have the right to postpone the General Meeting of Shareholders, which has a sufficient number of registered attendees, for a maximum of three working days from the scheduled opening date and may only postpone the meeting or change the meeting venue under the following circumstances:

- a) The meeting venue does not have sufficient convenient seating for all attendees;
- b) Communication facilities at the meeting venue do not ensure the participation, discussion, and voting of attending shareholders;
- c) If any attendee disrupts or causes disorder, posing a risk that the meeting cannot be conducted fairly and legally.

9. In the event that the Chairperson adjourns or suspends the General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person from among the attendees to replace the Chairperson and conduct the meeting until its conclusion; all resolutions passed at such meeting shall be effective.

10. In cases where the Company employs modern technology to organize the General Meeting of Shareholders through online meetings, the Company is responsible for ensuring that shareholders can participate and vote by electronic ballot or other electronic means as stipulated in Article 144 of the Enterprise Law and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law.

Article 21. Conditions for the Approval of Resolutions by the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following matters shall be approved if they receive the affirmative vote of shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, except as provided in Clauses 3, 4, and Clauses 6 of Article 148 of the Enterprise Law:

- a) Types of shares and total number of shares of each type;
- b) Changes in the Company's business lines and sectors;
- c) Changes in the Company's management structure;
- d) Decisions on investment projects or the sale of assets valued at thirty-five percent (35%) or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, except where the Company Charter stipulates a different ratio or value;
- đ) Reorganization or dissolution of the Company.

2. Resolutions shall be adopted if they are approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4 and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Voting for the election of members to the Board of Directors and the Supervisory Board shall be conducted by cumulative voting as stipulated in Clause 3, Article 148 of the Enterprise Law. Accordingly, each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors or the Supervisory Board, and shareholders may allocate all or part of their total votes to one or several candidates. In the event that two or more candidates receive the same number of votes for the final member of the Board of Directors or the Supervisory Board, a re-election shall be conducted among the candidates with equal votes.

Members elected to the Board of Directors or Supervisory Board shall be determined based on the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate receiving the highest number of votes until the required number of members as stipulated in the Company Charter is reached. In the event that one or more members of the Board of Directors or Supervisory Board are dismissed or removed by the General Meeting of Shareholders, the shareholder or group of shareholders who nominated those members shall have the right to nominate other candidates to replace them. The General Meeting of Shareholders shall proceed to elect additional members to the Board of Directors and Supervisory Board from these replacement candidates.

4. Resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted with 100% of the total voting shares are valid and effective even if the procedures for convening the meeting and passing the resolution violate the provisions of the Enterprise Law and the Company Charter.

Article 22. Authority and procedure for obtaining shareholder opinions in writing to approve resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors is authorized to obtain shareholder opinions in writing to approve resolutions of the General Meeting of Shareholders on all matters within the authority of the General Meeting of Shareholders if deemed necessary for the benefit of the Company, including the matters specified in Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises.

2. The Board of Directors must prepare opinion ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, and explanatory documents for the draft resolutions. Opinion ballots may be sent by postal mail, email, fax, and/or other communication methods to ensure delivery to the registered address of each Shareholder. Draft resolutions and explanatory documents may be sent to each Shareholder or posted on the Company's website. The Board of Directors must ensure that the documents are sent and disclosed to shareholders with voting rights no later than ten (10) days before the deadline for receiving returned opinion ballots.

3. The opinion ballot must contain the following essential contents:

a) Name, address of the head office, enterprise code;

b) Purpose of obtaining opinions;

c) Full name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; name, enterprise code or legal document number of the organization, head office address for organizational shareholders; or full name, contact address, nationality, and legal document number for

the representative of the organizational shareholder; number of shares of each type and number of voting rights of the shareholder;

d) Issues for which opinions are sought to make a decision;

đ) Voting options including agree, disagree, and no opinion for each issue being voted on;

e) Deadline for returning the completed opinion ballot to the Company;

g) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Shareholders may send completed opinion ballots to the Company by mail, fax, or email as follows:

a) In the case of mail, the completed opinion ballot must bear the signature of the individual shareholder, the authorized representative, or the legal representative of the organizational shareholder. The opinion ballot sent to the Company must be enclosed in a sealed envelope and must not be opened before the vote counting;

b) In the case of fax or email, the opinion ballot sent to the Company must remain confidential until the time of vote counting;

c) Opinion ballots sent to the Company after the deadline specified in the opinion ballot or opened in the case of mail and disclosed in the case of fax or email are invalid. Opinion ballots not returned are considered non-participating in the vote.

5. The Board of Directors shall count the votes and prepare the vote counting record in the presence of the Supervisory Board or shareholders not holding management positions in the Company. The vote counting record must contain the following essential contents:

a) Name, address of the head office, enterprise code;

b) Purpose and issues for which opinions are sought to approve the resolution;

c) The number of shareholders with the total number of voting/election ballots who participated in the voting/election, distinguishing between valid and invalid voting/election ballots and the method of submitting voting/election ballots, accompanied by an appendix listing the shareholders participating in the voting/election;

d) The total number of votes in favor, against, and abstentions for each issue, and the total number of votes for each candidate (if applicable);

đ) Issues that have been approved and the corresponding voting approval ratio;

e) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, the vote counter, and the vote supervision officer.

Members of the Board of Directors, the vote counter, and the vote supervision officer shall be jointly responsible for the honesty and accuracy of the vote counting record; they shall be jointly liable for any damages arising from decisions approved due to dishonest or inaccurate vote counting.

6. The vote counting record and resolution must be sent to shareholders within 15 days from the date of vote counting completion. The sending of the vote counting record and resolution may be substituted by posting on the Company's electronic information page within 24 hours from the time of vote counting completion.

7. The answered opinion ballots, vote counting record, approved resolution, and related documents accompanying the opinion ballots must be kept at the Company's headquarters.

8. A resolution is approved in the form of written shareholder opinion collection if shareholders holding over 50% of the total voting rights of all shareholders with voting rights agree, and it has the same validity as a resolution approved at the General Meeting of Shareholders.

9. Regulations on electronic opinion voting:

9.1. Provision of access accounts and implementation of electronic voting

a. Information on the access link to the electronic voting system and access account for attending the online General Meeting of Shareholders will be provided in the notice or invitation to the General Meeting of Shareholders (or other forms of notice as decided by the Board of Directors, depending on the timing of the meeting notice, but must ensure the obligation to notify the General Meeting of Shareholders in accordance with legal regulations and the Company Charter).

b. Shareholders and legal representatives of shareholders attending the online General Meeting of Shareholders are responsible for securing the access account provided to ensure that only they have the right to perform electronic voting on the electronic voting system and are fully responsible for the information registered.

c. When shareholders or legal representatives of shareholders attending the online General Meeting of Shareholders request the reissuance of the access account, the Organizing Committee of the General Meeting may notify through the following methods: directly or via email/phone. The provision of information via email or phone is based on shareholder information from the shareholder list entitled to attend the meeting prepared by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation according to the Company's notice of rights execution or the email address of the legal representative at the time of the reissuance request or the email address of the authorized representative of the shareholder attending the online General Meeting of Shareholders as shown in the valid Letter of Authorization for attending the General Meeting of Shareholders sent to the Company.

d. Shareholders and their legal representatives attending the online General Meeting of Shareholders shall use their access accounts to log into the electronic voting system to monitor the online meeting and execute electronic voting in accordance with the agenda of the online General Meeting of Shareholders.

9.2. Method of Recording Shareholders Attending the Online General Meeting of Shareholders

a) Shareholders are recorded as attending the online General Meeting of Shareholders by the electronic voting system when they access the system using the access account provided as per Section 9.1, Clause 9, Article 22 of this Charter and have completed the "confirmation of attendance at the online General Meeting of Shareholders" on the electronic voting system or by other confirmation methods as stipulated for each meeting.

b) The Board of Directors is authorized to issue necessary regulations and guidelines for organizing the online General Meeting and electronic voting in accordance with the system of the online service provider when organizing the meeting.

Article 23. Resolution and Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and may be additionally prepared in a foreign language, containing the following main contents:

- a) Name, address of the head office, enterprise code;
- b) Time and venue of the General Meeting of Shareholders;
- c) Meeting agenda and content of the meeting;
- d) Name and title of the chairperson and secretary;
- e) Summary of the meeting proceedings and the statements made at the General Meeting of Shareholders on each issue in the meeting agenda;
- f) Number of shareholders and total number of voting ballots of the shareholders attending the meeting, appendix of the shareholder registration list, representatives of shareholders attending the meeting with corresponding shares and voting ballots;
- g) Total number of voting ballots for each voting issue, specifying the voting method, total number of valid, invalid, in favor, against, and abstained votes; corresponding percentage of the total voting ballots of the shareholders attending the meeting;
- h) Summary of votes for each candidate (if applicable);
- i) Issues that have been approved and the corresponding voting approval percentage;
- j) Name and signature of the chairperson and secretary. In the event the chairperson or secretary refuses to sign the meeting minutes, the minutes shall be valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all contents as stipulated in this clause. The meeting minutes shall clearly state the refusal of the chairperson or secretary to sign the minutes.

2. The meeting minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the conclusion of the meeting. The chairperson and secretary of the meeting or other signatories in the meeting minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.

3. Minutes prepared in both Vietnamese and a foreign language shall have equal legal validity. In the event of discrepancies between the Vietnamese and foreign language minutes, the content in the Vietnamese minutes shall prevail.

4. The meeting minutes of the General Meeting of Shareholders must be sent to all shareholders within 15 days from the conclusion of the meeting; the distribution of the vote counting record may be substituted by posting on the company's website.

5. Resolutions, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders, annexes of the registered shareholder list with signatures, letters of authorization for meeting attendance, all documents attached to the Minutes (if any), and related documents accompanying the Notice of Meeting must be disclosed in accordance with the legal provisions on information disclosure in the securities market and must be retained at the Company's headquarters.

Article 24. Request for Annulment of the Resolution of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the date of receipt of the resolution or the Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders or the vote counting record of the General Meeting of Shareholders, shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law have the right to

request the Court or Arbitration to review and annul the resolution or part of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting and making decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Enterprise Law and the Company Charter, except as provided in Clause 4, Article 21 of this Charter.
2. The content of the resolution violates the law or this Charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and Candidacy of Members to the Board of Directors

1. In the event that candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least 10 days prior to the opening of the General Meeting of Shareholders on the Company's website so that shareholders can learn about these candidates before voting. Candidates for the Board of Directors must provide a written commitment regarding the honesty and accuracy of the disclosed personal information and must commit to performing their duties honestly, prudently, and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. The information related to the candidates for the Board of Directors to be disclosed includes:

- a) Full name, date, month, year of birth;
- b) Professional qualifications;
- c) Work experience;
- d) Other managerial positions (including positions on the Board of Directors of other companies);
- d) Interests related to the Company and the Company's related parties;
- e) Other information (if any) as stipulated in the Company Charter;

A public company is responsible for disclosing information about the companies where the candidate holds a position as a member of the Board of Directors, other managerial positions, and interests related to the candidate's company (if any).

2. Shareholders or groups of shareholders owning 10% or more of the total common shares have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Enterprise Law and the Company Charter.

3. In the event that the number of candidates for the Board of Directors through nomination and candidacy is still insufficient as required in Clause 2 of this Article, the incumbent Board of Directors shall introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Company Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance, and the Regulations on the Operation of the Board of Directors. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly documented in writing in the meeting materials before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors in accordance with the law.

4. Members of the Board of Directors must meet the standards and conditions stipulated in Clauses 1 and 2, Article 155 of the Enterprise Law, the Securities Law, the Company Charter, and the company's internal governance regulations. A member of the Company's Board of Directors may concurrently

serve as a member of the Board of Directors or the Members' Council in no more than five other companies.

Article 26. Composition and Term of Members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall not be less than three (3) and not more than eleven (11).

2. The term of a member of the Board of Directors shall not exceed five years and may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than two consecutive terms. In the event that all members of the Board of Directors simultaneously conclude their terms, those members shall continue to serve until new members are elected to replace them and assume their duties. This continuation of rights and obligations is to ensure the uninterrupted operation of the Company.

3. The structure of the Board of Directors is as follows:

The structure of the Board of Directors of a public company must ensure that at least one-third (1/3) of the total number of Board members are non-executive members. The Company shall minimize the number of Board members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board of Directors. The total number of independent Board members of the company must comply with the following provisions:

a) There must be at least one independent member if the company has between three and five Board members;

b) There must be at least two independent members if the company has between six and eight Board members;

c) There must be at least three independent members if the company has between nine and eleven Board members.

4. A member of the Board of Directors shall cease to hold office in the event of dismissal, removal, or replacement by the General Meeting of Shareholders in the following cases:

a) Failure to meet the standards and conditions stipulated in Article 155 of this Law;

b) Submission of a resignation letter that is accepted;

c) Failure to participate in the activities of the Board of Directors for six consecutive months, except in cases of force majeure;

d) Other cases as per the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

5. The appointment of members of the Board of Directors must be disclosed in accordance with the legal regulations on information disclosure in the securities market.

6. Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company, nor are they required to have Vietnamese nationality or reside in Vietnam.

Article 27. Responsibilities, Powers, and Duties of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the governing body of the Company, with full authority to represent the Company in deciding and executing the rights and obligations of the company, except for those rights and obligations under the authority of the General Meeting of Shareholders. The business activities and affairs of the Company are subject to the supervision and direction of the Board of Directors.

2. The rights and obligations of the Board of Directors are executed in accordance with the law, this Charter, the Company's internal governance regulations, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following rights and obligations:

- a. To decide on the strategy, medium-term development plan, and annual business plan of the Company;
- b. To propose the types of shares and the total number of shares authorized for each type to be offered;
- c. Decision on capital mobilization plans, including the sale of unsold shares and other forms of capital mobilization in accordance with the law;
- d. Decision on the sale price of shares and bonds of the Company;
- e. Decision on the repurchase of shares as stipulated in Clauses 1 and 2, Article 133 of the Enterprise Law;
- f. Decision on investment plans and investment projects within the authority and limits prescribed by law;
- g. Decision on solutions for market development, marketing, and technology;
- h. Approval of contracts for purchase, sale, borrowing, lending and other contracts and transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, and contracts and transactions falling within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders as prescribed at Point d, Clause 2, Article 138, and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;
- i. Election, dismissal, and removal of the Chairperson of the Board of Directors; appointment, dismissal, contract signing, and termination of contracts with the General Director and other key managers as stipulated by the Company's Charter; decision on salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for those managers; appointment of authorized representatives to participate in the Members' Council or General Meeting of Shareholders in other companies, decision on remuneration and other benefits for those individuals;
- j. Supervision and direction of the General Director and other managers in the daily business operations of the Company;
- k. Decision on the organizational structure, internal management regulations of the Company, decision on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices, and the contribution of capital, purchase of shares in other enterprises;
- l. Approval of the agenda, content, and materials for the General Meeting of Shareholders, convening the General Meeting of Shareholders or collecting opinions for the General Meeting of Shareholders to approve resolutions;
- m. Submission of the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
- n. Recommendation of the dividend payment rate; organization of dividend payment as decided by the General Meeting of Shareholders, including determination of the payment period and procedures;
- o. Recommendation on the reorganization, dissolution of the Company; request for the bankruptcy of the Company;

p. Decision on the issuance of the Board of Directors' Operational Regulations, Internal Corporate Governance Regulations after approval by the General Meeting of Shareholders; decision on the issuance of the Audit Committee's Operational Regulations under the Board of Directors, Regulations on the Company's Information Disclosure;

q. Other rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law, Securities Law, other legal regulations, and the Company's Charter.

3. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the operational results of the Board of Directors as stipulated in Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law.

Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of the Board of Directors' Members

1. The Company has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and performance.

2. Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and bonuses. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors are determined by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting. The Board of Directors allocates remuneration and bonuses to each member based on principles appropriate to responsibility, workload, and performance.

3. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be accounted as a business expense of the Company in accordance with the provisions of the law on corporate income tax, presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

4. Members of the Board of Directors holding executive positions or performing tasks beyond the usual scope of a Board member may receive additional remuneration in the form of a lump sum, salary, commission, percentage of profits, or other forms as decided by the Board of Directors. This provision does not apply to independent members of the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for all travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred in the performance of their duties as Board members, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

6. Members of the Board of Directors may be covered by professional liability insurance purchased by the Company as decided by the General Meeting of Shareholders, except in cases where liability arises due to violations of the law or this Charter.

Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed from office by the Board of Directors from among its members.

2. The Chairperson of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of General Director.

3. The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and duties:

a) Develop the program and operational plan of the Board of Directors;

- b) Prepare the agenda, content, and materials for meetings; convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;
- c) Organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- d) Supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- đ) Preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;
- e) Other rights and duties as prescribed by the Securities Law, Enterprise Law, other legal regulations, the Company's Charter, and internal governance regulations.

4. In the event the Chairperson of the Board of Directors resigns or is dismissed or removed, the Board of Directors must elect a replacement within 10 days from the date of resignation or dismissal.

5. In the event the Chairperson of the Board of Directors is absent or unable to perform their duties, the Chairperson must authorize in writing another member of the Board of Directors to perform their rights and duties.

In the absence of an authorized person or if the Chairperson of the Board of Directors falls into one of the following circumstances, the remaining members of the Board of Directors shall elect one among them to temporarily hold the position of Chairperson of the Board of Directors by majority vote until a new decision is made by the Board of Directors:

- a. Death or missing;
- b. Detained or serving a prison sentence;
- c. Undergoing administrative measures at a compulsory detoxification center or compulsory education center;
- d. Escaped from residence;
- e. Restricted or lost civil act capacity; having difficulty in cognition or behavior control;
- f. Prohibited by the Court from holding a position, practicing a profession, or performing certain work;
- g. Other cases as prescribed by law.

6. When deemed necessary, the Board of Directors shall appoint a company secretary. The company secretary shall have the following rights and duties:

- a) Assist in organizing the convening of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; record the meeting minutes;
- b) Assist members of the Board of Directors in exercising their assigned rights and duties;
- c) Assist the Board of Directors in applying and implementing corporate governance principles;
- d) Assist the company in building shareholder relations and protecting the legitimate rights and interests of shareholders; ensure compliance with information disclosure obligations and administrative procedures;
- e) Other rights and duties as stipulated in this Charter.

Article 30. Meeting of the Board of Directors

1. The first meeting of the Board of Directors' term: The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors' term, within seven (7) working days from the

conclusion of the Board of Directors' election. This meeting shall be convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest voting percentage. In the event that more than one (1) member has the highest number of votes or voting percentage, these members shall elect one among them to convene the Board of Directors meeting by majority rule.

2. Regular meetings of the Board of Directors: The Chairperson of the Board of Directors shall convene regular meetings of the Board of Directors, prepare the agenda, content, and notify the time and venue of the meeting at least five (5) working days prior to the scheduled meeting date. The Board of Directors shall meet at least once per quarter and may meet whenever deemed necessary.

3. Extraordinary meetings of the Board of Directors: The Chairperson of the Board of Directors must convene an extraordinary meeting of the Board of Directors when deemed necessary for the benefit of the Company, or upon the written request of any of the following:

- a. The General Director or at least five (5) other managers;
- b. At least one (1) independent member of the Board of Directors;
- c. At least two (2) members of the Board of Directors;
- d. The independent auditor upon request concerning the financial statements and operations of the Company.

The request to convene a meeting of the Board of Directors must be made in writing, clearly stating the purpose, issues to be discussed, and decisions within the authority of the Board of Directors.

The Chairperson of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within seven (7) working days from the date of receiving a valid request. If not convened, the Chairperson of the Board of Directors shall be liable for any damages incurred (if any) to the Company; the requester shall have the right to replace the Chairperson of the Board of Directors to convene the meeting in accordance with the law and this Charter.

4. The Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting of the Board of Directors must send the notice of meeting no later than five (5) working days before the meeting date. The notice of meeting must specify the time and venue of the meeting, agenda, issues for discussion, and decisions. The notice of meeting must be accompanied by documents to be used at the meeting and the voting ballot of the members.

The Notice of Meeting of the Board of Directors may be sent by invitation letter, telephone, fax, electronic means, or other methods as stipulated by the Company Charter, ensuring delivery to the contact address of each Board member registered with the Company.

5. The Chairperson of the Board of Directors or the convener shall send the notice of meeting and accompanying documents to the members of the Supervisory Board in the same manner as to the members of the Board of Directors.

Members of the Supervisory Board have the right to attend meetings of the Board of Directors; they have the right to discuss but not to vote.

6. A meeting of the Board of Directors shall be conducted when at least three-fourths of the total members are present. In the event that the meeting convened under this provision does not have the required number of attendees, it shall be reconvened within seven days from the date of the initially

intended meeting. In this case, the meeting shall proceed if more than half of the Board members are present.

7. A member of the Board of Directors is considered to attend and vote at the meeting in the following cases:

- a) Attending and voting directly at the meeting;
- b) Authorizing another person to attend and vote according to regulations;
- c) Attending and voting via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
- d) Sending a voting ballot to the meeting via mail, fax, or email.

8. In the case of sending a voting ballot to the meeting via mail, the ballot must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson of the Board of Directors no later than one hour before the commencement. The voting ballot shall only be opened in the presence of all attendees.

9. Members must attend all meetings of the Board of Directors. Members may authorize others to attend and vote if approved by the majority of the Board of Directors.

10. Resolutions and decisions of the Board of Directors are adopted if approved by the majority of attending members; in the event of a tie, the final decision shall rest with the opinion of the Chairperson of the Board of Directors.

11. Meeting Minutes The Board of Directors' meeting minutes must be detailed and clear, including the names and signatures of the chairperson and the minute taker. In the event that the chairperson or minute taker refuses to sign the meeting minutes, it shall be handled according to Clause 2, Article 158 of the Enterprise Law. Content approved by the majority of attendees in the Board of Directors' meeting minutes must be formalized into a Resolution. The Board of Directors' meeting minutes must be retained in accordance with the law and the Company Charter.

Article 31. Corporate Governance Officer

1. The Company's Board of Directors must appoint at least one Corporate Governance Officer to support corporate governance activities within the enterprise. The Corporate Governance Officer may concurrently serve as the Company Secretary as stipulated in Clause 6, Article 29 of this Charter.

2. The Corporate Governance Officer shall not simultaneously work for an approved auditing organization currently auditing the Company's financial statements.

3. The Corporate Governance Officer has the following rights and duties:

- a) Advising the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders as prescribed and on matters related to the Company and shareholders;
- b) Preparing meetings of the Board of Directors, Supervisory Board, and General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors or Supervisory Board;
- c) Advising on the procedures of meetings;
- d) Attending meetings;
- đ) Advising on the procedures for drafting resolutions of the Board of Directors in accordance with legal regulations;

- e) Providing financial information, copies of the Board of Directors' meeting minutes, and other information to members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
- g) Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;
- h) Serving as the liaison with stakeholders;
- i) Maintaining confidentiality of information in accordance with legal regulations and the Company Charter;
- k) Other rights and obligations as prescribed by law.

VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVES

Article 32. Organizational Structure

The Company's management system must ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and is subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the Company's daily business operations. The Company has a Chief Executive Officer and a Chief Accountant. The appointment, dismissal, and removal of the aforementioned positions must be approved by resolution or decision of the Board of Directors.

Article 33. Company Executives

1. Company executives include the Chief Executive Officer and the Chief Accountant.
2. Upon the recommendation of the Chief Executive Officer and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other executives in quantities and standards appropriate to the organizational structure and internal management regulations of the Company as prescribed by the Board of Directors. Executives must be responsible for assisting the Company in achieving its operational and organizational goals.
3. The Chief Executive Officer shall receive salary and bonuses. The salary and bonuses of the Chief Executive Officer are determined by the Board of Directors.
4. The salary of executives is accounted for as a business expense of the Company in accordance with the regulations on corporate income tax, is presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

Article 34. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer

1. The Board of Directors appoints one (01) member of the Board of Directors or hires another person as the Chief Executive Officer.
2. The Chief Executive Officer manages the daily business operations of the Company; is subject to the supervision of the Board of Directors; and is responsible to the Board of Directors and the law for the exercise of assigned rights and obligations.
3. The term of the Chief Executive Officer shall not exceed five (5) years and may be reappointed for an unlimited number of terms. The Chief Executive Officer must meet the standards and conditions as prescribed by law and the Company Charter.
4. The Chief Executive Officer has the following rights and obligations:

- a) Deciding on matters related to the Company's daily business operations that do not fall under the authority of the Board of Directors;
- b) Organizing the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- c) Organizing the implementation of the Company's business plans and investment projects;
- d) Proposing organizational structure plans and internal management regulations of the Company;
- đ) Appointing, dismissing, and removing management positions within the Company, except for positions under the authority of the Board of Directors;
- e) Deciding on salaries and other benefits for employees in the Company, including managers under the appointment authority of the Chief Executive Officer;
- g) Recruitment of employees;
- h) Proposal for dividend distribution or handling of business losses;
- i) Approval of contracts and transactions between the company and Related Persons who are shareholders, authorized representatives of shareholders that are organizations holding over 10% of the total common shares of the company, and their Related Persons; members of the Board of Directors, the General Director, and their Related Persons; enterprises where members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director, and other managers of the company must declare according to Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law; and with a value less than 20% of the total asset value of the enterprise as recorded in the most recent financial statements. In this case, the company is not allowed to provide loans or guarantees to individual shareholders and their Related Persons who are individuals; to organizational shareholders and their Related Persons who are individuals; to Related Persons of organizational shareholders.
- k) In cases where contracts and transactions between the company and Related Persons who are shareholders, authorized representatives of shareholders that are organizations holding over 10% of the total common shares of the company, and their Related Persons; members of the Board of Directors, the General Director, and their Related Persons; enterprises where members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director, and other managers of the company must declare according to Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law; and with a value greater than 35% of the total asset value of the enterprise as recorded in the most recent financial statements, the General Director must report to the Board of Directors for consideration and submission to the General Meeting of Shareholders for approval.
- l) Other rights and obligations as prescribed by law, the Company Charter, and resolutions, decisions of the Board of Directors.

5. The General Director must manage the daily business operations of the company in accordance with the law, the Company Charter, the employment contract signed with the company, and resolutions, decisions of the Board of Directors. In the event of management contrary to the provisions of this clause causing damage to the company, the General Director shall be liable before the law and must compensate the company for the damage.

6. The Board of Directors may dismiss the General Director when a majority of the voting members of the Board of Directors present agree and appoint a new General Director as a replacement.

IX. SUPERVISORY BOARD

Article 35. Nomination and Candidacy of Supervisory Board Members (Supervisors)

1. The nomination and candidacy of Supervisory Board members shall be conducted in accordance with Clause 1, Clause 2, Article 25 of this Charter.
2. In the event that the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and candidacy is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with the Company Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and the Operating Regulations of the Supervisory Board. The introduction of additional candidates by the incumbent Supervisory Board must be announced in writing in the meeting documents before the General Meeting of Shareholders votes to elect Supervisory Board members as prescribed by law.

Article 36. Composition of the Supervisory Board

1. The number of members of the Company's Supervisory Board is 3 persons. The term of office for a member of the Supervisory Board shall not exceed 5 years and may be re-elected for an unlimited number of terms.
2. Members of the Supervisory Board must meet the standards and conditions as prescribed in Article 169 of the Enterprise Law and must not fall into the following cases:
 - a) Working in the accounting and finance department of the Company;
 - b) Being a member or employee of the auditing firm approved to audit the company's financial statements for the preceding three consecutive years.
3. The General Meeting of Shareholders shall dismiss a member of the Supervisory Board in the following cases:
 - a) No longer meeting the qualifications and conditions to be a member of the Supervisory Board as stipulated in Clause 2 of this Article;
 - b) Having submitted a resignation letter that has been accepted;
 - c) Other cases as prescribed in the Company Charter.
4. The General Meeting of Shareholders shall dismiss a member of the Supervisory Board in the following cases:
 - a) Failure to complete assigned tasks and duties;
 - b) Failure to perform their rights and obligations for six consecutive months, except in cases of force majeure;
 - c) Repeated or serious violations of the obligations of a member of the Supervisory Board as stipulated by the Securities Law, Enterprise Law, Company Charter, and other legal regulations;
 - d) Other cases as per the resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Head of the Supervisory Board

1. The Head of the Supervisory Board shall be elected by the Supervisory Board from among its members; the election, dismissal, and removal shall be based on the majority principle. The Supervisory Board must have more than half of its members residing in Vietnam. The Head of the

Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field related to the business activities of the enterprise.

2. Rights and obligations of the Head of the Supervisory Board:

- a) Convene meetings of the Supervisory Board;
- b) Request the Board of Directors, General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Supervisory Board;
- c) Prepare and sign the Supervisory Board's report after consulting with the Board of Directors to present to the General Meeting of Shareholders.

Article 38. Rights and obligations of the Supervisory Board

The Supervisory Board shall have the rights and obligations as stipulated in Article 170 of the Enterprise Law and the following rights and obligations:

1. Propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of auditing organizations approved to audit the Company's Financial Statements; decide on the auditing organization approved to inspect the Company's operations, and dismiss approved auditors when deemed necessary.
2. Be accountable to shareholders for its supervisory activities.
3. Monitor the Company's financial situation and compliance with laws in the activities of the Board of Directors, General Director, and other managers.
4. Ensure coordination of activities with the Board of Directors, General Director, and shareholders.
5. In case of detecting any legal violations or violations of the Company Charter by members of the Board of Directors, General Director, and other executives of the enterprise, the Supervisory Board must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, request the violator to cease the violation, and propose remedial measures.
6. Develop the Operating Regulations of the Supervisory Board and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.
7. Report at the General Meeting of Shareholders. In the event that a public company operates under the model stipulated in point a, clause 1, Article 137 of the Enterprise Law, the Supervisory Board's Activity Report shall be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with point d, point đ, clause 3, Article 139 of the Enterprise Law and must include the following contents:
 - a) Remuneration, operating expenses, and other benefits of the Supervisory Board and each member of the Supervisory Board as prescribed in Article 172 of the Enterprise Law and the Company Charter.
 - b) Summary of the Supervisory Board meetings and the conclusions and recommendations of the Supervisory Board.
 - c) Results of monitoring the company's operational and financial status.
 - d) Evaluation report on transactions between the company, subsidiaries, and companies controlled by the public company with over 50% of charter capital, and members of the Board of Directors, the General Director, other executives of the enterprise, and related persons of those subjects; transactions

between the company and companies where members of the Board of Directors, the General Director, other executives of the enterprise are founding members or managers of the enterprise within the last three years prior to the transaction.

d) Results of monitoring the Board of Directors, the General Director, and other executives of the enterprise.

e) Evaluation of the coordination between the Supervisory Board and the Board of Directors, the General Director, and the shareholders.

8. The right to access the company's records and documents stored at the headquarters, branches, and other locations; the right to visit the workplace of the company's managers and employees during working hours.

9. The right to request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers to provide complete, accurate, and timely information and documents regarding the management, administration, and business activities of the company.

10. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 39. Meetings of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board must meet at least twice a year, with at least two-thirds (2/3) of the Supervisory Board members attending the meeting. The minutes of the Supervisory Board meetings shall be detailed and clear. The minute taker and the members of the Supervisory Board attending the meeting must sign the meeting minutes. The minutes of the Supervisory Board meetings must be retained to determine the responsibility of each member of the Supervisory Board.

2. The Supervisory Board has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of the approved auditing organization to attend and address issues that need clarification.

Article 40. Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Supervisory Board Members

Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of Supervisory Board members are implemented according to the following provisions:

1. Members of the Supervisory Board are paid salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders decides the total amount of salaries, remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Members of the Supervisory Board are reimbursed for reasonable expenses for meals, accommodation, travel, and the use of independent consulting services. The total remuneration and expenses shall not exceed the annual operating budget of the Supervisory Board approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

3. Salaries and operating expenses of the Supervisory Board shall be accounted for as business expenses of the Company in accordance with the provisions of the law on corporate income tax, other relevant legal provisions, and must be presented as a separate item in the Company's annual financial statements.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives are responsible for performing their duties, including those as members of subcommittees of the Board of Directors, honestly and prudently for the benefit of the Company.

Article 41. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other managers must disclose related interests in accordance with the Enterprise Law and related legal documents.

2. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers, and their Related Persons may only use information obtained through their positions to serve the interests of the Company.

3. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other managers are obligated to notify in writing the Board of Directors and the Supervisory Board about transactions between:

a) The Company and its subsidiaries, other companies in which the public company holds more than 50% of the charter capital, with the same entity or with Related Persons of that entity as prescribed by law.

b) The affiliated parties in Clause 1 of this Article are specifically defined as follows:

- The Company directly or indirectly holds at least 25% of the owner's capital of the other enterprise;
- Both enterprises have at least 25% of the owner's capital held directly or indirectly by a third party;
- The Company is the largest shareholder in terms of owner's capital and directly or indirectly holds at least 10% of the total shares of the other enterprise;

- The Company guarantees or lends capital to another enterprise in any form (including loans from third parties secured by the financial resources of the affiliated party and similar financial transactions) provided that the total outstanding loan balance of the borrowing enterprise with the lending or guaranteeing enterprise is at least 25% of the owner's capital of the borrowing enterprise and accounts for more than 50% of the total outstanding medium and long-term debts of the borrowing enterprise;

- The Company appoints members of the executive management or control of another enterprise provided that the number of members appointed by the first enterprise accounts for more than 50% of the total members of the executive management or control of the second enterprise; or a member appointed by the first enterprise has the right to decide on the financial or business policies of the second enterprise;

c) Two enterprises have more than 50% of the executive management members in common or have a common executive management member who has the right to decide on financial or business policies appointed by a third party;

d) Two enterprises are managed or controlled in terms of personnel, finance, and business operations by individuals related through one of the following relationships: spouses; biological parents, adoptive parents, stepfathers, stepmothers, parents-in-law; biological children, adopted children, stepchildren of either spouse, daughters-in-law, sons-in-law; siblings with the same parents, siblings with the same

father but different mothers, siblings with the same mother but different fathers, brothers-in-law, sisters-in-law; paternal and maternal grandparents; grandchildren; aunts, uncles, and cousins.

đ) Two business establishments have a relationship of headquarters and permanent establishment or are both permanent establishments of a foreign organization or individual.

e) Enterprises controlled by an individual through their capital contribution to the enterprise or through direct participation in the management of the enterprise.

g) Other cases where an enterprise (including independently accounting branches that declare and pay corporate income tax) is subject to the management, control, and actual decision-making regarding the business operations of another enterprise.

h) A credit institution with its subsidiary or with its controlling company or with its associated company as stipulated in the Law on Credit Institutions and any amendments, supplements, or replacements thereof (if any).

i) Enterprises that engage in transactions involving the transfer or acquisition of at least 25% of the owner's capital contribution during the tax period; borrowing or lending at least 10% of the owner's capital contribution at the time of transaction occurrence during the tax period with an individual managing, controlling the enterprise, or with an individual related as specified in point g of this section.

For the aforementioned transactions, the Company must disclose information regarding these resolutions in accordance with securities law on information disclosure.

4. Members of the Board of Directors shall not vote on transactions that provide benefits to themselves or their Related Persons as stipulated by the Enterprise Law and the Company Charter.

5. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers, and their Related Persons shall not use or disclose internal information to others for the purpose of conducting related transactions.

6. Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other executives, and individuals or organizations related to these parties shall not be invalidated in the following cases:

a) For transactions valued at less than or equal to 35% of the total asset value recorded in the most recent financial statements, the essential contents of the contract or transaction, as well as the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives, have been reported to the Board of Directors and approved by a majority vote of the disinterested members of the Board of Directors.

b) For transactions valued at more than 35% or transactions resulting in a cumulative transaction value within 12 months from the date of the first transaction reaching 35% or more of the total asset value recorded in the most recent financial statements, the significant details of such transactions, as well as the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives, have been disclosed to the shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders through the voting ballots of shareholders with no related interests.

Article 42. Liability for Damages and Compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives who violate their duties, responsibilities of honesty and diligence, and fail to fulfill their obligations shall be liable for any damages caused by their violations.
2. The Company shall compensate individuals who have been, are, or may become involved in claims, lawsuits, or prosecutions (including civil, administrative cases, and not initiated by the Company) if such individuals have been or are members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives of the Company, acting in good faith, with due diligence for the benefit of the Company, in compliance with the law, and without evidence confirming a breach of their duties.
3. Compensation costs include judgment costs, fines, and actual expenses incurred (including attorney fees) in resolving these matters within the legal framework. The Company may purchase insurance for these individuals to mitigate the aforementioned compensation liabilities.

XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Article 43. Right to Inspect Books and Records

1. Common shareholders have the right to inspect books and records, specifically as follows:
 - a) Common shareholders have the right to review, inspect, and extract information regarding names and contact addresses in the list of shareholders with voting rights; request corrections of inaccurate information; review, inspect, extract, or copy the Company Charter, meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - b) Shareholders or groups of shareholders holding 5% or more of the total common shares have the right to review, inspect, extract minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts, transactions requiring Board of Directors' approval, and other documents, except those related to the Company's trade secrets and business secrets.
2. In cases where an authorized representative of shareholders or groups of shareholders requests to inspect books and records, they must provide a letter of authorization from the shareholders or groups of shareholders they represent or a notarized copy of such authorization.
3. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other executives have the right to inspect the Company's shareholder register, shareholder list, books, and other records of the Company for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.
4. The Company must retain this Charter and any amendments thereto, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other documents as prescribed by law at the head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are informed of the location where these documents are stored.
5. The Company's Charter must be published on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and Trade Union

1. The General Director must prepare a plan for the Board of Directors to approve matters related to the recruitment, dismissal, salaries, social insurance, welfare, rewards, and discipline of employees and business executives.
2. The General Director must prepare a plan for the Board of Directors to approve matters related to the Company's relationship with trade union organizations in accordance with best management standards, practices, and policies, as stipulated in this Charter, the Company's regulations, and current legal provisions.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 45. Profit Distribution

1. The General Meeting of Shareholders decides the dividend payout rate and form of annual dividend payment from the Company's retained earnings.
2. The Company shall not pay interest on dividend payments or payments related to any class of shares.
3. The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the payment of dividends in whole or in part in shares, and the Board of Directors is the body to implement this decision.
4. In cases where dividends or other payments related to a class of shares are paid in cash, the Company must pay in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or through banks based on the bank account details provided by the shareholder. If the Company has transferred funds according to the correct bank details provided by the shareholder and the shareholder does not receive the money, the Company shall not be liable for the funds transferred to this shareholder. Payment of dividends for shares listed/registered for trading on the Stock Exchange may be conducted through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
5. Pursuant to the Enterprise Law and the Securities Law, the Board of Directors shall pass a resolution determining a specific date to finalize the list of shareholders. Based on that date, those registered as shareholders or holders of other securities are entitled to receive dividends in cash or shares, receive notices, or other documents.
6. Other matters related to profit distribution shall be implemented in accordance with legal provisions.

XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Article 46. Bank Accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or branches of foreign banks permitted to operate in Vietnam.
2. With prior approval from the competent authority, if necessary, the Company may open bank accounts abroad in accordance with legal regulations.
3. The Company shall conduct all payments and accounting transactions through Vietnamese currency or foreign currency accounts at banks where the Company has opened accounts.

Article 47. Fiscal Year

The Company's fiscal year commences on the first day of January each year and concludes on the 31st of December of the same year. The initial fiscal year begins on the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate and ends on the 31st of December immediately following the date of issuance of such certificate.

Article 48. Accounting Regime

1. The Company shall apply the Vietnamese Accounting Standards (VAS) or other accounting standards as prescribed or approved by the competent state authority.
2. The Company shall prepare and maintain accounting books and documents in Vietnamese in accordance with the provisions of the law on accounting and related laws. The accounting books and documents must be complete, accurate, timely, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.
3. The Company shall use the Vietnamese Dong as the currency unit in accounting. In cases where the Company primarily conducts economic transactions in a foreign currency, it may choose that foreign currency as the accounting currency unit, bearing responsibility for such choice before the law and notifying the direct tax management authority.

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 49. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. The Company must prepare annual financial statements, and such annual financial statements must be audited as prescribed by law. The Company shall disclose the audited annual financial statements in accordance with the law on information disclosure in the securities market and submit them to the competent state authority.
2. The Company's financial statements, including annual, semi-annual, and quarterly financial statements, must be prepared fully, truthfully, and reasonably in accordance with the law on accounting, including necessary reports, appendices, and explanations. In cases where the Company is a parent company, the financial statements shall include separate and consolidated financial statements as prescribed by law.
3. The Company must prepare and disclose quarterly, semi-annual, and annual financial statements, including separate and consolidated financial statements, in accordance with the law on information disclosure in the securities market and submit them to the competent state authority.
4. The Company's financial statements, including annual, semi-annual, and quarterly financial statements, must be prepared fully, truthfully, and reasonably in accordance with the law on accounting, including necessary reports, appendices, and explanations. In cases where the Company is a parent company, the financial statements shall include separate and consolidated financial statements as prescribed by law.

Article 50. Annual Report

The Company must prepare and disclose the Annual Report in accordance with the provisions of the law on securities and the securities market.

Article 51. Information Disclosure and Public Announcement

The Company's information disclosure and public announcement shall be conducted in accordance with the provisions of the law.

XVI. COMPANY AUDIT

Article 52. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of these entities to audit the Company's financial statements for the next fiscal year under terms and conditions agreed upon by the Board of Directors. The independent auditing firm must be on the list of approved auditing organizations as prescribed by law.
2. The Company is responsible for providing complete and timely financial statements and related documents to the independent auditing firm as required by law.
3. The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.
4. The independent auditor conducting the audit of the Company's financial statements is entitled to attend the General Meeting of Shareholders and receive notices and other information related to the General Meeting of Shareholders and is allowed to express opinions at the meeting on matters related to the audit of the Company's financial statements.

XVII. COMPANY SEAL

Article 53. Company Seal

1. The seal includes seals made at a seal engraving facility or seals in the form of digital signatures in accordance with the law on electronic transactions.
2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form, and content of the seal of the Company, its branches, and representative offices (if any).
3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with current legal regulations.

XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 54. Dissolution of the Company

1. The Company may be dissolved in the following cases:
 - a) Upon the expiration of the operational term stated in the Company Charter without a decision to extend;
 - b) Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;
 - c) Upon revocation of the Enterprise Registration Certificate, except as otherwise provided by the Tax Management Law;
 - d) The Company no longer maintains the minimum number of members or shareholders as required by the Enterprise Law for a continuous period of six months without completing procedures to convert the type of enterprise;
 - e) Other cases as prescribed by law.

2. The dissolution of the Company before the expiration of its term (including any extended term) shall be decided by the General Meeting of Shareholders and executed by the Board of Directors. This dissolution decision must be notified or approved by the competent authority (if required) in accordance with regulations.

Article 55. Extension of Operations

1. The Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders at least seven months before the expiration of the operational term to allow shareholders to vote on the extension of the Company's operations as proposed by the Board of Directors.

2. The operational term shall be extended when shareholders representing 65% or more of the total voting rights of all shareholders attending the General Meeting of Shareholders agree.

Article 56. Liquidation

1. At least six months before the expiration of the Company's operational term or after a decision to dissolve the Company, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of three members, of which two members are appointed by the General Meeting of Shareholders and one member is appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its operational regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from the Company's employees or independent experts. All costs related to liquidation shall be prioritized for payment by the Company before other debts.

2. The Liquidation Committee is responsible for reporting to the Business Registration Authority regarding the date of establishment and the commencement date of operations. From that point, the Liquidation Committee shall represent the Company in all matters related to the liquidation of the Company before the Court and administrative authorities.

3. Proceeds from the liquidation shall be disbursed in the following order:

- a) Liquidation expenses;
- b) Outstanding wages, severance allowances, social insurance, and other employee benefits as per collective labor agreements and signed labor contracts;
- c) Tax liabilities;
- d) Other debts of the Company;
- đ) The remaining balance after settling all debts from items (a) to (d) above shall be distributed to the shareholders. Preferred shares shall be prioritized for payment.

XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Article 57. Internal Dispute Resolution

1. In the event of disputes or claims arising related to the Company's operations, the rights and obligations of shareholders as stipulated in the Enterprise Law, Company Charter, other legal regulations, or agreements between:

- a) Shareholders and the Company;
- b) Shareholders and the Board of Directors, Supervisory Board, General Director, or other executives;

The involved parties shall endeavor to resolve such disputes through negotiation and/or mediation. Except in cases involving the Board of Directors or the Chairperson of the Board of Directors, the Chairperson shall preside over the dispute resolution and request each party to present relevant information regarding the dispute within fifteen (15) working days from the date the dispute arises. In cases involving the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the Supervisory Board to appoint an independent expert as a mediator for the dispute resolution process.

2. If a resolution through mediation or negotiation is not reached within six weeks from the commencement of the mediation or negotiation process, or if the mediator's decision is not accepted by the parties, any party may refer the dispute to Arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre alongside the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC) in accordance with the Arbitration Rules of this Centre or to the Court.

3. The parties shall bear their own costs related to the negotiation and mediation procedures. The payment of Court costs shall be executed according to the Court's judgment.

XX. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER

Article 58. Company Charter

1. Amendments and supplements to this Charter must be approved by the General Meeting of Shareholders through a resolution in accordance with the law and this Charter. The contents of amendments and supplements to the Charter must be disclosed in accordance with the law.

2. In cases where the law provides for matters related to the Company's operations not addressed in this Charter, or where new legal provisions differ from the provisions in this Charter, such legal provisions shall apply to govern the Company's operations.

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 59. Effective Date

1. This Charter was approved by the General Meeting of Shareholders of U&I Logistics Corporation on the ... day of ... in the year 2026 and shall take effect from the date of approval. This Charter supersedes the Charter previously approved.

2. The Charter is made in two copies, each having equal legal value, and shall be retained at the Company's headquarters.

3. This Charter is the sole and official Charter of the Company.

4. Copies or extracts of the Company Charter are valid when signed by the Chairperson of the Board of Directors or at least half of the total members of the Board of Directors.

Legal Representative

General Director

NGUYEN XUAN PHUC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness



CLIENTS' INTERESTS FIRST

**INTERNAL REGULATIONS ON
CORPORATE GOVERNANCE
U&I LOGISTICS CORPORATION**

**(Issued pursuant to the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of
Shareholders of U&I Logistics Corporation)**

Ho Chi Minh City, date 23 month 05 year 2026

**U&I LOGISTICS
CORPORATION**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

INTERNAL REGULATIONS ON CORPORATE GOVERNANCE
U&I LOGISTICS CORPORATION

Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, and the guiding, amending documents (if any);

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and the guiding, amending documents (if any);

Pursuant to Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;

Pursuant to Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025, of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;

Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Minister of Finance guiding certain matters on corporate governance applicable to public companies under Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;

Pursuant to the Charter of U&I Logistics Corporation;

Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No./2026/NQ-DHĐCĐ.UNILOG, date month year 2026.

TABLE OF CONTENTS

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS -----	1
Article 1. Scope of Regulation and Subjects of Application -----	1
Article 2. Interpretation of Terms and Abbreviations -----	1
CHAPTER 2. GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS -----	1
Article 3. Roles, Rights, and Obligations of the General Meeting of Shareholders ---	1
Section 1. Procedures for Conducting Annual and Extraordinary General Meetings of Shareholders -----	2
Article 4. Authority to Convene the General Meeting of Shareholders -----	2
Article 5. Preparation of the Shareholder List Entitled to Attend the Meeting -----	3
Section 2. Regulations on the Procedure and Voting at the General Meeting of Shareholders -----	4
Article 6. Notice on the Finalization of the List of Shareholders Entitled to Attend the General Meeting of Shareholders -----	4
Article 7. Notice of Convening the General Meeting of Shareholders -----	4
Article 8. Agenda and Content Approved at the General Meeting of Shareholders -----	5
Article 9. Authorization for a representative to attend the General Meeting of Shareholders -----	5
Article 10. Registration method for attending the General Meeting of Shareholders ----	6
Article 11. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders -----	6
Article 12. Form of Resolutions Approval by the General Meeting of Shareholders ----	6
Article 13. Method of Voting, Vote Counting, and Announcement of Vote Counting Results -----	6
Article 14. Conditions for Resolutions Approval-----	7
Article 15. Methods of Objecting to Decisions of the General Meeting of Shareholders	8
Article 16. Preparation of Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders and Disclosure of Resolutions of the General Meeting of Shareholder -----	8
Section 3. Regulations on Soliciting Shareholder Opinions in Writing -----	9
Article 17. Cases Permitting and Prohibiting Soliciting Shareholder Opinions in Writing -----	9
Article 18. Procedures for the General Meeting of Shareholders to Approve Resolutions by Soliciting Written Opinions-----	9
Section 4. Regulations on holding the General Meeting of Shareholders in other forms --	11
Article 19. Order and procedures for holding the General Meeting of Shareholders to approve Resolutions in the form of an online conference or a direct conference combined with online -----	11
CHAPTER 3. BOARD OF DIRECTORS -----	11

Section 1. General Provisions-----11

 Article 20. Roles, Rights, and Obligations of the Board of Directors, Responsibilities of Members of the Board of Directors-----11

 Article 21. Term and Number of Members of the Board of Directors -----13

 Article 22. Structure, Standards, and Conditions of Members of the Board of Directors -----13

Section 2. Regulations on Nomination, Self-nomination, Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors -----15

 Article 23. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors----15

 Article 24. Method of electing members of the Board of Directors -----16

 Article 25. Cases of dismissal, removal, and supplementation of members of the Board of Directors-----16

 Article 26. Notice on Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors -----17

 Article 27. Method of Introducing Candidates for the Board of Directors -----17

 Article 28. Election, Dismissal, and Removal of the Chairperson of the Board of Directors -----17

 Article 29. Remuneration and Other Benefits of Members of the Board of Directors --18

Section 3. Regulations on Meetings of Board of Directors -----18

 Article 30. Order and Procedures for Organizing Meetings of Board of Directors-----18

 Article 31. Meeting Minutes and Resolutions of the Board of Directors meetings-----20

Section 4. Subcommittees under the Board of Directors-----21

 Article 32. Subcommittees under the Board of Directors -----21

 Article 33. Internal Audit Subcommittee -----21

Section 5. Selection, Appointment, and Dismissal of the Corporate Governance Officer -23

 Article 34. Standards for the Corporate Governance Officer -----23

 Article 35. Appointment, Dismissal, and Notification of Appointment or Dismissal of the Corporate Governance Officer -----23

 Article 36. Rights and Obligations of the Corporate Governance Officer -----23

CHAPTER 4. SUPERVISORY BOARD -----24

Section 1. General Provisions-----24

 Article 37. Composition of the Supervisory Board-----24

 Article 38. Rights and Obligations of the Head of the Supervisory Board -----24

 Article 39. Rights and Obligations of Members of the Supervisory Board-----24

 Article 40. Rights and Duties of the Supervisory Board -----25

Section 2. Regulations on Nomination, Self-nomination, Election, Dismissal, and Removal of Supervisors-----25

Article 41. Standards and Conditions for Supervisors -----25

Article 42. The method by which shareholders or groups of shareholders nominate or propose candidates for the position of Supervisor shall be in accordance with the law and the Company’s Charter. -----26

Article 43. Method of electing Supervisors -----26

Article 44. Cases of dismissal and removal of Supervisors -----26

Article 45. Notification regarding the election, dismissal, and removal of Supervisors 27

Article 46. Salaries and other benefits of members of the Supervisory Board -----27

CHAPTER 5. GENERAL DIRECTOR-----27

Article 47. Roles, responsibilities, rights, and obligations of the General Director ----27

Article 48. Term, standards, and conditions of the General Director-----28

Article 49. Nomination, self-nomination, dismissal, and removal of the General Director -----28

Article 50. Appointment and signing of employment contracts with the General Director -----29

Article 51. Dismissal and termination of the employment contract with the General Director -----29

Article 52. Notification of appointment and dismissal of corporate executives -----29

Article 53. Salary and other benefits of the General Director -----29

CHAPTER 6. OTHER OPERATIONS -----30

Section 1. Regulations on the coordination of operations between the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director -----30

Article 54. Procedures for convening, notifying meetings, recording minutes, and announcing meeting results between the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director-----30

Article 55. Notification of Resolutions and decisions of the Board of Directors to the Supervisory Board and General Director -----30

Article 56. Cases in which the General Director and the Supervisory Board request the convening of a Board of Directors meeting and matters requiring the Board of Directors’ opinion -----30

Article 57. Report of the General Director to the Board of Directors on the execution of assigned duties and authorities -----31

Article 58. Review the implementation of Resolutions and other matters authorized by the Board of Directors concerning the General Director. -----31

Article 59. Matters the General Director must report, provide information on, and the method of notification to the Board of Directors and the Supervisory Board. -----31

Article 60. Coordinate control, administration, and supervision activities among members of the Board of Directors, the Supervisors, and the General Director according to the specific duties of the aforementioned members. -----32

Section 2. Regulations on the annual evaluation of rewards and discipline for members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other corporate executives. -----34

Article 61. Regulations on the evaluation of the performance of Members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director, and other executives. -----35

Article 62. Rewards -----35

Article 63. Discipline -----35

CHAPTER 7. AMENDMENTS TO THE PROVISIONS ON CORPORATE GOVERNANCE AND EFFECTIVENESS OF IMPLEMENTATION -----36

Article 64. Supplementation and amendment of Corporate Governance Regulations --36

Article 65. Effective Date -----36

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of Regulation and Subjects of Application

1. The internal regulations on corporate governance stipulate the roles, rights, and obligations of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Director; the order and procedures for convening the General Meeting of Shareholders; nomination, self-nomination, election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Director, and other activities as prescribed in the Company's Charter and other current legal regulations.
2. Subjects of Application: These regulations apply to members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and related persons.

Article 2. Interpretation of Terms and Abbreviations

1. The Enterprise Law is the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, and the amending, guiding documents (if any);
2. The Securities Law is the Securities Law No. 54/2019/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, and the amending, guiding documents (if any);
3. Vietnam is the Socialist Republic of Vietnam;
4. The enterprise executives include the General Director, Chief Accountant, and other executives as stipulated by the Company's Charter.
5. Corporate executives are company managers, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and individuals holding other managerial positions as stipulated in the Company's Charter.
6. Related persons are individuals or organizations as defined in Clause 46, Article 4 of the Securities Law.
7. A shareholder is an individual or organization owning at least one share of the joint stock company.
8. A major shareholder is defined in Clause 18, Article 4 of the Securities Law.
9. A stock exchange refers to the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.
10. Law means all laws, ordinances, decrees, regulations, circulars, decisions, and other legal documents issued by Vietnamese State authorities from time to time related to the Company's activities.
11. BOD: the Board of Directors.
12. SB: the Supervisory Board.

CHAPTER 2. GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 3. Roles, Rights, and Obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders comprises all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the joint stock company.

2. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:

1. Approval of the company's development orientation;
2. Decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; decide on the annual dividend rate of each type of share;
3. Elect, dismiss, and remove members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
4. Decide on investment or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the company's most recent financial statements, unless the Company's Charter stipulates a different percentage or value;
5. Decide on amendments and supplements to the Company's Charter;
6. Approval of the annual financial statements;
7. Decide on the repurchase of over 10% of the total shares sold of each type;
8. Review and handle violations by members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board causing damage to the Company and its shareholders;
9. Decide on the reorganization or dissolution of the Company;
10. Decide on the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;
11. Approve the internal regulations on corporate governance; regulations on the operation of the Board of Directors and the Supervisory Board;
12. Approve the list of approved auditing firms; decide on the approved auditing firm to conduct audits of the Company, and dismiss approved auditors when deemed necessary;
13. Other rights and obligations as stipulated in these Regulations and the Company's Charter.

Section 1. Procedures for Conducting Annual and Extraordinary General Meetings of Shareholders

Article 4. Authority to Convene the General Meeting of Shareholders

1. Authority to convene the Annual General Meeting of Shareholders: The General Meeting of Shareholders must convene annually within 04 months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the time for holding the Annual General Meeting of Shareholders if necessary, but not exceeding 06 months from the end of the fiscal year.
2. Authority to convene the Extraordinary General Meeting of Shareholders: The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:
 - a. The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the company;
 - b. The number of remaining members of the Board of Directors or the Supervisory Board is less than the minimum number required by law;
 - c. Upon the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law;
 - d. Upon the request of the Supervisory Board;
 - e. Other cases as prescribed by law and the Company's Charter.

- f. The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within 30 days from the date the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, or members of the Supervisory Board remains as stipulated in Point b, Clause 3, Article 14, or upon receiving the request as stipulated in Points c and d, Clause 3, Article 14 of the Company's Charter;
3. The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within 30 days from the occurrence of the case stipulated in Point b, Clause 2 of this Article or upon receiving the request to convene the meeting as stipulated in Points c and d, Clause 2 of this Article. If the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Chairperson of the Board of Directors and the members of the Board of Directors shall be liable for damages incurred by the company.
4. If the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 3 of this Article, the Supervisory Board shall replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders within the next 30 days as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Enterprise Law;
5. If the Supervisory Board does not convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 4 of this Article, the shareholders or group of shareholders stipulated in Point c, Clause 3, Article 14 of the Company's Charter shall have the right to request the Company's representative to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed by the Enterprise Law;
In this case, the shareholders or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the order, procedures for convening, conducting the meeting, and making decisions of the General Meeting of Shareholders. All costs for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These costs do not include expenses incurred by shareholders attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.
6. Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 5, Article 140 of the Enterprise Law.

Article 5. Preparation of the Shareholder List Entitled to Attend the Meeting

1. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared based on the company's shareholder register. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than 10 days before the date of sending the notice of the General Meeting of Shareholders unless the Company's Charter stipulates a shorter period.
2. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders must include the full name, contact address, nationality, and legal document number of the individual shareholder; the name, enterprise code, or legal document number of the organization, and the head office address for organizational shareholders; the number of shares of each type, and the registration number and date of each shareholder or according to the form of the Vietnam Securities

Depository and Clearing Corporation (“VSDC”) in case the Company's shares have been registered at VSDC.

3. Shareholders have the right to inspect, review, extract, and copy the names and contact addresses of shareholders in the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders; request amendments to incorrect information or the addition of necessary information about themselves in the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders. The company manager must promptly provide information in the shareholder register, amend, and supplement of incorrect information as requested by shareholders; and is liable for any damages arising from failure to provide or timely, accurately provide information from the shareholder register as requested.

Section 2. Regulations on the Procedure and Voting at the General Meeting of Shareholders

Article 6. Notice on the Finalization of the List of Shareholders Entitled to Attend the General Meeting of Shareholders

The company must disclose information about the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days prior to the record date.

Article 7. Notice of Convening the General Meeting of Shareholders

1. The convener of the General Meeting of Shareholders must send a notice of meeting invitation to all shareholders in the list of shareholders entitled to attend the meeting no later than 21 days before the opening date (calculated from the date the notice is sent or duly dispatched) unless the Company’s Charter stipulates a longer period. The notice of meeting must include the name, address of the head office, enterprise code; name, contact address of the shareholder, time, venue of the meeting, and other requirements for attendees.
2. The notice of meeting is sent by a method that ensures it reaches the shareholder's contact address and is posted on the company's website; if deemed necessary by the company, it is published in the central or local daily newspaper as stipulated by the Company’s Charter.
3. The notice of meeting must be accompanied by the following documents:
 - a. Meeting agenda, documents used in the meeting, and draft Resolutions for each issue on the meeting agenda;
 - b. Letter of Authorization.
 - c. Feedback Form.
4. If the company has a website, the sending of meeting documents accompanying the notice of meeting as stipulated in Clause 3 of this Article may be replaced by posting on the company's website. In this case, the notice of meeting must specify the location and method of downloading the documents.

Article 8. Agenda and Content Approved at the General Meeting of Shareholders

1. The convener of the General Meeting of Shareholders must prepare the agenda and content of the meeting.
2. Shareholders or groups of shareholders holding 5% or more of the total ordinary shares have the right to propose issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the company no later than 03 working days before the opening date, unless the Company's Charter stipulates a different period. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each type of shares held by the shareholder, and the issue proposed to be included in the meeting agenda.
3. If the convener of the General Meeting of Shareholders refuses the proposal stipulated in Clause 2 of this Article, they must respond in writing and state the reasons no later than 02 working days before the opening date of the General Meeting of Shareholders. The convener of the General Meeting of Shareholders may only refuse the proposal if it falls under one of the following cases:
 - a. The proposal was not sent in accordance with Clause 2 of this Article;
 - b. The proposed issue is not within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
 - c. Other cases as stipulated by the Company's Charter.
4. The convener of the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposals stipulated in Clause 2 of this Article in the proposed agenda and content of the meeting, except in the cases specified in Clause 3 of this Article; the proposals shall be officially added to the agenda and content of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 9. Authorization for a representative to attend the General Meeting of Shareholders

1. A shareholder or an authorized representative of a shareholder that is an organization may directly attend the meeting or authorize one or several individuals or other organizations to attend the meeting or attend the meeting through one of the forms stipulated in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.
2. The authorization for an individual or organization to represent and attend the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 1 of this Article must be made in writing. The Letter of Authorization shall be prepared in accordance with Civil Law and must clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the content of the authorization, the scope of the authorization, the duration of the authorization, and the signatures of the authorizing party and the authorized party.

The authorized representative attending the General Meeting of Shareholders must submit the Letter of Authorization upon registration for the meeting. In the case of further authorization, the attendee must present the original Letter of Authorization from the shareholder or the authorized representative of the shareholder that is an organization (if not previously registered with the Company).
3. The voting ballot/election ballot of the authorized representative attending the meeting within the scope of authorization remains valid in the following cases:

- a. The authorizing party has died, is restricted in civil act capacity, or has lost civil act capacity;
- b. The authorizing party has revoked the authorization designation;
- c. The authorizing party has revoked the authority of the person executing the authorization.

This clause does not apply if the Company receives notification of any of the above events before the commencement of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened.

Article 10. Registration method for attending the General Meeting of Shareholders

1. Before the commencement of the meeting, the Company must carry out shareholder registration procedures and must continue registration until all shareholders entitled to attend the meeting have registered;
2. During shareholder registration, the Company shall issue each shareholder or authorized representative with voting rights a voting card/voting ballot/election ballot, indicating the registration number, full name of the shareholder, full name of the authorized representative, and the number of voting ballots/votes of that shareholder;
3. Shareholders or authorized representatives arriving after the meeting has commenced and attending the General Meeting of Shareholders late have the right to register immediately and thereafter have the right to participate and vote/elect at the meeting immediately after registration. The Chairperson is not obligated to pause the meeting for late-arriving shareholders to register, and the validity of the matters already voted/elected upon remains unchanged.

Article 11. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting rights.
2. If the first meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 1 of this Article, a second meeting notice shall be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent at least 33% of the total voting rights.
3. If the second meeting does not meet the conditions for proceeding as stipulated in Clause 2 of this Article, the notice for the third meeting must be sent within 20 days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the total number of voting rights of the shareholders attending.

Article 12. Form of Resolutions Approval by the General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders approves Resolutions within its authority by voting at the meeting or by collecting written opinions, including matters stipulated in Clause 2, Article 147 of the Enterprise Law.

Article 13. Method of Voting, Vote Counting, and Announcement of Vote Counting Results

1. Method of Voting
 - a. The General Meeting of Shareholders discusses and votes on each issue in the agenda. Voting is conducted by raising cards, direct voting, electronic voting, or other electronic forms.

- b. Delegates shall vote to Agree, Disagree, or Abstain on a matter presented for voting at the General Meeting by raising the Voting Card or marking options on the Voting Ballot. Each method shall be specified in the Working Regulations at the General Meeting of Shareholders.
2. The method of election voting shall be specified in the Nomination, Self-nomination, and Election Regulations at the General Meeting of Shareholders according to the following principles:
 - a. Elected candidates are determined based on the number of votes received, ranked from highest to lowest, starting with the candidate with the highest number of votes until the required number of members is elected.
 - b. In the event that 02 or more candidates receive the same number of votes for the final member position, a re-election shall be conducted among the candidates with equal votes.
 - c. If the first election does not result in the required number of members being elected, elections shall continue until the required number of members is elected.
3. Method of Vote Counting: Vote counting is conducted by collecting election ballots/cards/voting ballots in favor of the Resolutions, then collecting cards/voting ballots not in favor, and finally counting the total number of votes in favor, not in favor, and abstentions.
4. Announcement of Vote Counting Results: The vote counting results shall be announced by the Chairperson immediately before the closing of the meeting unless otherwise stipulated in the Company's Charter.

Article 14. Conditions for Resolutions Approval

1. Resolutions on the following matters shall be approved if they receive the affirmative vote of shareholders representing 65% or more of the total voting rights of all shareholders attending and voting at the meeting, except as provided in Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Enterprise Law:
 - a. Types of shares and the total number of shares of each type;
 - b. Changes in the business lines, industries, and fields of operation;
 - c. Changes in the Company's management structure;
 - d. Investment projects or sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, unless the Company's Charter stipulates a different ratio or value;
 - e. Reorganization or dissolution of the Company
2. Resolutions shall be approved when they receive the affirmative vote of shareholders holding more than 50% of the total voting rights of all shareholders attending and voting at the meeting, except as provided in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Enterprise Law.
3. Resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted by 100% of the total voting shares are lawful and effective even if the procedures for convening the meeting and adopting the Resolution violate the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter.

Article 15. Methods of Objecting to Decisions of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the date of receipt of the Resolutions or Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders or the vote counting record of the General Meeting of Shareholders, shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law have the right to request the Court or Arbitration to review and annul the Resolutions or part of the content of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting and making decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter, except as provided in Clause 3, Article 21 of the Company's Charter.
2. The content of the Resolutions violate the law or the Company's Charter.

Article 16. Preparation of Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders and Disclosure of Resolutions of the General Meeting of Shareholder

1. The meeting of the General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and can be audio recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese, may be with an additional version in a foreign language, and must include the following main contents:
 - a. Name, address of the head office, enterprise code;
 - b. Time and venue of the General Meeting of Shareholders;
 - c. Meeting agenda and content of the meeting;
 - d. Full name of the chairperson and secretary;
 - e. Summary of the meeting proceedings and statements made at the General Meeting of Shareholders on each issue in the meeting agenda;
 - f. Number of shareholders and total number of voting ballots of the shareholders attending the meeting, appendix of the shareholder registration list, shareholder representatives attending the meeting with corresponding shares and voting ballots;
 - g. Total number of voting ballots for each voting issue, specifying the voting method, total number of valid, invalid, in favor, against, and abstained votes; corresponding percentage of the total number of voting ballots of shareholders attending the meeting;
 - h. Compilation of votes for each candidate (if any);
 - i. Issues that have been approved and the corresponding voting approval percentage;
 - j. Full names and signatures of the chairperson and secretary. In the event that the chairperson or secretary refuses to sign the Meeting Minutes, such Minutes shall be effective if they are signed by all other members of the Board of Directors who attended the meeting and contain all the contents as stipulated in this clause. The Minutes shall clearly state the refusal of the chairperson or secretary to sign the Meeting Minutes.
2. The Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the end of the meeting. The chairperson and secretary of the meeting or others signing the Meeting Minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the contents of the Minutes.

3. Minutes prepared in both Vietnamese and a foreign language have equal legal validity. In the event of discrepancies between the Vietnamese and foreign language versions, the content in the Vietnamese Minutes shall prevail.
4. The Resolutions, Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders, appendix of the registered shareholder list with shareholder signatures, authorization documents for meeting attendance, all documents attached to the Minutes (if any), and related documents accompanying the Notice of Meeting must be disclosed in accordance with the legal regulations on information disclosure in the securities market and must be retained at the Company's head office.
5. Disclosure of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders: The Resolutions must be published on the Company's website within twenty-four hours (24h) or sent to all shareholders within 15 days from the conclusion of the meeting.

Section 3. Regulations on Soliciting Shareholder Opinions in Writing

Article 17. Cases Permitting and Prohibiting Soliciting Shareholder Opinions in Writing

The Board of Directors is authorized to solicit shareholder opinions in writing to approve the Resolutions of the General Meeting of Shareholders when deemed necessary for the benefit of the Company, including matters stipulated in Clause 2, Article 147 of the Enterprise Law.

Article 18. Procedures for the General Meeting of Shareholders to Approve Resolutions by Soliciting Written Opinions

1. The Board of Directors shall convene a meeting and issue a Board Resolution approving the solicitation of shareholder opinions in writing and determine the record date for conducting the solicitation of shareholder opinions in writing. The Board Resolution must be disclosed at least 20 days prior to the record date.
2. The Board of Directors must prepare opinion solicitation ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, explanatory documents for the draft resolutions, and send them to all shareholders with voting rights no later than 10 days before the deadline for returning the opinion solicitation ballots. The requirements and methods for sending the opinion solicitation ballots and accompanying documents shall be implemented in accordance with Clause 3, Article 18 of the Company's Charter.
3. The opinion solicitation ballot must contain the following essential contents:
 - a. Name, address of the head office, enterprise code;
 - b. Purpose of soliciting opinions;
 - c. Full name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; name, enterprise code, or legal document number of the organization, address of the head office for organizational shareholders, or full name, contact address, nationality, and legal document number for the representative of the organizational shareholder; number of shares of each type and number of voting ballots of the shareholder;
 - d. Issues requiring opinions for decision approval;
 - e. Voting options including agree, disagree, and abstain for each issue solicited;

- f. Deadline for returning the answered opinion solicitation ballot to the Company;
 - g. Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.
4. Shareholders send the answered opinion solicitation ballot to the Company via mail, fax, or email as follows:
- a. In case of sending by mail, the answered opinion solicitation ballot must bear the signature of the individual shareholder, the authorized representative, or the legal representative of the organizational shareholder. The opinion solicitation ballot sent to the Company must be enclosed in a sealed envelope and no one is authorized to open it before the vote counting;
 - b. In case of fax or email, the opinion solicitation ballot sent to the Company must be kept confidential until the time of vote counting;
 - c. Opinion ballots submitted to the Company after the specified deadline in the content of the opinion ballot, or opened in the case of mail and disclosed in the case of fax or email, are invalid. Opinion ballots not submitted are considered non-participating in the vote.
5. The Board of Directors shall count the votes and prepare the vote counting record under the supervision of the Supervisory Board or shareholders not holding managerial positions in the Company. The vote counting record must include the following essential contents:
- a. Name, address of the head office, enterprise code;
 - b. Purpose and issues requiring opinions for the approval of the Resolutions;
 - c. Number of shareholders with the total number of voting/election ballots participating in the voting/election, distinguishing between valid and invalid voting/election ballots, and the method of submitting voting/election ballots, accompanied by an appendix of the list of shareholders participating in the voting/election;
 - d. Total number of votes in favor, against, and abstentions for each issue, total number of votes for each candidate (if any);
 - e. Issues that have been approved and the corresponding voting approval ratio;
 - f. Full name, signature of the Chairperson of the Board of Directors, the vote counter, and the vote counting supervisor.

Members of the Board of Directors, the vote counter, and the vote counting supervisor shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting record; jointly responsible for any damages arising from decisions approved due to untruthful or inaccurate vote counting.

6. The vote counting record and resolutions must be sent to shareholders within 15 days from the date of completion of the vote counting. The sending of the vote counting record and resolutions can be replaced by posting on the Company's electronic information page within 24 hours from the time of completion of the vote counting.
7. Opinion ballots that have been answered, the vote counting record, resolutions that have been approved, and related documents sent with the opinion ballots must all be kept at the Company's head office.
8. Resolution shall be deemed passed in the form of collecting shareholder opinions in writing if shareholders holding more than 50% of the total voting rights of all shareholders with voting

rights agree, except as provided in Clause 1, Article 21 of the Company's Charter, and has the same value as the resolutions approved at the General Meeting of Shareholders.

Section 4. Regulations on holding the General Meeting of Shareholders in other forms

Article 19. Order and procedures for holding the General Meeting of Shareholders to approve Resolutions in the form of an online conference or a direct conference combined with online

Based on the actual situation, the Board of Directors decides to convene the General Meeting of Shareholders in the form of an online conference or a direct conference combined with online. In each of the aforementioned cases, the Board of Directors is responsible for:

1. Notifying the convening of the General Meeting of Shareholders in a specific form.
2. Developing and issuing Regulations on the conduct of the General Meeting in the form of an online conference or a direct conference combined with online, which must clearly stipulate the related contents:
 - a. Method of registering to attend the General Meeting of Shareholders online;
 - b. Authorization for a representative to attend the General Meeting of Shareholders online;
 - c. Conditions for proceeding;
 - d. Form of approving the Resolution of the online General Meeting of Shareholders;
 - e. Method of online voting;
 - f. Method of online vote counting;
 - g. Notification of vote counting results;
 - h. Draft the Meeting Minutes of the General Meeting of Shareholders;
 - i. Announce the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

CHAPTER 3. BOARD OF DIRECTORS

Section 1. General Provisions

Article 20. Roles, Rights, and Obligations of the Board of Directors, Responsibilities of Members of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company, possessing full authority on behalf of the Company to decide, execute the rights and obligations of the Company, except for those rights and obligations under the jurisdiction of the General Meeting of Shareholders.
2. The rights and obligations of the Board of Directors are stipulated by law, the Company's Charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following rights and obligations:
 - a. Decide on the strategy, medium-term development plan, and annual business plan of the Company;
 - b. Propose the types of shares and the total number of shares authorized for each type;
 - c. Decide on the sale of unsold shares within the authorized number of shares for each type; decide on raising additional capital through other forms;

- d. Determine the selling price of shares and bonds of the Company;
 - e. Decide on the repurchase of shares as stipulated in Clauses 1 and 2, Article 133 of the Enterprise Law;
 - f. Decide on investment plans and projects within the authority and limits as prescribed by law;
 - g. Decide on solutions for market development, marketing, and technology;
 - h. Approve contracts for purchase, sale, loan, lending, and other transactions with a value less than 35% of the total asset value recorded in the most recent financial statements of the Company, except for contracts and transactions under the authority of the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Enterprise Law;
 - i. Elect, dismiss, and remove the Chairperson of the Board of Directors; appoint, dismiss, sign, and terminate contracts with the General Director and other key managers as stipulated by the Company's Charter; decide on salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for those managers; appoint authorized representatives to participate in the Members' Council or General Meeting of Shareholders in other companies, and decide on the remuneration and other benefits for those individuals;
 - j. Supervise and direct the General Director and other managers in the daily business operations of the Company;
 - k. Decide on the organizational structure, internal management regulations of the Company, decide on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices, and the contribution of capital, purchase of shares in other enterprises;
 - l. Approve the agenda, content, and documents for the General Meeting of Shareholders, convene the General Meeting of Shareholders, or solicit opinions for the General Meeting of Shareholders to approve Resolutions;
 - m. Submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
 - n. Propose the dividend rate to be paid or handle losses incurred during business operations;
 - o. Propose the reorganization, dissolution of the Company; request the bankruptcy of the Company;
 - p. Decide on the issuance of the Operational Regulations of the Board of Directors, the Internal Regulations on corporate governance after approval by the General Meeting of Shareholders; decide on the issuance of the Operational Regulations of the Audit Committee under the Board of Directors, the Regulations on Information Disclosure of the Company;
 - q. Other rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law, Securities Law, other legal regulations, and the Company's Charter.
9. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the operation of the Board of Directors in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, issued by the Government detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law.

10. Members of the Board of Directors have the right to request the General Director and other managers within the company to provide information and documents regarding the company's financial status and business operations, as well as those of its subsidiaries.
11. Members of the Board of Directors are responsible for reporting to the Board of Directors and the Supervisory Board in the following cases:
 - a. Transactions between the company and another company in which a member of the Board of Directors is a founding member or a manager within the past 03 years prior to the transaction.
 - b. Transactions between the company and another company in which a related person of a member of the Board of Directors is a member of the Board of Directors, General Director (Director), or a major shareholder.
12. Managers are required to provide timely, comprehensive, and accurate information and documents as requested by members of the Board of Directors. The procedures for requesting and providing information are stipulated by the Company's Charter.

Article 21. Term and Number of Members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall be at least 03 and no more than 11.
2. The term of a member of the Board of Directors shall not exceed 05 years and can be re-elected for an unlimited number of terms. An individual can only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than 02 consecutive terms. In the event that all members of the Board of Directors conclude their term simultaneously, they shall continue to serve until new members are elected and assume their duties.

Article 22. Structure, Standards, and Conditions of Members of the Board of Directors

1. The number of non-executive members of the Board of Directors of the Company must comply with the following regulations:
 - a. There must be at least 01 non-executive member if the company has between 03 and 05 members on the Board of Directors;
 - b. There must be at least 02 non-executive members if the company has between 06 and 08 members on the Board of Directors;
 - c. There must be at least 03 non-executive members if the company has between 09 and 11 members on the Board of Directors.

The company shall minimize the number of members of the Board of Directors concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board of Directors.

2. In the case of a listed company, the total number of independent members of the Board of Directors must comply with the following regulations:
 - a. There must be at least 01 independent member if the company has between 03 and 05 members on the Board of Directors;
 - b. There must be at least 02 independent members if the company has between 06 and 08 members on the Board of Directors;

- c. There must be at least 03 independent members if the company has between 09 and 11 members on the Board of Directors.
3. Members of the Board of Directors must satisfy the following standards and conditions:
 - a. Have full civil legal capacity; not fall under the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;
 - b. Possess professional qualifications and experience in business management or in the company's business sector, and are not required to be shareholders of the company, unless otherwise stipulated by the Company's Charter;
 - c. Members of the Board of Directors of a company may simultaneously serve as members of the Board of Directors of another company;
 - d. For state-owned enterprises as stipulated in point b, clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, and subsidiaries of state-owned enterprises as stipulated in clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, members of the Board of Directors shall not be individuals who have family relations with the Director, General Director, and other managers of the company; or with the managers, individuals authorized to appoint managers of the parent company.
4. Independent members of the Board of Directors must satisfy the following standards and conditions:
 - a. Not be individuals currently working for the company, the parent company, or subsidiaries of the company; not be individuals who have worked for the company, the parent company, or subsidiaries of the company for at least the preceding 03 consecutive years;
 - b. Not be individuals receiving salaries or remuneration from the company, except for allowances that members of the Board of Directors are entitled to as per regulations;
 - c. Not be individuals whose spouse, biological father, adoptive father, biological mother, adoptive mother, biological child, adopted child, or biological siblings is a major shareholder of the company; or is a manager of the company or its subsidiaries;
 - d. Not be individuals who directly or indirectly own at least 1% of the total voting shares of the company;
 - e. Not be individuals who have served as members of the Board of Directors or the Supervisory Board of the company for at least the preceding 05 consecutive years, except in cases of continuous appointment for two terms.
 - f. Independent members of the Board of Directors must notify the Board of Directors if they no longer satisfy the conditions as stipulated in this clause and shall automatically cease to be independent members of the Board of Directors from the date they no longer satisfy the conditions. The Board of Directors must notify the case of independent members no longer meeting the conditions at the nearest General Meeting of Shareholders or convene a General Meeting of Shareholders to elect or replace such independent members within 06 months from the date of receiving the notification from the relevant independent member.
5. Members of the Board of Directors of the Company can concurrently serve as members of the Board of Directors or Members' Council in a maximum of five other companies..
6. Members of the Board of Directors shall cease to be members in the following cases:

- a. Not qualified to be members of the Board of Directors as per the provisions of the Enterprise Law or prohibited by law from being members of the Board of Directors;
 - b. Submission of a resignation letter;
 - c. Having a mental disorder and other members of the Board of Directors have professional evidence proving that the individual no longer has legal capacity;
 - d. Failure to attend Board of Directors meetings for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;
 - e. As decided by the General Meeting of Shareholders;
 - f. Other cases as prescribed by law and the Company's Charter.
7. The appointment of members of the Board of Directors must be disclosed in accordance with the provisions of the law on securities and the securities market.
 8. Members of the Board of Directors may not necessarily be shareholders of the Company.

Section 2. Regulations on Nomination, Self-nomination, Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors

Article 23. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors

1. Shareholders or groups of shareholders owning 10% or more of the total ordinary shares as stipulated in the Company's Charter have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter.
2. In the event that the number of candidates for the Board of Directors nominated and self-nominated does not meet the required number as stipulated in Clause 5, Article 115 of the Enterprise Law, the incumbent Board of Directors shall introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Company's Charter, Internal regulations on corporate governance, and the Operational regulations of the Board of Directors. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors in accordance with the law.
3. In cases where candidates have been pre-determined, information related to the candidates for the Board of Directors shall be included in the General Meeting of Shareholders' meeting documents and disclosed on the Company's electronic information portal at least ten (10) days prior to the opening of the General Meeting of Shareholders, so that shareholders may review the candidates' information prior to casting their votes. Candidates for the Board of Directors must provide a written commitment regarding the truthfulness, accuracy, and reasonableness of the disclosed personal information and must commit to performing their duties honestly if elected as members of the Board of Directors. Information related to candidates for the Board of Directors shall include at least the following:
 - a. Full name, date, month, year of birth;
 - b. Educational qualifications;
 - c. Professional qualifications;
 - d. Working history;

- e. Companies where the candidate currently holds the position of Board member and other management titles;
- f. Evaluation report on the candidate's contributions to the Company, in cases where the candidate is currently a member of the Company's Board of Directors;
- g. Interests related to the Company (if any);
- h. Name of the shareholder or group of shareholders nominating the candidate (if any);
- i. Other information (if any).

Article 24. Method of electing members of the Board of Directors

1. The election of members of the Board of Directors shall be conducted through cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes equivalent to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors, and shareholders have the right to allocate all or part of their total votes to one or several candidates. The elected members of the Board of Directors are determined based on the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate receiving the highest number of votes until the required number of members as stipulated in the Company's Charter is reached. In the event that two or more candidates receive the same number of votes for the final member of the Board of Directors, a re-election shall be conducted among the candidates with equal votes or selection shall be made according to the criteria of the election regulations.
2. If the number of candidates is less than or equal to the number of Board members to be elected, the election of Board members may be conducted through cumulative voting as described above or through voting (agree, disagree, abstain). The voting ratio for approval through voting is implemented according to Clause 2, Article 21 of the Company's Charter.

Article 25. Cases of dismissal, removal, and supplementation of members of the Board of Directors

1. The General Meeting of Shareholders shall dismiss members of the Board of Directors in the following cases:
 - a. Failure to meet the standards and conditions as stipulated in Article 155 of the Enterprise Law;
 - b. Submission of a resignation letter and acceptance thereof;
 - c. Other cases as stipulated in the Company's Charter.
2. The General Meeting of Shareholders shall dismiss members of the Board of Directors in the following cases:
 - a. Failure to participate in the operation of the Board of Directors for 06 consecutive months, except in cases of force majeure;
 - b. Other cases as stipulated in the Company's Charter.
3. When deemed necessary, the General Meeting of Shareholders shall decide to replace members of the Board of Directors; dismiss or remove members of the Board of Directors beyond the cases specified in Clauses 1 and 2 of this Article.

Article 26. Notice on Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors

After the decision on the election, dismissal, or removal of members of the Board of Directors, the Company is responsible for disclosing information internally and to relevant authorities, through mass media, and on the Company's website in accordance with the procedures and regulations of the current Law.

Article 27. Method of Introducing Candidates for the Board of Directors

1. The Company shall issue a public notice regarding the election of members of the Board of Directors, and the procedures for convening and election shall be conducted in accordance with Chapter 3 of this Regulation as prescribed by law, clearly stating the reasons for the election, the number, standards, and conditions, the method of election, and the procedures for self-nomination and nomination...
2. The Board of Directors shall compile a list of candidates through nomination, self-nomination, and verification of information about each candidate to ensure that the candidates meet the standards and conditions to become members of the Board of Directors as prescribed by law and the Company's Charter.
3. In the event that the number of candidates for the Board of Directors through nomination and self-nomination is still insufficient, the Board of Directors shall prepare a list of candidates based on the following criteria:
 - a. Number of candidates: the number remaining after compiling the list of eligible candidates through nomination and self-nomination as per Article 27 of this regulation;
 - b. Candidates introduced by the Board of Directors must be approved by a majority vote of the incumbent members of the Board of Directors;
 - c. Candidates introduced by the Board of Directors must meet at least the conditions and standards as stipulated in Article 22 of this Regulation.

Article 28. Election, Dismissal, and Removal of the Chairperson of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.
2. The Chairperson of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of General Director.
3. In the event that the Chairperson of the Board of Directors resigns or is dismissed or removed, the Board of Directors must elect a replacement within 10 days from the date of receipt of the resignation or dismissal or removal.
4. In the event that the Chairperson of the Board of Directors is absent or unable to perform their duties, they must authorize in writing another member to perform the rights and obligations of the Chairperson of the Board of Directors. In the absence of an authorized person or if the Chairperson of the Board of Directors is deceased, missing, detained, serving a prison sentence, undergoing administrative measures at a compulsory detoxification center, compulsory education center, absconding from residence, restricted or incapacitated in Civil Acts, having difficulty in cognition

or behavior control, or prohibited by the Court from holding positions, practicing certain professions, or performing certain jobs, the remaining members shall elect one among them to hold the position of Chairperson of the Board of Directors by majority vote until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 29. Remuneration and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. The Company has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and performance.
2. Members of the Board of Directors are entitled to remuneration for their work and bonuses. Work remuneration is calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a Board member and the daily remuneration amount. The Board of Directors estimates the remuneration for each member based on the principle of unanimity. The total remuneration and bonuses for the Board of Directors are determined by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting. The dedicated Chairperson of the Board of Directors is paid a salary by the Company according to the Company's salary regulations, and the salary is approved by the Board of Directors.
3. The remuneration of each member of the Board of Directors is accounted for as a business expense of the Company in accordance with the legal provisions on corporate income tax, is presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.
4. Members of the Board of Directors holding executive positions or serving on committees of the Board of Directors, or performing tasks beyond the usual scope of a Board member, may receive additional remuneration in the form of a lump sum per occurrence, salary, commission, profit percentage, or other forms as decided by the Board of Directors.
5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for all travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred while fulfilling their responsibilities as Board members, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or committees of the Board of Directors.
6. Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company upon approval by the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover liabilities of Board members related to violations of the law and the Company's Charter.

Section 3. Regulations on Meetings of Board of Directors

Article 30. Order and Procedures for Organizing Meetings of Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors is elected at the first meeting of the Board of Directors within 07 working days from the conclusion of the Board of Directors election. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest voting percentage. In the event that more than one member receives the highest number of votes or the same highest percentage of votes, the members of the Board of Directors shall, by majority vote, select 01 person among them to convene the meeting of the Board of Directors.

2. The Board of Directors must meet at least once every quarter and can hold extraordinary meetings.
3. The Chairperson of the Board of Directors shall convene a Board of Directors meeting in the following cases:
 - a. Upon request by the Supervisory Board or an independent member of the Board of Directors;
 - b. Upon request by the General Director or at least 05 other managers;
 - c. Upon request by at least 02 members of the Board of Directors;
 - d. Other cases as stipulated by the Company's Charter.
4. The request specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, issues to be discussed, and decisions within the authority of the Board of Directors.
5. The Chairperson of the Board of Directors must convene a Board of Directors meetings within 07 working days from the date of receiving the request specified in Clause 3 of this Article. If the Board of Directors meetings are not convened as requested, the Chairperson of the Board of Directors shall be liable for any damages incurred by the Company; the requester has the right to replace the Chairperson of the Board of Directors in convening the Board of Directors meetings.
6. The Chairperson of the Board of Directors or the convener of the Board meetings must send the notice of meeting no later than 05 working days prior to the meeting date unless otherwise stipulated in the Company's Charter. The notice must specify the exact time and places of the meetings, the agenda, and the matters to be discussed and decided. The notice must be accompanied by the documents to be used at the meetings and the voting ballots of the members.

The notice of the Board of Directors meetings can be sent via invitation letter, telephone, fax, electronic means, or other methods as prescribed by the Company's Charter and must ensure delivery to the registered contact address of each Board member.
7. The Chairperson of the Board of Directors or the convener shall send the notice of meeting and accompanying documents to the members of the Supervisory Board in the same manner as to the Board of Directors members.
8. Members of the Supervisory Board have the right to attend Board of Directors meetings; they have the right to discuss but not to vote.
9. A Board of Directors meeting is conducted when at least three-fourths (3/4) of the total members are present. If the meeting convened under this provision does not meet the required number of attendees, a second meeting shall be convened within 07 days from the date of the first scheduled meeting, unless the Company's Charter stipulates a shorter period. In this case, the meeting shall proceed if more than half (1/2) of the Board members are present.
10. A member of the Board of Directors is considered to attend and vote at the meeting in the following cases:
 - a. Attending and voting directly at the meeting;
 - b. Authorizing another person to attend and vote in accordance with Clause 11 of this Article;
 - c. Attending and voting via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
 - d. Sending voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;
 - e. Sending voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

11. In the case of sending voting ballots to the meeting via mail, the ballots must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson of the Board of Directors no later than 01 hour before the commencement. The ballots shall only be opened in the presence of all attendees.
12. Resolutions and decisions of the Board of Directors are adopted if approved by the majority of attendees; in the event of a tie, the final decision belongs to the side with the opinion of the Chairperson of the Board of Directors.

Article 31. Meeting Minutes and Resolutions of the Board of Directors meetings

1. Meetings of the Board of Directors must be recorded in minutes and can be audio recorded, recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and can also be prepared in a foreign language, including the following essential contents:
 - a. Name, address of the head office, enterprise code;
 - b. Time and place of the meeting;
 - c. Purpose, agenda, and content of the meeting;
 - d. Names of each attending member or authorized attendee and the method of attendance; names of members not attending and the reasons;
 - e. Issues discussed and voted on at the meeting;
 - f. Summary of opinions expressed by each attending member in the order of the meeting proceedings;
 - g. Voting results, clearly stating members who agree, disagree, and abstain;
 - h. Issues approved and the corresponding voting ratios.
 - i. The full name and signature of the chairperson and the minute-taker, except as stipulated in Clause 2 of this Article.
2. In the event that the chairperson and the minute-taker refuse to sign the Meeting Minutes, if all other members of the Board of Directors present at the meeting sign and the content complies with the provisions of points a, b, c, d, e, f, g and h of Clause 1 of this Article, the minutes shall be effective.
3. The chairperson, the minute-taker, and those who sign the minutes shall be responsible for the truthfulness and accuracy of the content of the Board of Directors Meeting Minutes.
4. The Board of Directors Meeting Minutes and the documents used in the meetings must be kept at the company's head office.
5. In necessary cases, the Chairperson of the Board of Directors can use the form of collecting opinions from the Board of Directors members in writing:
 - A Resolution in the form of written opinions shall be passed based on the approval of the majority of the Board of Directors members with voting rights. This Resolution shall have the same effect and validity as a Resolution passed at a meeting.
 - The Chairperson of the Board of Directors is responsible for sending the Board of Directors Meeting Minutes to the members, and such minutes serve as conclusive evidence of the proceedings conducted during the meeting unless there is an objection to the content of the minutes within ten (10) days from the date of dispatch. The Board of Directors Meeting

Minutes are prepared in Vietnamese and can also be prepared in English. The minutes must bear the signature of the chairperson and the minute-taker.

6. The minutes prepared in Vietnamese and in a foreign language have equal legal validity. In case of discrepancies between the Vietnamese and foreign language minutes, the content in the Vietnamese minutes shall prevail.
7. Notification of the Board of Directors' Resolutions and decisions: After the issuance of the Board of Directors' Resolution, the Company is responsible for disclosing information internally within the Company and to relevant authorities, on mass media, and on the Company's website in accordance with the procedures and regulations of the prevailing laws.

Section 4. Subcommittees under the Board of Directors

Article 32. Subcommittees under the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees to be responsible for development policy, personnel, remuneration, internal audit, and risk management. The number of subcommittee members is determined by the Board of Directors, with a minimum of 03 members, including members of the Board of Directors and external members. Independent members of the Board of Directors/non-executive members should constitute the majority in each subcommittee, and one of these members shall be appointed as the Head of the subcommittee by the decision of the Board of Directors. The operations of the subcommittees must comply with the regulations of the Board of Directors. Subcommittee Resolutions is only effective when a majority of members attend and vote in favor at the subcommittee meetings.
2. The implementation of decisions by the Board of Directors or subcommittees under the Board of Directors must comply with the prevailing legal regulations and the Company's Charter, as well as the internal corporate governance regulations.

Article 33. Internal Audit Subcommittee

1. Structure and composition of the Internal Audit Subcommittee: The Company's Internal Audit Subcommittee consists of three (03) members, with one member of the Board of Directors serving as the Head. The Internal Audit Subcommittee includes members of the Board of Directors and other members (not members of the Board of Directors), as decided by the Head of the subcommittee.
2. Standards for members of the Internal Audit Subcommittee and the Head:
 - a. Possess integrity and a sense of legal compliance;
 - b. Possess a bachelor's degree or higher in relevant fields, with comprehensive and continuously updated knowledge in areas assigned for internal audit execution;
 - c. Have at least five (05) years of experience working in the field of study or at least three (03) years working at the current unit or at least three (03) years in accounting, auditing, or inspection;

- d. Possess general knowledge and understanding of the law and the unit's operations; have the ability to collect, analyze, evaluate, and synthesize information; possess knowledge and skills in internal auditing;
 - e. Have not been disciplined at the level of a warning or higher for violations in economic, financial, accounting management, or not currently serving a disciplinary sentence;
 - f. The Head of the Internal Audit Subcommittee must possess a bachelor's degree or higher in one of the fields of economics, business administration, banking, finance, accounting, auditing, law, or hold a certificate in internal auditing issued by an international professional organization for internal auditing;
 - g. The Head of the Internal Audit Subcommittee must have at least five (05) years of practical experience in finance, accounting, auditing, control, or inspection;
 - h. The Head of the Internal Audit Subcommittee must be a member of the Board of Directors.
3. Rights and Responsibilities of the Internal Audit Subcommittee
- a. Rights of the Internal Audit Subcommittee:
 - i. Be provided with all necessary information, documents, and records in a timely manner for internal audit activities, such as financial statements, management reports, and strategies;
 - ii. Have access to and review all business processes and assets during internal audits, and have the right to access and interview all company officers and employees regarding audit-related issues;
 - iii. Receive documents, records, and Meeting Minutes from the Board of Directors and other functional departments related to internal audit work;
 - iv. Attend internal meetings as stipulated by law or as provided in the Company's Charter and internal regulations;
 - v. Monitor, evaluate, and follow up on corrective actions and improvements by department leaders on issues identified and recommended by internal audits;
 - vi. Be protected from non-cooperation actions by the audited department/division;
 - vii. Receive training to enhance the capabilities of personnel within the internal audit department;
 - viii. Proactively perform tasks according to the approved audit plan;
 - ix. Other rights as prescribed by law and internal audit regulations.
 - b. Responsibilities of the Internal Audit Subcommittee:
 - i. Maintain confidentiality of documents and information in accordance with current legal regulations and the unit's internal audit regulations;
 - ii. Be accountable to the Board of Directors for the results of internal audit work, including evaluations, conclusions, recommendations, and proposals in internal audit reports;
 - iii. Monitor the implementation results of post-audit recommendations by company departments;

- iv. Organize continuous training to enhance and ensure the professional competence of internal auditors.

Section 5. Selection, Appointment, and Dismissal of the Corporate Governance Officer

Article 34. Standards for the Corporate Governance Officer

The Corporate Governance Officer must meet the following standards:

1. Have knowledge of the law;
2. Simultaneous employment with an independent auditing firm conducting audits of the Company's financial statements is prohibited.
3. Other standards as prescribed by law, the Company's Charter, and the decisions of the Board of Directors.

Article 35. Appointment, Dismissal, and Notification of Appointment or Dismissal of the Corporate Governance Officer

1. The Board of Directors of a public company must appoint at least 01 Corporate Governance Officer to assist in corporate governance at the enterprise. The Corporate Governance Officer can concurrently serve as the Company Secretary as stipulated in Clause 5, Article 156 of the Enterprise Law.
2. The Board of Directors can appoint an assistant to the Corporate Governance Officer as needed.
3. The Board of Directors can dismiss the Corporate Governance Officer when necessary, provided it does not contravene current labor laws.
4. Upon the decision of appointment or dismissal of the Corporate Governance Officer, the Company is responsible for disclosing information internally and to relevant authorities, through mass media, and on the Company's website in accordance with the procedures and regulations of current law.

Article 36. Rights and Obligations of the Corporate Governance Officer

The Corporate Governance Officer shall have the following rights and obligations:

1. Advise the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders as required and on matters related to the company and shareholders;
2. Prepare meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors or the Supervisory Board;
3. Advise on the procedures of meetings;
4. Attend meetings;
5. Advise on the procedures for drafting Resolutions of the Board of Directors in compliance with legal regulations;
6. Provide financial information, Meeting Minutes of the Board of Directors, and other information to members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
7. Monitor and report to the Board of Directors on the company's information disclosure activities;
8. Act as the liaison with stakeholders;

9. Maintain confidentiality of information in accordance with legal regulations and the Company's Charter;
10. Other rights and obligations as prescribed by law and the Company's Charter.

CHAPTER 4. SUPERVISORY BOARD

Section 1. General Provisions

Article 37. Composition of the Supervisory Board

1. The Company shall have three (03) Supervisors. The term of a Supervisor shall not exceed five (05) years and can be re-elected for an unlimited number of terms.
2. The Head of the Supervisory Board shall be elected by the Supervisory Board from among its members; election, dismissal, and removal shall be based on majority principles. The Supervisory Board must have more than half of its members residing in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a bachelor's degree or higher in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a discipline related to the business operation of the enterprise.

Article 38. Rights and Obligations of the Head of the Supervisory Board

1. Convene meetings of the Supervisory Board;
2. Request the Board of Directors, the General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Supervisory Board;
3. Prepare and sign the Supervisory Board's report after consulting with the Board of Directors for submission to the General Meeting of Shareholders.

Article 39. Rights and Obligations of Members of the Supervisory Board

1. Members of the Supervisory Board are entitled to rights as stipulated by the Enterprise Law, relevant legislation, and the Company's Charter, including the right to access information and documents related to the company's operations. Members of the Board of Directors, the General Director (Director), and other executives of the enterprise are obligated to provide timely and comprehensive information as requested by members of the Supervisory Board.
2. Members of the Supervisory Board are required to report to the Board of Directors and the Supervisory Board in the following cases:
 - a. Transactions between the company and a company where a member of the Supervisory Board is a founding member or has been a corporate executives within the last 03 years prior to the transaction.
 - b. Transactions between the company and a company where a related person of a member of the Supervisory Board is a member of the Board of Directors, the General Director (Director), or a major Shareholder.
3. Members of the Supervisory Board are obligated to comply with the provisions of the law, the Company's Charter, and professional ethics in the performance of their assigned rights and duties.

Article 40. Rights and Duties of the Supervisory Board

The Supervisory Board has rights and duties as prescribed in Article 170 of the Enterprise Law, the Company's Charter, and the following rights and duties:

1. Propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of auditing organizations authorized to audit the company's Financial Statements; decide on the auditing organization authorized to inspect the company's operations, and dismiss authorized auditors when deemed necessary.
2. Be accountable to shareholders for their supervisory operations.
3. Monitor the company's financial situation and compliance with the law in the activities of members of the Board of Directors, the General Director (Director), and other managers.
4. Ensure coordination of operations with the Board of Directors, the General Director (Director), and shareholders.
5. In the event of detecting any legal violations or breaches of the Company's Charter by members of the Board of Directors, the General Director (Director), and other executives of the enterprise, the Supervisory Board must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, require the violator to cease the violation, and propose remedial measures.
6. Formulate the Operating Regulations of the Supervisory Board and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval. The Minister of Finance provide a template for the Regulations on the Operation of the Supervisory Board for reference by public companies in developing their own Regulations on the Operation of the Supervisory Board.
7. Report at the General Meeting of Shareholders as stipulated in Article 290 of Decree 155/2020/NĐ-CP.

Section 2. Regulations on Nomination, Self-nomination, Election, Dismissal, and Removal of Supervisors

Article 41. Standards and Conditions for Supervisors

1. Supervisors must meet the following standards and conditions:
 - a. Not subject to the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;
 - b. Trained in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a discipline relevant to the business operations of the enterprise;
 - c. Not a family member of any member of the Board of Directors, the Director, or the General Director and other managers;
 - d. Not a company manager; not necessarily a shareholder or employee of the company, unless otherwise stipulated by the Company's Charter;
 - e. Other standards and conditions as prescribed by relevant laws and the Company's Charter.
2. In addition to the standards and conditions stipulated in Clause 1 of this Article, the Supervisors of public companies and state-owned enterprises, as prescribed in Point b, Clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, must not be individuals who have familial relationships with the company's

managers or the parent company; representatives of the capital portion of the enterprise, or representatives of the state capital portion at the parent company and the company.

Article 42. The method by which shareholders or groups of shareholders nominate or propose candidates for the position of Supervisor shall be in accordance with the law and the Company's Charter.

1. The nomination and proposal of members to the Supervisory Board shall be conducted similarly to the provisions in Clause 1, Article 23 of this Regulation.
2. In the event that the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and proposal is insufficient, the incumbent Supervisory Board can nominate additional candidates or organize nominations in accordance with the Company's Charter, the Internal corporate governance Regulation, and the Operational Regulation of the Supervisory Board. The introduction of additional candidates by the incumbent Supervisory Board must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Supervisory Board in accordance with the law.

Article 43. Method of electing Supervisors

1. The voting for the election of Supervisors must be conducted by cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Supervisory Board, and the shareholder can allocate all or part of their total votes to one or several candidates. The elected Supervisors are determined based on the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate with the highest number of votes until the required number of members as stipulated in the Company's Charter is reached. In the event that 02 or more candidates receive the same number of votes for the final member of the Supervisory Board, a re-election shall be conducted among the candidates with equal votes or selection shall be made according to the election criteria or the Company's Charter.
2. If the number of candidates is less than or equal to the number of Supervisors to be elected, the election of Supervisors may be conducted by cumulative voting as described above or by voting (agree, disagree, abstain). The voting ratio for approval by voting is implemented according to Clause 2, Article 21 of the Company's Charter.

Article 44. Cases of dismissal and removal of Supervisors

1. The General Meeting of Shareholders shall dismiss a Supervisor in the following cases:
 - a. No longer meeting the standards and conditions for being a Supervisor as stipulated in Article 169 of the Enterprise Law;
 - b. Submission of a resignation letter that is accepted;
 - c. Other cases as stipulated by the Company's Charter.
2. The General Meeting of Shareholders shall remove a Supervisor in the following cases:
 - a. Failure to complete assigned tasks and duties;

- b. Failure to exercise rights and obligations for 06 consecutive months, except in cases of force majeure;
- c. Repeated or serious violations of the obligations of a Supervisor as stipulated by the Enterprise Law and the Company's Charter;
- d. Other cases as per the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 45. Notification regarding the election, dismissal, and removal of Supervisors

After decisions on the election, dismissal, or removal of Supervisors are made, the Company is responsible for disclosing information internally and to relevant authorities, through mass media, and on the Company's website in accordance with the procedures and regulations of the current law.

Article 46. Salaries and other benefits of members of the Supervisory Board

Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for members of the Supervisory Board shall be implemented according to the following provisions:

- 1. Members of the Supervisory Board shall receive salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall determine the total amount of salaries, remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.
- 2. Members of the Supervisory Board shall be reimbursed for reasonable expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent consulting services. The total remuneration and expenses shall not exceed the annual operating budget of the Supervisory Board as approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.
- 3. Salaries and operating expenses of the Supervisory Board shall be accounted for as business expenses of the Company in accordance with the provisions of the law on corporate income tax, other relevant legal provisions, and must be itemized separately in the Company's annual financial statements.

CHAPTER 5. GENERAL DIRECTOR

Article 47. Roles, responsibilities, rights, and obligations of the General Director

- 1. Decide on matters related to the Company's daily business operations that do not fall under the authority of the Board of Directors;
- 2. Organize the implementation of Resolutions and decisions of the Board of Directors;
- 3. Organize the implementation of the Company's business plans and investment projects;
- 4. Propose organizational structure plans and internal management regulations of the Company;
- 5. Appoint, dismiss, and remove managerial positions within the Company, except for positions under the authority of the Board of Directors;
- 6. Decide on salaries and other benefits for employees within the Company, including managers under the appointment authority of the General Director;

7. Recruit employees;
8. Propose plans for dividend distribution or handling business losses;
9. Other rights and obligations as prescribed by law, the Company's Charter, and Resolutions and decisions of the Board of Directors.

Article 48. Term, standards, and conditions of the General Director

1. The term of the General Director shall not exceed 05 years and can be reappointed for an unlimited number of terms. The General Director must meet the standards and conditions as prescribed by law and the Company's Charter.
2. For public companies, state-owned enterprises as stipulated in point b, clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, and subsidiaries of state-owned enterprises as stipulated in clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, the Director or General Director must meet the following standards and conditions:
 - a. Not subject to the provisions of clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;
 - b. Must not be a family member of the company's managers, controllers, or the parent company; a representative of state capital, or a representative of enterprise capital in the company and the parent company;
 - c. Must have professional qualifications and experience in the company's business management.

Article 49. Nomination, self-nomination, dismissal, and removal of the General Director

1. The Board of Directors shall agree on and announce the competency standards for selecting the General Director. The competency standards decided by the Board of Directors must comply with legal regulations, the Company's Charter, and the Company's internal management regulations on personnel.
2. Based on the proposal of the majority of the Board of Directors, the Board appoints, dismisses, removes, signs employment contracts, and determines the salary and other benefits of the General Director and other corporate executives. The Board can authorize the Chairperson of the Board to decide on the appointment, dismissal, and removal of the General Director and other corporate executives. Appointments must be for a fixed term, and corporate executives can be reappointed for an unlimited number of terms, as decided by the Board of Directors.
3. The Board of Directors decides on the dismissal and removal of the General Director in accordance with the Enterprise Law and the Company's Charter. When the Board dismisses or removes the General Director, it must appoint a replacement to fully exercise the rights and duties of the General Director as stipulated in the Company's Charter, this Regulation, and other internal management regulations of the Company until the Board selects and appoints a new General Director in accordance with current regulations.
4. The Board of Directors decides on the dismissal and removal of the General Director in the following cases:
 - a. Resignation;
 - b. Termination of the employment contract with the Company;
 - c. Failure to fulfill duties for two (02) consecutive years;

- d. Exhibiting attitudes and behaviors during work that, in the assessment of the Board of Directors or its subcommittees, significantly negatively impact the Company;
- e. Failure to meet the standards and conditions of current laws, the Company's Charter, or violation of the provisions regarding the rights and duties of the General Director in the Company's Charter, this Regulation, and other internal management regulations of the Company.
- f. The position no longer exists due to changes in the Company's organizational structure as per the Resolution of the General Meeting of Shareholders.
- g. Other cases as decided by the Board of Directors, provided they do not contravene current labor laws.

Article 50. Appointment and signing of employment contracts with the General Director

1. The Board of Directors appoints one (01) member of the Board or another individual as the General Director. The Chairperson of the Board or another Board member authorized by the Board will sign the employment contract with the General Director, specifying remuneration, salary, and other benefits. The remuneration, salary, and other benefits of the General Director must be reported at the Annual General Meeting of Shareholders, presented as a separate item in the annual Financial Statements, and included in the Company's Annual Report.
2. The Board of Directors can consider including additional terms and conditions in the employment contract with the General Director.

Article 51. Dismissal and termination of the employment contract with the General Director

The Board of Directors may dismiss and terminate the contract with the General Director when the majority of the Board members with voting rights present at a meeting agree and appoint a new General Director as a replacement.

Article 52. Notification of appointment and dismissal of corporate executives

After the decision to appoint or dismiss a business executive, the company is responsible for disclosing information internally and to relevant authorities, through mass media, and on the company's website in accordance with the procedures and regulations of current laws.

Article 53. Salary and other benefits of the General Director

1. The Company has the right to pay remuneration and bonuses to the Director or General Director based on business results and performance.
2. Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of the Director or General Director shall be paid according to the following provisions: The Director or General Director shall receive salaries and bonuses. The salaries and bonuses of the Director or General Director are determined by the Board of Directors.
3. The remuneration and salaries of the Director or General Director shall be accounted as business expenses of the Company in accordance with the provisions of the corporate income tax law, shall

be presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

CHAPTER 6. OTHER OPERATIONS

Section 1. Regulations on the coordination of operations between the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director

Article 54. Procedures for convening, notifying meetings, recording minutes, and announcing meeting results between the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director

The procedures for convening, notifying meetings, recording minutes, and announcing meeting results between the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director shall be conducted in accordance with the procedures for convening meetings of the Board of Directors as stipulated in Article 30 of this Regulation.

Article 55. Notification of Resolutions and decisions of the Board of Directors to the Supervisory Board and General Director

1. Resolutions and Meeting Minutes of the Board of Directors after issued must be sent to the Supervisors at the same time and in the same manner as to the members of the Board of Directors.
2. Resolutions of the Board of Directors (concerning matters related to the responsibilities, authorities, and duties of the General Director) once issued, must be sent to the General Director at the same time and in the same manner as to the members of the Board of Directors.

Article 56. Cases in which the General Director and the Supervisory Board request the convening of a Board of Directors meeting and matters requiring the Board of Directors' opinion

1. The Supervisory Board may request to convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
 - a. When it is deemed that the Supervisors' rights to access information and documents related to the company's operations are not fully implemented in accordance with current laws and the Company's Charter;
 - b. When a violation of the law or the Company's Charter by a member of the Board of Directors, General Director, or other enterprise executives is detected, after having notified the Board of Directors in writing as stipulated in Clause 5, Article 39 of the Company's Charter, but the violator has not ceased the violation or taken remedial measures;
 - c. Other cases as prescribed by current laws and the Company's Charter.
2. The General Director may request to convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
 - a. When it is deemed that the rights of the General Director as stipulated in Article 35 of the Company's Charter are not being exercised;

- b. When a violation of the law or the Company's Charter by other enterprise executives is detected, after having notified the Board of Directors in writing, but the violator has not ceased the violation or taken remedial measures;
- c. Other cases as prescribed by current laws and the Company's Charter.

Article 57. Report of the General Director to the Board of Directors on the execution of assigned duties and authorities

1. Report on the implementation of Resolutions of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders, the business plan, and the investment plan of the Company as approved by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;
2. Quarterly and annual reports on the financial status and business operations of the Company shall be submitted. If necessary, the Board of Directors may request the General Director to provide expedited or periodic reports on a weekly or monthly basis concerning specific matters of interest to the Board of Directors.
3. Report on improvements in organizational structure, policies, and management.
4. Annual report on the implementation of obligations towards the environment, community, and employees.
5. Report on the implementation of other matters authorized by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders.
6. Submit reports on other issues as required by the Board of Directors.

Article 58. Review the implementation of Resolutions and other matters authorized by the Board of Directors concerning the General Director.

Based on the General Director's report on the performance of assigned duties and authorities as stipulated in Article 47 of this Regulation, the Board of Directors shall review the implementation of Resolutions and other matters authorized by the Board of Directors with the General Director.

Article 59. Matters the General Director must report, provide information on, and the method of notification to the Board of Directors and the Supervisory Board.

1. Matters the General Director must report and provide information on, and the method of notification to the Board of Directors.
 - a. When proposing measures to enhance the Company's operations and management.
 - b. The General Director must prepare a plan for the Board of Directors to approve matters related to recruitment, employee termination, salaries, social insurance, welfare, rewards, and discipline for employees and corporate executives.
 - c. The General Director must prepare a plan for the Board of Directors to approve matters related to the Company's relations with trade unions in accordance with best practices, standards, and policies as stipulated in the Company's Charter, Company regulations, and applicable laws.
 - d. The General Director shall be obligated to notify the Board of Directors of any transactions between the Company, its subsidiaries, or companies under the control of U&I Logistics

- Corporation and such member or related person of that member in accordance with the provisions of the law.
- e. The General Director is responsible for reporting to the Board of Directors in the following cases:
 - i. Transactions between the company and a company where the General Director is a founding member or has been a corporate executives within the last 03 years prior to the transaction.
 - ii. Transactions between the company and a company where a related person of the General Director is a member of the Board of Directors, General Director (Director), or a major shareholder.
 - f. Other matters requiring the Board of Directors' opinion as prescribed by current laws and the Company's Charter.
 - g. When reporting, providing the above information, and requiring feedback, the General Director shall send it to the Board of Directors at least 07 working days before the date the matter needs to be decided.
2. Matters the General Director must report and provide information on, and the method of notification to the Supervisory Board:
- a. The General Director is responsible for supporting and coordinating with the Supervisory Board to ensure the Supervisory Board fulfills its responsibilities and obligations as prescribed by law and the Company's Charter.
 - b. Reports by the General Director submitted to the Board of Directors or other documents issued by the company shall be sent to the Supervisors at the same time and in the same manner as to the members of the Board of Directors.
 - c. The Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other enterprise executives are required to provide comprehensive, accurate, and timely information and documents regarding the management, administration, and business operations of the company as requested by the Supervisors or the Supervisory Board.

Article 60. Coordinate control, administration, and supervision activities among members of the Board of Directors, the Supervisors, and the General Director according to the specific duties of the aforementioned members.

1. Coordination between the Supervisory Board and the Board of Directors: The Supervisory Board plays a role in supervising, coordinating, advising, and providing complete, timely, and accurate information. Specifically as follows:
 - a. Regularly inform the Board of Directors about operational results, consult the Board of Directors before submitting reports, conclusions, and recommendations to the General Meeting of Shareholders;
 - b. During meetings of the Supervisory Board, the Supervisory Board has the right to request members of the Board of Directors (simultaneously requesting the General Director, internal

- audit members (if any), and independent auditors) to attend and address issues of concern to the Supervisors;
- c. Periodic and extraordinary inspections by the Supervisory Board must result in a written conclusion (no later than fifteen (15) working days from the date of completion) sent to the Board of Directors to provide additional basis for the Board of Directors in managing the Company. Depending on the extent and results of the inspection, the Supervisory Board must discuss and reach consensus with the Board of Directors and the General Director before reporting to the General Meeting of Shareholders. In case of disagreement, the right to reserve opinions is authorized to be recorded in the minutes, and the Head of the Supervisory Board is responsible for reporting to the nearest General Meeting of Shareholders;
 - d. In the event that the Supervisory Board discovers any legal violations or breaches of the Company's Charter by members of the Board of Directors, the Supervisory Board shall notify the Board of Directors in writing within forty-eight (48) hours, requiring the violator to cease the violation and propose remedial measures;
 - e. Members of the Supervisory Board shall be obligated to notify the Board of Directors of any transactions between the Company, its subsidiaries, or companies under the control of U&I Logistics Corporation the provisions of the law;
 - f. Members of the Supervisory Board are responsible for reporting to the Board of Directors in the following cases:
 - i. Transactions between the company and a company where the Supervisory Board member is a founding member or has been an enterprise manager within the last 03 years prior to the transaction.
 - ii. Transactions between the company and a company in which a related person of the Supervisory Board member is a member of the Board of Directors, General Director (Director), or major shareholder.
 - g. For recommendations related to the Company's operational and financial situation, the Supervisory Board must send a written document along with related materials at least three (03) working days prior to the expected date of receiving feedback;
 - h. Recommendations to the Board of Directors must be sent at least three (03) working days in advance, and the Board of Directors will respond within seven (07) working days.
2. Coordination between the Supervisory Board and the General Director: The Supervisory Board has the function of inspection and supervision.
- a. During meetings of the Supervisory Board, the Supervisory Board has the right to request the General Director (simultaneously requesting members of the Board of Directors, internal audit members (if any), and independent auditors) to attend and address issues of concern to the Supervisors;
 - b. Periodic and extraordinary inspections by the Supervisory Board must be concluded in writing (no later than fifteen (15) working days from the date of completion) and sent to the General Director to provide additional support in managing the Company. Depending on the extent and results of the inspection, the Supervisory Board must reach a consensus with the

- General Director before reporting to the General Meeting of Shareholders. In cases of disagreement, authorization is granted to record dissenting opinions in the minutes, and the Head of the Supervisory Board is responsible for reporting to the nearest General Meeting of Shareholders.
- c. In the event that the Supervisory Board discovers any legal violations or breaches of the Company's Charter by the General Director, the Supervisory Board shall notify the General Director in writing within forty-eight (48) hours, requesting the cessation of the violation and the implementation of remedial measures.
 - d. The Supervisors have the right to request the General Director to facilitate access to records and documents related to the Company's business activities at the Head office or where the records are stored.
 - e. Recommendations regarding amendments, supplements, and improvements to the organizational structure, management, supervision, and business operations of the Company by the Supervisory Board must be sent to the General Director at least three (03) working days before the expected date of receiving feedback.
3. Coordination of activities between the General Director and the Board of Directors: The General Director represents the Company in managing operations, ensuring continuous and efficient of the company operations.
- a. The General Director has the authority to decide on measures beyond their jurisdiction in emergencies such as natural disasters, enemy attacks, fires, unexpected incidents, or matters within the scope of the Crisis Management Policy... but must report in writing to the Board of Directors as soon as possible and be accountable to the Board of Directors and the nearest General Meeting of Shareholders for such decisions.
 - b. The General Director has the right to refuse to execute and reserve their opinions on the decisions of the Board of Directors if it is determined that such decisions are unlawful or detrimental to the shareholders' interests. In such cases, the General Director must immediately provide a written explanation to the Board of Directors and the Supervisory Board.
 - c. Before executing tasks requiring approval from the Board of Directors as stipulated in the Company's Charter, the General Director shall submit a proposal to the Board of Directors five (05) working days in advance.
 - d. The General Director is accountable to the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders for the execution of assigned duties and authorities and must report to these bodies upon request.

Section 2. Regulations on the annual evaluation of rewards and discipline for members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other corporate executives.

Article 61. Regulations on the evaluation of the performance of Members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director, and other executives.

1. The Board of Directors is responsible for establishing performance evaluation standards for all individuals, including members of the Board of Directors, the General Director, and other executives.
2. Based on the detailed annual business plan of the Company, at the first meeting of the fiscal year, the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Director shall determine the evaluation contents, evaluation criteria, and evaluation methods for the performance of positions under their decision-making authority for that fiscal year. The final evaluation result shall be the average of the evaluation results of the voting members in the meeting unless otherwise stipulated in the Regulations on the Operation of the Board of Directors and the Regulations on the Operation of the Supervisory Board. The procedures and sequence for organizing such meetings of the Board of Directors/Supervisory Board shall comply with the Regulations on the Operation of the Board of Directors and the Regulations on the Operation of the Supervisory Board.
3. The evaluation of the performance of the General Director and other enterprise executives shall be conducted according to the labor contract and internal regulations or may be based on the self-evaluation report of these executives.

Article 62. Rewards

1. The Board of Directors is responsible for establishing the reward system. Rewards shall be granted based on the performance evaluation results as stipulated in Article 61 of this Regulation.
2. Subjects: individuals according to the reward regime prescribed by the Board of Directors.
3. Forms of rewards: monetary, shares (issuance of shares under the employee stock option program), or other forms established by the Board of Directors. The forms of rewards shall be approved by the Board of Directors, and in cases exceeding their authority, shall be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval.
4. The reward regime for members of the Board of Directors and supervisors shall be determined by the General Meeting of Shareholders.
5. For other enterprise executives: the reward fund shall be sourced from the Company's Welfare and Reward Fund and other legitimate sources. The reward level shall be based on the actual annual business results, and the General Director shall propose for the Board of Directors' approval, and in cases exceeding their authority, shall be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval.

Article 63. Discipline

1. The Board of Directors is responsible for establishing the disciplinary system based on the nature and severity of the violation. The highest form of discipline shall be dismissal or removal from office.

2. Members of the Board of Directors, supervisors, and other enterprise executives who fail to fulfill their duties with honesty, diligence, and prudence shall bear personal responsibility for any damages caused by them.
3. Members of the Board of Directors, supervisors, and other enterprise executives who commit violations of legal regulations or Company regulations while performing their duties shall, depending on the severity of the violation, be subject to disciplinary action, administrative penalties, or criminal liability in accordance with the law and the Company's Charter. In cases where damage is caused to the interests of the Company, shareholders, or others, compensation shall be made in accordance with the law.

CHAPTER 7. AMENDMENTS TO THE PROVISIONS ON CORPORATE GOVERNANCE AND EFFECTIVENESS OF IMPLEMENTATION

Article 64. Supplementation and amendment of Corporate Governance Regulations

1. The supplementation or amendment of this Regulation must be considered and decided by the General Meeting of Shareholders of the Company.
2. In cases where there are legal provisions related to the Company's operations not addressed in this regulation, or where there are new legal provisions differing from the terms in this regulation, such legal provisions shall automatically apply and adjust the Company's operations.

Article 65. Effective Date

1. This regulation comprises 07 chapters and 65 articles, unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of U&I Logistics Corporation on the day of, 2026, and the full text of this regulation is accepted as effective.
2. This regulation is the sole and official regulation of the company.
3. Copies or extracts of the Corporate Governance Regulation must bear the signature of the Chairperson of the Board of Directors or the signatures of at least half of the total members of the Board of Directors to be valid.

**On behalf of the Board of Directors
Chairperson**

MAI HUU TIN



**U&I LOGISTICS
CORPORATION**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Ho Chi Minh City, day 23 month 05 year 2026

**REGULATIONS ON THE OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS
U&I Logistics Corporation**

- Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, and its amendments and guidance (if any);
- Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and its amendments and guidance (if any);
- Pursuant to Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;
- Pursuant to Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025, of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;
- Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Minister of Finance guiding certain provisions on corporate governance applicable to public companies under Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;
- Pursuant to the Charter of U&I Logistics Corporation;
- Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. /NQ-DHDCD dated ... month ... year 2026;
- The Board of Directors issues the Regulations on the Operation of the Board of Directors of U&I Logistics Corporation;

TABLE OF CONTENTS

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS	2
Article 1. Interpretation of terms and abbreviations.....	2
Article 2. Scope and Subjects of Application.....	2
Article 3. Principles of Operation of the Board of Directors	2
CHAPTER 2. MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS	3
Article 4. Rights and Obligations of Members of the Board of Directors	3
Article 5. Right to Information of Members of the Board of Directors	3
Article 6. Term and Number of Members of the Board of Directors.....	3
Article 7. Standards and Conditions for Members of the Board of Directors	4
Article 8. Chairperson of the Board of Directors	5
Article 9. Dismissal, removal, replacement, and supplementation of members of the Board of Directors	6
Article 10. Method of election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors.....	7
Article 11. Notice on the Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors.....	8
CHAPTER 3. BOARD OF DIRECTORS.....	8
Article 12. Rights and Obligations of the Board of Directors.....	8
Article 13. Duties and Powers of the Board of Directors in Approving and Executing Contracts and Transactions	10
Article 14. Responsibilities of the Board of Directors in Convening Extraordinary General Meetings of Shareholders.....	11
Article 15. Subcommittees assisting the Board of Directors.....	11
CHAPTER 4. MEETING OF THE BOARD OF DIRECTORS.....	12
Article 16. Meeting of the Board of Directors	12
Article 17. Conditions for conducting Board of Directors meetings.....	13
Article 18. Meetings via telephone or other forms.....	13
Article 19. Voting.....	13
Article 20. Meeting Minutes of the Board of Directors	14
Article 21. Resolutions and Decisions of the Board of Directors	15
CHAPTER 5. REPORTING AND DISCLOSURE OF BENEFITS.....	15
Article 22. Annual Report Submission	15
Article 23. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors	15
Article 24. Disclosure of Related Interests.....	16
CHAPTER 6. RELATIONSHIP OF THE BOARD OF DIRECTORS	17
Article 25. Relationship among Members of the Board of Directors.....	17
Article 26. Relationship with the Executive Board	17
Article 27. Relationship with the Supervisory Board.....	17
Article 28. Relationship with Shareholders.....	17
CHAPTER 7. ENFORCEMENT PROVISIONS	18
Article 29. Effective Date.....	18

Ho Chi Minh City, day 23 month 05 year 2026

**REGULATIONS ON THE OPERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS
U&I Logistics Corporation**

- *Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, and its amendments and guidance (if any);*
- *Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and its amendments and guidance (if any);*
- *Pursuant to Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;*
- *Pursuant to Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025, of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;*
- *Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Minister of Finance guiding certain provisions on corporate governance applicable to public companies under Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;*
- *Pursuant to the Charter of U&I Logistics Corporation;*
- *Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No./NQ-DHĐCĐ dated ... month ... year 2026;*
- *The Board of Directors issues the Regulations on the Operation of the Board of Directors of U&I Logistics Corporation;*

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS

Article 1. Interpretation of terms and abbreviations

In addition to the definitions recorded in the Company's Charter, the following words and phrases are understood and abbreviated as follows:

1. “Non-executive Member of the Board of Directors” refers to a member of the Board of Directors who is not the Director (Chief Executive Officer), Deputy Director (Deputy Chief Executive Officer), Chief Accountant, or other executives appointed by the Board of Directors;
2. “Independent Member of the Board of Directors” refers to a member of the Board of Directors who meets the standards and conditions in Clause 2, Article 7 of these Regulations.
3. The words “Including” and “Specifically” are illustrative and not intended to limit the scope to the listed items, which may be expanded unless contrary to any regulations of the Company or the law;
4. “Director/General Director” or “Director/Chief Executive Officer” is understood as the General Director according to statutory law;
5. “Company” refers to U&I Logistics Corporation;
6. “Company Charter” refers to the Charter of U&I Logistics Corporation;
7. "Company Governance Regulations" refers to the internal governance regulations of U&I Logistics Corporation;
8. "Board of Directors' Operational Regulations" refers to the operational regulations of the Board of Directors of U&I Logistics Corporation;
9. "Board of Directors" refers to the Board of Directors;
10. "Supervisory Board" refers to the Supervisory Board;
11. Unless otherwise defined, the terms used in these Regulations shall have the meanings ascribed to them in the Company Charter and/or the Enterprise Law, Securities Law.

Article 2. Scope and Subjects of Application

1. Scope: The operational regulations of the Board of Directors stipulate the organizational structure, principles of operation, powers, and obligations of the Board of Directors and its members in accordance with the Enterprise Law, Company Charter, and other relevant legal provisions.
2. Subjects of Application: These Regulations apply to the Board of Directors and its members. In the event of any conflict between these Regulations and the Company Charter, the provisions of the Company Charter shall prevail.

Article 3. Principles of Operation of the Board of Directors

1. The Board of Directors operates on a collective basis. Members of the Board of Directors are individually responsible for their tasks and collectively accountable to the General Meeting of Shareholders and the law for the resolutions and decisions of the Board of Directors concerning the Company's development.

2. The Board of Directors assigns the responsibility to the Director (General Director) to organize and implement the resolutions and decisions of the Board of Directors.

CHAPTER 2. MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 4. Rights and Obligations of Members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors have full rights as prescribed by the Securities Law, relevant laws, and the Company Charter, including the right to access information and documents regarding the financial status and business operations of the Company and its units.
2. Members of the Board of Directors have obligations as stipulated in the Company Charter and the following obligations:
 - a. To perform their duties honestly and prudently for the highest benefit of the shareholders and the Company;
 - b. To attend all meetings of the Board of Directors and express opinions on matters discussed;
 - c. To promptly and fully report to the Board of Directors any remuneration received from subsidiaries, affiliates, and other organizations;
 - d. To report to the Board of Directors at the nearest meeting any transactions between the Company, subsidiaries, and other companies controlled by the Company with over 50% charter capital, and members of the Board of Directors and their related persons; transactions between the Company and companies where a member of the Board of Directors is a founding shareholder or a business manager within the last three years before the transaction date;
 - e. To disclose information when conducting transactions involving the Company's shares as required by law.
3. Independent members of the Board of Directors of a listed company must prepare an evaluation report on the activities of the Board of Directors.

Article 5. Right to Information of Members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors have the right to request the General Director and other managers in the Company to provide information and documents regarding the financial status and business operations of the Company and its units.
2. Managers are required to provide timely, complete, and accurate information and documents as requested by members of the Board of Directors. The procedures for requesting and providing information are stipulated by the Company Charter.

Article 6. Term and Number of Members of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall have a minimum of three members and a maximum of eleven members. The term of a member of the Board of Directors shall not exceed five years and may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than two consecutive terms.

2. The number of non-executive members of the Company's Board of Directors must comply with the following regulations:
 - a. There must be at least one non-executive member if the company has between three and five members on the Board of Directors;
 - b. There must be at least two non-executive members if the company has between six and eight members on the Board of Directors;
 - c. There must be at least three non-executive members if the company has between nine and eleven members on the Board of Directors.
3. In the event that all members of the Board of Directors simultaneously conclude their term, those members shall continue to serve as members of the Board of Directors until new members are elected and assume their duties, unless otherwise stipulated by the Company Charter.
4. In the case of a listed company, the total number of independent members of the Board of Directors must comply with the following regulations:
 - a. There must be at least one independent member if the company has between three and five members on the Board of Directors;
 - b. There must be at least two independent members if the company has between six and eight members on the Board of Directors;
 - c. There must be at least three independent members if the company has between nine and eleven members on the Board of Directors.

Independent members of the Board of Directors shall have all rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law, Securities Law, Company Charter, these Regulations, and other relevant legal provisions.

Article 7. Standards and Conditions for Members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors must meet the following standards and conditions:
 - a. Not subject to the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;
 - b. Possess professional qualifications and experience in business management or in the Company's business sector, and are not necessarily required to be shareholders of the Company,
 - c. Members of the Company's Board of Directors may concurrently serve as members of the Board of Directors of other companies. For clarification, a member of the Company's Board of Directors may concurrently serve as a member of the Board of Directors or Members' Council in no more than five other companies;
 - d. For state-owned enterprises as stipulated in Point b, Clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, and subsidiaries of state-owned enterprises as stipulated in Clause 1, Article 88 of the Enterprise Law, members of the Board of Directors shall not be individuals with family relations to the Director (General Director) and other managers of the company; or to managers, or persons authorized to appoint managers of the parent company;
 - e. Other standards and conditions as per the Company Charter.

2. Independent members of the Board of Directors must meet the following standards and conditions:
 - a. Not currently working for the company, parent company, or subsidiary of the company; not having worked for the company, parent company, or subsidiary of the company for at least the past three consecutive years;
 - b. Not a person receiving salary or remuneration from the company, except for allowances that members of the Board of Directors are entitled to according to regulations;
 - c. Not a person whose spouse, biological father, adoptive father, biological mother, adoptive mother, biological child, adopted child, biological brother, biological sister, or biological sibling is a major shareholder of the company; is a manager of the company or its subsidiaries;
 - d. Not a person who directly or indirectly owns at least 1% of the total voting shares of the company;
 - e. Not a person who has served as a member of the Board of Directors or the Supervisory Board of the company for at least the past five consecutive years, except in cases of continuous appointment for two terms.
3. An independent member of the Board of Directors must notify the Board of Directors if they no longer meet the standards and conditions stipulated in Clause 2 of this Article and shall automatically cease to be an independent member of the Board of Directors from the date they no longer meet the standards and conditions. The Board of Directors must inform the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting or convene a General Meeting of Shareholders to elect or replace the independent member of the Board of Directors within six months from the date of receiving the notification from the relevant independent member of the Board of Directors.

Article 8. Chairperson of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors is elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.
2. The Chairperson of the Board of Directors of the Company shall not concurrently hold the position of Director (General Director).
3. The Chairperson of the Board of Directors has the following rights and obligations:
 - a. To formulate the program and operational plan of the Board of Directors;
 - b. To prepare the agenda, content, and documents for meetings; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;
 - c. To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - d. To supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - e. To chair the General Meeting of Shareholders;
 - f. Other rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law and the Company Charter.
4. In the event that the Chairperson of the Board of Directors resigns or is dismissed, the Board of Directors must elect a replacement within ten days from the date of resignation or dismissal.

If the Chairperson of the Board of Directors is absent or unable to perform their duties, they must authorize in writing another member to perform the rights and obligations of the Chairperson of the Board of Directors according to the principles stipulated in the Company Charter. If there is no authorized person or the Chairperson of the Board of Directors dies, is missing, is detained, is serving a prison sentence, is undergoing administrative handling measures at a compulsory detoxification facility, a compulsory education facility, escapes from residence, is restricted or loses civil act capacity, has difficulty in cognition, controlling behavior, or is prohibited by the court from holding a position, practicing a profession, or performing certain work, the remaining members shall elect one among them to hold the position of Chairperson of the Board of Directors according to the principle of majority approval until a new decision of the Board of Directors is made.

5. When deemed necessary, the Board of Directors shall decide to appoint a company secretary. The company secretary has the following rights and obligations:
 - a. To assist in organizing the convening of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; to record the meeting minutes;
 - b. Support members of the Board of Directors in the execution of their assigned rights and duties;
 - c. Assist the Board of Directors in the application and implementation of corporate governance principles;
 - d. Support the Company in establishing shareholder relations and protecting the legitimate rights and interests of shareholders; ensuring compliance with information provision obligations, information disclosure, and administrative procedures;
 - e. Other rights and obligations as stipulated in the Company Charter.

Article 9. Dismissal, removal, replacement, and supplementation of members of the Board of Directors

1. The General Meeting of Shareholders shall dismiss members of the Board of Directors in the following cases:
 - a. Lack of qualifications and conditions as stipulated in Article 155 of the Enterprise Law;
 - b. Submission of a resignation letter which is accepted;
 - c. Other cases as stipulated in the Company Charter.
2. The General Meeting of Shareholders shall remove members of the Board of Directors in the following cases:
 - a. Failure to participate in the activities of the Board of Directors for six consecutive months, except in cases of force majeure;
 - b. Other cases as stipulated in the Company Charter.
3. When deemed necessary, the General Meeting of Shareholders shall decide to replace members of the Board of Directors; dismiss or remove members of the Board of Directors beyond the cases stipulated in Clauses 1 and 2 of this Article.
4. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders to elect additional members of the Board of Directors in the following cases:

- a. The number of members of the Board of Directors is reduced by more than one-third compared to the number stipulated in the Company Charter. In this case, the Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within 60 days from the date the number of members is reduced by more than one-third;
- b. The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within 30 days from the date the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, and members of the Supervisory Board falls below the minimum number stipulated by law or upon receiving a request as stipulated in Points c and d, Clause 3, Article 14 of the Company Charter;
- c. Except for the cases stipulated in Points a and b of this Clause, the General Meeting of Shareholders shall elect new members to replace those members of the Board of Directors who have been dismissed or removed at the nearest meeting.

Article 10. Method of election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors

1. Shareholders or groups of shareholders holding 10% or more of the total common shares or having the right to nominate individuals to the Board of Directors as stipulated in the Company Charter. The nomination of individuals to the Board of Directors shall be conducted as follows:
 - a. Common shareholders forming a group to nominate individuals to the Board of Directors must notify the group meeting to the shareholders attending the meeting before the commencement of the General Meeting of Shareholders;
 - b. Based on the number of members of the Board of Directors, shareholders or groups of shareholders stipulated in this Clause have the right to nominate one or more individuals as candidates for the Board of Directors in accordance with the Enterprise Law and the Company Charter. If the number of candidates nominated by shareholders or groups of shareholders is less than the number of candidates they are entitled to nominate as decided by the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors and other shareholders.
2. In the event that the number of candidates for the Board of Directors nominated and self-nominated is still insufficient as stipulated in Clause 5, Article 115 of the Enterprise Law, the incumbent Board of Directors shall introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Company Charter, Corporate Governance Regulations, and the Board of Directors' Operating Regulations. The introduction of additional candidates by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors as per legal regulations.
3. The voting for the election of members to the Board of Directors shall be conducted by cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes equivalent to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors, and the shareholder may allocate all or part of their total votes to one or several candidates. The elected members of the Board of Directors are determined based on the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate receiving the highest number of votes until the number of members specified in the Company Charter is reached. In the event that two or more candidates receive the same number of votes for the final

member of the Board of Directors, a re-election shall be conducted among the candidates with equal votes or selection shall be made according to the criteria of the election regulations or the Company Charter.

The elected members of the Board of Directors or Supervisors are determined based on the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate receiving the highest number of votes until the number of members specified in the Company Charter is reached. In the event that one or more members of the Board of Directors or Supervisory Board are dismissed or removed by the General Meeting of Shareholders, the shareholder or group of shareholders who nominated those members shall have the right to nominate other candidates for the Board of Directors or Supervisory Board as replacements. The General Meeting of Shareholders shall proceed to elect additional members of the Board of Directors and Supervisory Board from these replacement candidates.

Article 11. Notice on the Election, Dismissal, and Removal of Members of the Board of Directors

1. In the event that candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must disclose information related to these candidates at least 10 days prior to the opening of the General Meeting of Shareholders on the Company's electronic information portal so that shareholders can learn about these candidates before voting. Candidates for the Board of Directors must provide a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and must commit to performing their duties honestly, diligently, and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. The information related to candidates for the Board of Directors to be disclosed includes:

- a. Full name, date, month, year of birth;
- b. Professional qualifications;
- c. Work experience;
- d. Other managerial positions (including Board of Directors positions in other companies);
- e. Interests related to the Company and related parties of the Company;
- f. Other information (if any) as stipulated in the Company Charter;
- g. A public company must be responsible for disclosing information about the companies where the candidate holds a position as a member of the Board of Directors, other managerial positions, and interests related to the candidate's company (if any).

2. The announcement of the results of the election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors shall be conducted in accordance with the guidelines on information disclosure.

CHAPTER 3. BOARD OF DIRECTORS

Article 12. Rights and Obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company, vested with full authority to represent the Company in deciding and executing the rights and obligations of the

Company, except for those rights and obligations under the jurisdiction of the General Meeting of Shareholders.

2. The rights and obligations of the Board of Directors are stipulated by law, the Company Charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following powers and duties:
 - a. To determine the Company's strategy, medium-term development plan, and annual business plan;
 - b. To propose the types of shares and the total number of shares authorized for each type to be offered;
 - c. To decide on the sale of unsold shares within the authorized number of shares for each type; to decide on raising additional capital through other forms;
 - d. To determine the selling price of the Company's shares and bonds;
 - e. To decide on the repurchase of shares as stipulated in Clauses 1 and 2, Article 133 of the Enterprise Law;
 - f. To decide on investment plans and projects within the authority and limits prescribed by law;
 - g. To decide on market development, marketing, and technology solutions;
 - h. To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending, and other transactions valued at 35% or more of the total asset value recorded in the Company's most recent financial statements, except for contracts and transactions under the jurisdiction of the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point d, Clause 2, Article 138, Clauses 1 and 3, Article 167 of the Enterprise Law;
 - i. To elect, dismiss, and remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign, and terminate contracts with the Director or General Director and other key managers as stipulated by the Company Charter; to decide on salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for those managers; to appoint authorized representatives to participate in the Members' Council or General Meeting of Shareholders in other companies, and to decide on the remuneration and other benefits for those representatives;
 - j. To supervise and direct the Director or General Director and other managers in the daily business operations of the Company;
 - k. To decide on the organizational structure, internal management regulations of the Company, to decide on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices, and the contribution of capital or purchase of shares in other enterprises;
 - l. To approve the agenda, content, and materials for the General Meeting of Shareholders, to convene the General Meeting of Shareholders, or to collect opinions for the General Meeting of Shareholders to pass resolutions;
 - m. To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
 - n. To propose the dividend rate to be paid; or to handle losses incurred during business operations;

- o. To propose the reorganization, dissolution of the Company; to request the bankruptcy of the Company;
 - p. To decide on the issuance of the Regulations on the operation of the Board of Directors, the internal corporate governance regulations after approval by the General Meeting of Shareholders; to decide on the issuance of the Regulations on the operation of the Audit Committee under the Board of Directors, the Regulations on the Company's information disclosure;
 - q. Other rights and obligations as prescribed by the Enterprise Law, Securities Law, other legal regulations, and the Company Charter.
3. The Board of Directors shall pass resolutions and decisions by voting at meetings, collecting written opinions, or other forms as stipulated by the Company Charter. Each member of the Board of Directors shall have one vote.

In cases where the Board of Directors needs to decide on certain matters but cannot convene a meeting, the Chairperson of the Board may solicit written voting opinions from the Board members. The written solicitation must be accompanied by comprehensive reports, documents, and explanations regarding the matters to be voted on, and must include options: agree, disagree, or no opinion. The written voting solicitation must bear the signature of the member whose opinion is solicited to be valid.

4. In the event that a resolution or decision passed by the Board of Directors contravenes legal regulations, resolutions of the General Meeting of Shareholders, or the Company Charter, causing damage to the Company, the members who voted in favor of such resolution or decision shall be jointly and severally liable for it and must compensate the Company for any damages; members who opposed the resolution or decision shall be exempt from liability. In such cases, the Company's shareholders have the right to request the Court to suspend or annul the resolution or decision.

Article 13. Duties and Powers of the Board of Directors in Approving and Executing Contracts and Transactions

1. The Board of Directors approves contracts and transactions valued at less than 35% or transactions leading to a total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction valued at less than 35% of the total asset value recorded in the most recent financial statements, or another lower percentage or value as stipulated in the Company Charter, between the Company and any of the following parties:
- a. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director (Director), other managers, and related persons of these parties;
 - b. Shareholders, authorized representatives of shareholders holding more than 10% of the total common shares of the Company, and their related persons;
 - c. Enterprises related to the parties specified in Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law.
2. The Company's representative signing the contract or transaction must notify the members of the Board of Directors and the Supervisory Board about the related parties concerning the contract or transaction and attach the draft contract or main content of the transaction. The Board of Directors shall decide on the approval of the contract or transaction within 15 days from the date of receiving the notification, unless the Company Charter stipulates a different

period; members of the Board of Directors with interests related to the parties in the contract or transaction shall not have voting rights.

Article 14. Responsibilities of the Board of Directors in Convening Extraordinary General Meetings of Shareholders

1. The Board of Directors must convene an Extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:
 - a. The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;
 - b. The number of remaining members of the Board of Directors or the Supervisory Board is less than the minimum number required by law;
 - c. Upon the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law; the request to convene the General Meeting of Shareholders must be made in writing, clearly stating the reasons and purposes of the meeting, with sufficient signatures of the relevant shareholders, or the request document is made in multiple copies and gathers sufficient signatures of the relevant shareholders;
 - d. Upon the request of the Supervisory Board;
 - e. Other cases as prescribed by law and the Company Charter.
2. Convening Extraordinary General Meetings of Shareholders

The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within 30 days from the date the number of Board members, independent Board members, or Supervisory Board members falls below the minimum number as stipulated in the Company Charter or upon receiving the request as specified in points c and d, clause 1 of this Article.

3. The person convening the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:
 - a. Prepare the list of shareholders entitled to attend the meeting;
 - b. Provide information and address complaints related to the shareholder list;
 - c. Prepare the agenda and content of the meeting;
 - d. Prepare documents for the meeting;
 - e. Draft the resolution of the General Meeting of Shareholders according to the anticipated content of the meeting; list and detailed information of candidates in case of election of Board members or Supervisory Board members;
 - f. Determine the time and venue of the meeting;
 - g. Send the Notice of Meeting to each shareholder entitled to attend the meeting in accordance with the Enterprise Law;
 - h. Other tasks serving the meeting.

Article 15. Subcommittees assisting the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees to be in charge of development policy, personnel, remuneration, internal audit, and risk management. The number of members of the subcommittee is determined by the Board of Directors and must include at least three

people, including Board members and external members. Independent Board members/non-executive Board members should constitute the majority of the subcommittee, and one of these members shall be appointed as the Head of the subcommittee by the decision of the Board of Directors. The activities of the subcommittee must comply with the regulations of the Board of Directors. The resolution of the subcommittee is only effective when a majority of the members attend and vote in favor at the subcommittee meeting.

2. The implementation of decisions by the Board of Directors or its subcommittees must comply with current legal regulations and the provisions of the Company Charter and the Internal Corporate Governance Regulations.

CHAPTER 4. MEETING OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 16. Meeting of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors is elected at the first meeting of the Board of Directors within seven working days from the date of completion of the Board election. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest voting percentage. In the event of more than one member having the highest and equal number of votes or voting percentage, the members shall vote by majority to select one among them to convene the Board meeting.
2. The Board of Directors must meet at least once every quarter to review and decide on matters within the duties and powers of the Board. For issues that do not require convening a Board meeting, the Chairperson of the Board may organize the collection of opinions from Board members in writing. Resolutions/Decisions of the Board adopted by written opinion collection have the same validity as those adopted at a Board meeting.
3. The Chairperson of the Board of Directors convenes an extraordinary Board meeting in the following cases:
 - a. Upon request of the Supervisory Board or an independent Board member;
 - b. Upon request of the Director or General Director or at least five other managers;
 - c. Upon request of at least two Board members.
 - d. The Independent Auditor shall discuss the audit report and the Company's operational status.
 - e. Other cases as stipulated by the Company Charter.
4. The proposal specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, issues to be discussed, and decisions within the authority of the Board of Directors.
5. The Chairperson of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within seven working days from the date of receipt of the proposal specified in Clause 3 of this Article. If the Chairperson does not convene the meeting as proposed, they shall be liable for any damages incurred by the Company. In the absence of the Chairperson, a member of the Board of Directors authorized by the Chairperson or a person selected by other members of the Board of Directors or those proposing the meeting (except for point d, Clause 3 of this Article) shall have the right to convene the meeting.

6. The Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting must send the notice of meeting at least three working days before the meeting date. The notice must specify the time and venue of the meeting, the agenda, issues for discussion, and decisions. The notice must be accompanied by documents to be used at the meeting and the voting ballot of the member.
7. The notice of the Board of Directors meeting may be sent by invitation letter, telephone, fax, electronic means, or other methods as stipulated by the Company Charter and must reach the registered contact address of each Board member at the Company.
8. The meeting venue shall be determined by the Chairperson of the Board of Directors or the person authorized to convene the meeting, within the territory of Vietnam.
9. The Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting shall send the notice of meeting and accompanying documents to the members of the Supervisory Board as to the members of the Board of Directors. Members of the Supervisory Board have the right to attend Board meetings; they may discuss but not vote.

Article 17. Conditions for conducting Board of Directors meetings

A Board of Directors meeting is conducted when at least three-fourths of the total members are present. If the meeting convened under this Article does not have the required number of attendees, it shall be reconvened within seven days from the initially scheduled meeting date. In this case, the meeting shall proceed if more than half of the Board members are present.

Article 18. Meetings via telephone or other forms

1. A Board of Directors meeting may be held in the form of a conference among Board members who are in different locations, provided that each participating member can:
 - a. Hear each other member speaking during the meeting;
 - b. If desired, communicate with all other attending members simultaneously, with exchanges between members conducted directly, by telephone, or by other communication means (whether used at the time of adopting the charter or introduced later), or a combination of all these methods. Each Board member participating in such a meeting is considered "present" at the meeting. A meeting held under this provision is considered to occur at the location where the largest group of Board members is assembled, or if no such group exists, the location where the Chairperson is present shall be deemed the meeting venue.
2. Resolutions passed in a duly convened and conducted teleconference meeting shall take effect immediately upon the conclusion of the meeting but must be confirmed by the signatures in the Meeting Minutes of all Board of Directors members attending this meeting.

Article 19. Voting

1. Members of the Board of Directors are considered to be present and voting at the meeting in the following cases:
 - a. Attending and voting directly at the meeting;
 - b. Authorizing another person to attend and vote in accordance with regulations;
 - c. Attending and voting via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
 - d. Sending a voting ballot to the meeting via mail, fax, or email;

- e. Sending a voting ballot by other means as stipulated in the Company Charter.
2. In the case of sending a voting ballot to the meeting via mail, the voting ballot must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson of the Board of Directors no later than one hour before the opening. The voting ballot shall only be opened in the presence of all attendees.
3. Resolutions and decisions of the Board of Directors are passed if approved by the majority of attending members; in the event of a tie, the final decision shall rest with the opinion of the Chairperson of the Board of Directors.
4. If collecting written votes from Board of Directors members, within seven working days from the date the Board member receives the notice and documents from the Chairperson of the Board of Directors, the member must send their written notice or voting ballot to the Chairperson. If the member does not send their written notice or voting ballot to the Chairperson within this period, it shall be considered that the member does not participate in voting (or has no opinion).

Article 20. Meeting Minutes of the Board of Directors

1. Meetings of the Board of Directors must be recorded in minutes and may be audio recorded, documented, and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and may also be prepared in a foreign language, including the following essential contents:
 - a. Name, address of the head office, enterprise code;
 - b. Time and venue of the meeting;
 - c. Purpose, agenda, and content of the meeting;
 - d. Names of each attending member or authorized attendee and the method of attendance; names of members not attending and reasons;
 - e. Issues discussed and voted on at the meeting;
 - f. Summary of remarks by each attending member in the order of the meeting's proceedings;
 - g. Voting results, clearly stating members in favor, against, and abstaining;
 - h. Issues approved and the corresponding voting ratios;
 - i. Names and signatures of the chairperson, minute taker, and Board of Directors members attending the meeting, except as provided in Clause 2 of this Article.
2. In the event the chairperson or minute taker refuses to sign the meeting minutes, but if signed by all other attending Board of Directors members and containing all contents as stipulated in points a, b, c, d, e, f, g, and h of Clause 1 of this Article, such minutes shall be valid.
3. The chairperson, minute taker, and those signing the minutes shall be responsible for the truthfulness and accuracy of the content of the Board of Directors meeting minutes.
4. The meeting minutes of the Board of Directors and the documents used in the meeting shall be retained at the Company's headquarters.

5. The minutes prepared in Vietnamese and in foreign languages shall have equal legal validity. In the event of discrepancies between the Vietnamese and foreign language versions, the content in the Vietnamese minutes shall prevail.

Article 21. Resolutions and Decisions of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall issue a Resolution for each significant matter discussed and resolved at its meetings. The Resolution of the Board of Directors must be approved before the conclusion of the meeting and must be fully reflected in the Meeting Minutes.
2. Based on the Meeting Minutes/Resolution of the Board of Directors, the Chairperson of the Board of Directors or the person authorized by the Board of Directors shall sign documents on behalf of the Board of Directors to issue Decisions, Regulations, Directives, and other guiding documents for implementation throughout the Company.
3. Decisions, Regulations, Directives, and other guiding documents, once signed and issued by the Chairperson of the Board of Directors, must be circulated to each member of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Director (General Director) for monitoring and supervision of implementation.

CHAPTER 5. REPORTING AND DISCLOSURE OF BENEFITS

Article 22. Annual Report Submission

1. At the end of the fiscal year, the Board of Directors must submit the following reports to the General Meeting of Shareholders:
 - a. Report on the Company's Business Results;
 - b. Financial Statements;
 - c. Report on the Assessment of the Company's Management and Operations;
 - d. Appraisal Report of the Supervisory Board.
2. The reports specified in points a, b, and c of clause 1 of this Article must be submitted to the Supervisory Board for appraisal no later than 30 days prior to the opening of the Annual General Meeting of Shareholders, unless otherwise stipulated in the Company Charter.
3. The reports specified in clauses 1 and 2 of this Article, the appraisal report of the Supervisory Board, and the audit report must be retained at the Company's headquarters no later than 10 days prior to the opening of the Annual General Meeting of Shareholders. Shareholders who have continuously held shares of the Company for at least one year have the right to review the reports specified in this Article either independently or together with a lawyer, accountant, or certified auditor.

Article 23. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. The Company is entitled to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and efficiency.
2. Members of the Board of Directors shall receive work remuneration and bonuses. Work remuneration is calculated based on the number of days required to complete the duties of a Board member and the daily remuneration rate. The Board of Directors estimates the

remuneration for each member based on the principle of unanimity. The total remuneration and bonuses for the Board of Directors are determined by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

3. The remuneration of each member of the Board of Directors is accounted for as a business expense of the Company in accordance with the law on corporate income tax, is presented as a separate item in the Company's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.
4. Members of the Board of Directors holding executive positions or serving on committees of the Board of Directors, or undertaking tasks beyond the usual scope of a Board member, may receive additional remuneration in the form of a lump sum, salary, commission, profit percentage, or other forms as decided by the Board of Directors.
5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for all travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred in the performance of their duties as Board members, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or committees of the Board of Directors.
6. Members of the Board of Directors may be insured by the Company for liability, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover liabilities related to violations of the law and the Company Charter.

Article 24. Disclosure of Related Interests

The disclosure of interests and related parties of the Company shall be conducted in accordance with the following provisions:

1. Members of the Board of Directors of the Company must declare to the Company their related interests, including:
 - a. The name, enterprise code, registered office address, and business sector of the enterprise in which they hold capital contributions or shares; the percentage and timing of such ownership;
 - b. The name, enterprise code, registered office address, and business sector of the enterprise in which their related parties jointly or individually hold capital contributions or shares exceeding 10% of the charter capital.
2. The declaration stipulated in Clause 1 of this Article must be made within seven working days from the date the related interest arises; any amendments or supplements must be notified to the Company within seven working days from the date of such amendments or supplements.
3. Members of the Board of Directors acting in their own name or on behalf of others to conduct any business within the Company's scope must disclose the nature and content of such business to the Board of Directors and may only proceed with the approval of the majority of the remaining Board members; if conducted without disclosure or approval, all income derived from such activities shall belong to the Company.

CHAPTER 6. RELATIONSHIP OF THE BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Relationship among Members of the Board of Directors

1. The relationship among members of the Board of Directors is one of coordination, where members are responsible for informing each other of relevant issues during the handling of assigned tasks.
2. During task execution, the member of the Board of Directors assigned primary responsibility must proactively coordinate handling if issues arise related to areas overseen by other Board members. In cases of differing opinions among Board members, the member with primary responsibility shall report to the Chairperson of the Board of Directors for a decision within their authority or organize a meeting or solicit opinions from Board members in accordance with the law, the Company Charter, and these Regulations.
3. In the event of reassignment among Board members, they must hand over related work, files, and documents. This handover must be documented in writing and reported to the Chairperson of the Board of Directors.

Article 26. Relationship with the Executive Board

1. In its governance role, the Board of Directors issues resolutions for the General Director (Director) and the executive apparatus to implement. Simultaneously, the Board of Directors inspects and supervises the execution of these resolutions.
2. Annually, the Board of Directors plans to work with the Company's affiliated units to inspect and supervise the implementation of business production plans and the execution of the Board of Directors' Resolutions/Decisions, and to promptly address relevant recommendations within the Board's authority.
3. Documents and submissions presented by the Executive Board to the Board of Directors shall receive a written response or result in the issuance of a Resolution or Decision within a maximum of seven (7) working days.

Article 27. Relationship with the Supervisory Board

1. The relationship between the Board of Directors and the Supervisory Board is one of coordination. The working relationship between the Board of Directors and the Supervisory Board is based on principles of equality and independence, while also ensuring close coordination and mutual support in the execution of duties.
2. Upon receiving inspection minutes or summary reports from the Supervisory Board, the Board of Directors is responsible for reviewing and directing relevant departments to develop plans and implement timely corrections.

Article 28. Relationship with Shareholders

1. The Board of Directors ensures regular engagement with the Company's shareholders by disclosing documents and periodic financial statements in accordance with the Company Charter.
2. The Board of Directors is responsible for ensuring transparency in the management and operation of all Company activities, as well as fulfilling all obligations to shareholders as stipulated by the Company Charter.

3. The Board of Directors is responsible for directing the timely and transparent handling of any shareholder recommendations or complaints.

CHAPTER 7. ENFORCEMENT PROVISIONS

Article 29. Effective Date

The operational regulations of the Board of Directors of U&I Logistics Corporation comprise 7 chapters, 29 articles, and shall take effect from the day of month ... year 2026.

On behalf of the Board of Directors

(Signature, full name, and seal)

MAI HUU TIN



Ho Chi Minh City, date 23 month 05 year 2026

REGULATIONS ON THE OPERATION OF THE SUPERVISORY BOARD
U&I Logistics Corporation

- Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam passed on November 26, 2019, and its amendments and guidelines (if any);
- Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam passed on June 17, 2020, and its amendments and guidelines (if any);
- Pursuant to Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law applicable to public companies;
- Pursuant to Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025, of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law;
- Pursuant to Circular No. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Ministry of Finance guiding certain articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government;
- Pursuant to the Charter on the organization and operation of U&I Logistics Corporation.
- Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. .../NQ-ĐHĐCĐ dated ... month ... year 2026.

The Supervisory Board issues the Regulations on the operation of the Supervisory Board of U&I Logistics Corporation.

The Regulations on the operation of the Supervisory Board of U&I Logistics Corporation include the following contents:

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of regulation, applicable subjects

1. The Regulations on the operation of the Supervisory Board of U&I Logistics Corporation (hereinafter referred to as the “Company”) stipulate the organizational structure, standards, conditions, rights, and obligations of the Supervisory Board and its members in accordance with the Enterprise Law, the Company Charter, and other relevant regulations.
2. These Regulations apply to the Supervisory Board of U&I Logistics Corporation, its members, and organizations and individuals related to the activities of the Company's Supervisory Board.

Article 2. Principles of operation of the Supervisory Board

The Supervisory Board operates on the principle of collectivity. Members of the Supervisory Board are individually responsible for their assigned tasks and collectively responsible to the General Meeting of Shareholders and the law for the work and decisions of the Supervisory Board.

CHAPTER 2. MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD (SUPERVISORS)

Article 3. Rights, obligations, and responsibilities of members of the Supervisory Board

1. Comply with the law, the Company Charter, the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, and professional ethics in exercising the rights and obligations assigned.
2. To perform the assigned rights and obligations with honesty, diligence, and in the best manner to ensure the maximum legitimate interests of the Company.
3. To remain loyal to the interests of the Company and its shareholders, not to abuse their position or title, and not to use the Company's information, secrets, business opportunities, or other assets for personal gain or to serve the interests of other organizations or individuals. To prepare and sign reports of the Supervisory Board after consulting with the Board of Directors for submission to the General Meeting of Shareholders.
4. Other obligations as stipulated by the Enterprise Law and the Company Charter.
5. In the event of a violation of the provisions in Clauses 1, 2, 3, and 4 of this Article that causes damage to the Company or others, the member of the Supervisory Board shall be personally or jointly liable for compensating such damage. Income and other benefits obtained by the member of the Supervisory Board due to the violation must be returned to the Company.
6. If a member of the Supervisory Board is found to have violated the assigned rights and obligations, a written notice must be sent to the Supervisory Board, requesting the violator to cease the violation and remedy the consequences.

Article 4. Term and Number of Members of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board consists of three members, with a term not exceeding five years, and members may be re-elected for an unlimited number of terms.
2. Members of the Supervisory Board are not required to be shareholders of the Company.
3. The Supervisory Board must have more than half of its members residing in Vietnam.
4. In the event that the terms of the members of the Supervisory Board end simultaneously and the new term members have not yet been elected, the members whose terms have ended shall continue to perform their rights and obligations until the new term members are elected and assume their duties.

Article 5. Standards and Conditions for Members of the Supervisory Board

1. Members of the Supervisory Board must meet the following standards and conditions:
 - a. Not subject to the provisions of Clause 2, Article 17 of the Enterprise Law;
 - b. Trained in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the Company's business activities;

- c. Not a family member of a member of the Board of Directors, the General Director, or other managers;
 - d. Not a manager of the Company, not necessarily a shareholder or employee of the Company, unless otherwise stipulated by the Company Charter;
 - e. Not allowed to work in the accounting or finance department of the Company;
 - f. Not allowed to be a member or employee of an auditing organization approved to audit the Company's Financial Statements in the preceding three consecutive years;
 - g. Other standards and conditions as prescribed by relevant laws and the Company Charter.
2. In addition to the standards and conditions stipulated in Clause 1 of this Article, members of the Supervisory Board of a public company as prescribed in Point b, Clause 1, Article 88 of the Enterprise Law must not be family members of the Company's or Parent Company's business managers; representatives of capital portions of enterprises, or representatives of state capital at the Parent Company and the Company.

Article 6. Head of the Supervisory Board

1. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the fields of economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field related to the business activities of the enterprise (unless the Company Charter stipulates higher standards).
2. The Head of the Supervisory Board is elected by the Supervisory Board from among its members; the election, dismissal, and removal are conducted based on the majority principle.
3. The rights and obligations of the Head of the Supervisory Board are stipulated by the Company Charter.

Article 7. Nomination and Candidacy for Members of the Supervisory Board

1. Shareholders or groups of shareholders holding 10% or more of the total common shares (or a smaller percentage as stipulated in the Company Charter) have the right to nominate individuals to the Supervisory Board. The nomination process is as follows:
 - a. Common shareholders forming a group to nominate individuals to the Supervisory Board must notify the shareholders attending the meeting prior to the commencement of the General Meeting of Shareholders.
 - b. Based on the number of members of the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders as specified in this clause are entitled to nominate one or more individuals as candidates for the Supervisory Board in accordance with the Enterprise Law and the Company Charter. If the number of candidates nominated by shareholders or groups of shareholders is less than the number they are entitled to nominate as decided by the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, and other shareholders.
2. In the event that the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and candidacy is still insufficient as required by Clause 5, Article 115 of the Enterprise Law, the incumbent Supervisory Board shall introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Company Charter, the internal regulations on corporate governance,

and the operational regulations of the Supervisory Board. The introduction of additional candidates by the incumbent Supervisory Board must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Supervisory Board in accordance with the law.

Article 8. Method of Election, Dismissal, and Removal of Members of the Supervisory Board

1. The election, dismissal, and removal of members of the Supervisory Board fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. The voting for the election of members of the Supervisory Board must be conducted by cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Supervisory Board, and shareholders may allocate all or part of their total votes to one or several candidates. The successful candidates for the Supervisory Board are determined by the number of votes from highest to lowest, starting with the candidate receiving the highest number of votes until the required number of members as stipulated in the Company Charter is reached. In the event that two or more candidates receive the same number of votes for the final member of the Supervisory Board, a re-vote will be conducted among the candidates with equal votes or selection will be made according to the criteria specified in the election regulations or the Company Charter.

Article 9. Cases of Dismissal and Removal of Members of the Supervisory Board

1. The General Meeting of Shareholders shall dismiss a member of the Supervisory Board in the following cases:
 - a. No longer meeting the qualifications and conditions to be a member of the Supervisory Board as stipulated in Article 169 of the Enterprise Law and the Company Charter.
 - b. Submission of a resignation letter and acceptance thereof.
 - c. Other cases as stipulated by the Company Charter.
2. The General Meeting of Shareholders shall remove a member of the Supervisory Board in the following cases:
 - a. Failure to fulfill assigned duties and tasks.
 - b. Failure to exercise rights and obligations for six consecutive months, except in cases of force majeure.
 - c. Repeated or serious violations of the obligations of a member of the Supervisory Board as stipulated by the Enterprise Law and the Company Charter.
 - d. Other cases pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 10. Notice regarding the election, dismissal, and removal of members of the Supervisory Board.

1. In cases where candidates for the Supervisory Board have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least 10 days prior to the opening of the General Meeting of Shareholders on the Company's electronic information portal so that shareholders can learn about these candidates before voting. Candidates for the Supervisory

Board must provide a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and must commit to performing their duties honestly, diligently, and in the best interests of the Company if elected as members of the Supervisory Board. The information related to candidates for the Supervisory Board to be disclosed includes:

- a. Full name, date, month, year of birth;
 - b. Professional qualifications;
 - c. Work experience;
 - d. Other managerial positions;
 - e. Interests related to the Company and the Company's related parties;
 - f. Other information (if any) as stipulated in the Company Charter;
 - g. The Company is responsible for disclosing information about the companies where the candidate holds managerial positions and interests related to the Company of the candidate for the Supervisory Board (if any).
2. The announcement of the results of the election, dismissal, and removal of members of the Supervisory Board shall be conducted in accordance with the guidelines on information disclosure.

CHAPTER 3. SUPERVISORY BOARD

Article 11. Rights, Duties, and Responsibilities of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board supervises the Board of Directors and the General Director in the management and administration of the Company.
2. Examine the reasonableness, legality, truthfulness, and prudence in the management and operation of business activities; the systematic, consistent, and appropriate nature of accounting, statistics, and financial reporting.
3. Assess the completeness, legality, and truthfulness of the annual and semi-annual business reports, financial statements of the Company, evaluate the management activities of the Board of Directors, and present the assessment report at the Annual General Meeting of Shareholders. Review contracts and transactions with related parties within the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders and make recommendations on contracts and transactions requiring approval from the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.
4. Review, inspect, and evaluate the effectiveness and efficiency of the Company's internal control system, internal audit, risk management, and early warning systems.
5. Examine the accounting books, accounting records, and other documents of the Company, as well as the management and operation activities of the Company when deemed necessary or pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders or at the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law.

6. Upon the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law, the Supervisory Board shall conduct an inspection within 7 working days from the date of receiving the request. Within 15 days from the conclusion of the inspection, the Supervisory Board must report on the issues requested for inspection to the Board of Directors and the shareholders or groups of shareholders making the request. The inspection by the Supervisory Board must not obstruct the normal activities of the Board of Directors, nor disrupt the business operations of the Company.
7. Recommend to the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders measures for amending, supplementing, and improving the organizational structure for management, supervision, and business operations of the Company.
8. Upon detecting any member of the Board of Directors or the General Director violating the provisions of Article 165 of the Enterprise Law, an immediate written notification must be sent to the Board of Directors, requesting the violator to cease the violation and implement remedial measures.
9. Attend and participate in discussions at meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and other Company meetings.
10. Utilize independent consultants and the Company's internal audit department to perform assigned tasks.
11. The Supervisory Board may consult with the Board of Directors before submitting reports, conclusions, and recommendations to the General Meeting of Shareholders.
12. Examine specific issues related to the management and operation of the Company as requested by shareholders.
13. Request the Board of Directors to convene an extraordinary General Meeting of Shareholders.
14. Replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders within 30 days in the event the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 3, Article 140 of the Enterprise Law.
15. Propose that the Chairperson of the Board of Directors convene a meeting of the Board of Directors.
16. Review, extract, and copy part or all of the content of the declaration of the list of related persons and related interests as declared under Clause 1 and Clause 2, Article 164 of the Enterprise Law.
17. Propose and recommend to the General Meeting of Shareholders the approval of the list of auditing organizations authorized to audit the Company's Financial Statements; auditing organizations authorized to inspect the Company's activities when deemed necessary.
18. Be accountable to shareholders for their supervisory activities.
19. Monitor the Company's financial situation, compliance with the law by the Board of Directors, the General Director, and other managers in their activities.
20. Ensure coordination of activities with the Board of Directors, the General Director, and shareholders.

21. In the event of detecting any legal violations or breaches of the Company Charter by members of the Board of Directors, the General Director, or other business executives, the Supervisory Board must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, requesting the violator to cease the violation and implement remedial measures.
22. Develop the Operational Regulations of the Supervisory Board and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.
23. Witness the Board of Directors organizing the vote counting and preparing the Vote Counting Record if requested by the Board of Directors in the case of obtaining shareholder opinions in writing to approve the Resolution of the General Meeting of Shareholders.
24. The Head of the Supervisory Board shall preside over the election of the Chairperson of the meeting by the General Meeting of Shareholders in the event the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, and the remaining members of the Board of Directors cannot elect a Chairperson. In this case, the person with the highest number of votes shall preside over the meeting.
25. Exercise other rights and obligations as stipulated by the Enterprise Law, the Company Charter, and the Resolutions of the General Meeting of Shareholders.

Article 12. Right to Information Provision of the Supervisory Board

1. Documents and information must be sent to members of the Supervisory Board at the same time and in the same manner as to members of the Board of Directors, including:
 - h. Notice of Meeting, voting ballots for members of the Board of Directors, and accompanying documents;
 - i. Resolutions, decisions, and meeting minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;
 - j. Report of the General Director submitted to the Board of Directors or other documents issued by the Company.
2. Members of the Supervisory Board have the right to access the Company's records and documents kept at the headquarters, branches, and other locations; they have the right to visit the workplace of the Company's managers and employees during working hours.
3. The Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers must provide complete, accurate, and timely information and documents regarding the management, administration, and business operations of the Company as requested by members of the Supervisory Board or the Supervisory Board.

Article 13. Responsibilities of the Supervisory Board in convening an extraordinary General Meeting of Shareholders

1. The Supervisory Board is responsible for replacing the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders within 30 days in the event that the Board of Directors does not convene the General Meeting of Shareholders in the following cases:
 - a. The number of remaining members of the Board of Directors and the Supervisory Board is less than the number of members prescribed by law;

- b. Upon the request of shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Enterprise Law.
 - c. When there is a request from the Supervisory Board to convene an extraordinary General Meeting of Shareholders but the Board of Directors does not comply (unless otherwise stipulated in the Company Charter).
2. If the Supervisory Board does not convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Supervisory Board must compensate for any damages incurred by the Company.
 3. The costs of convening and conducting the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 1 of this Article shall be reimbursed by the Company.

CHAPTER 4. SUPERVISORY BOARD MEETING

Article 14. Meeting of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board must meet at least twice (02) a year, with at least two-thirds (2/3) of the members of the Supervisory Board attending.
2. The Supervisory Board has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of the approved auditing organization to attend and address issues that need clarification.

Article 15. Minutes of the Supervisory Board Meeting

The minutes of the Supervisory Board meeting must be detailed and clear. The minute taker and the members of the Supervisory Board attending the meeting must sign the meeting minutes. The minutes of the Supervisory Board meetings must be kept to determine the responsibility of each member of the Supervisory Board.

CHAPTER 5. REPORTING AND DISCLOSURE OF INTERESTS

Article 16. Presentation of the annual report

The reports of the Supervisory Board at the Annual General Meeting of Shareholders include the following contents:

1. Report on the Company's business results, the performance of the Board of Directors, and the General Director to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval at the Annual General Meeting of Shareholders.
2. Self-assessment report on the performance of the Supervisory Board and its members.
3. Remuneration, operating expenses, and other benefits of the Supervisory Board and each member of the Supervisory Board.
4. Summary of the meetings of the Supervisory Board and the conclusions and recommendations of the Supervisory Board; results of monitoring the Company's operational and financial situation.
5. Report on the Evaluation of Transactions between the Company, its Subsidiaries, and Other Companies in which the Company Holds Control of Fifty Percent (50%) or More of the Charter Capital with Members of the Board of Directors, the General Director, and Related Persons of

Such Members; Transactions between the Company and Companies where a Member of the Board of Directors is a Founder or has been a Business Manager within the Last Three Years Prior to the Transaction Date.

6. Results of Supervision of the Board of Directors, the General Director, and Other Business Executives.
7. Results of the Evaluation of the Coordination between the Supervisory Board, the Board of Directors, the General Director, and the Shareholders.
8. Proposals and Recommendations for the General Meeting of Shareholders to Approve the List of Approved Audit Organizations to Conduct the Audit of the Company's Financial Statements; Audit Organizations Approved to Inspect the Company's Activities When Deemed Necessary.

Article 17. Salaries and Other Benefits

In the Absence of Other Provisions in the Company Charter, Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Supervisory Board Shall be Implemented According to the Following Regulations:

1. Members of the Supervisory Board Shall be Paid Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits as Decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders Shall Decide the Total Salaries, Remuneration, Bonuses, Other Benefits, and the Annual Operating Budget of the Supervisory Board.
2. Members of the Supervisory Board Shall be Reimbursed for Reasonable Expenses for Meals, Accommodation, Travel, and the Use of Independent Consulting Services. The Total Remuneration and Expenses Shall Not Exceed the Total Annual Operating Budget of the Supervisory Board Approved by the General Meeting of Shareholders, Unless Otherwise Decided by the General Meeting of Shareholders.
3. Salaries and Operating Expenses of the Supervisory Board Shall be Accounted as Business Expenses of the Company in Accordance with the Provisions of the Law on Corporate Income Tax, Other Relevant Legal Provisions, and Must be Presented as a Separate Item in the Company's Annual Financial Statements.

Article 18. Disclosure of Related Benefits

1. Members of the Company's Supervisory Board Must Declare to the Company Their Related Benefits, Including:
 - a. The Name, Business Registration Number, Head Office Address, and Business Sector of the Enterprise They Own or Hold Shares or Capital Contributions; the Percentage at the Time of Ownership or Holding of Such Shares or Capital Contributions;
 - b. The Name, Business Registration Number, Head Office Address, and Business Sector of the Enterprise Owned, Jointly Owned, or Solely Owned by Their Related Persons with More Than Ten Percent (10%) of the Charter Capital.
2. The Declaration as Stipulated in Clause 1 of This Article Must be Made Within Seven Working Days from the Date of Arising Related Benefits; Any Amendments or Supplements Must be

Notified to the Company Within Seven Working Days from the Date of Such Amendments or Supplements.

3. Members of the Supervisory Board and Related Persons of the Members of the Supervisory Board Shall Only Use Information Obtained by Virtue of Their Position to Serve the Interests of the Company.
4. Members of the Supervisory Board Have the Obligation to Notify in Writing the Board of Directors and the Supervisory Board of Transactions between the Company, its Subsidiaries, and Other Companies in which the Company Holds Control of Fifty Percent (50%) or More of the Charter Capital with Members of the Supervisory Board or with Related Persons of Members of the Supervisory Board in Accordance with the Law. For the Transactions Approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company Must Disclose Information on These Resolutions in Accordance with Securities Law on Information Disclosure.
5. Members of the Supervisory Board and their related parties shall not use or disclose internal information to others for conducting related transactions.

CHAPTER 6. RELATIONSHIP OF THE SUPERVISORY BOARD

Article 19. Relationship with Shareholders

1. The Supervisory Board reports its activities at the Annual General Meeting of Shareholders as stipulated in the Company Charter.
2. The Supervisory Board conducts inspections upon the request of major shareholders and must report on the examination of issues requested by the Board of Directors and major shareholders or groups of major shareholders. Such inspections by the Supervisory Board as stipulated in this clause shall not impede the normal operations of the Board of Directors and the Executive Management Team.

Article 20. Relationship among Members of the Supervisory Board

Members of the Supervisory Board maintain an independent relationship, not dependent on each other, but coordinate and collaborate in common tasks to ensure the effective fulfillment of the responsibilities, rights, and duties of the Supervisory Board in accordance with legal regulations and the Company Charter. The Head of the Supervisory Board coordinates the common tasks of the Supervisory Board but does not have authority over the members of the Supervisory Board.

Article 21. Relationship with the Executive Board

The Supervisory Board maintains an independent relationship with the Company's Executive Board, serving as the unit that performs the function of supervising the activities of the Executive Board.

Article 22. Relationship with the Board of Directors

The Supervisory Board maintains an independent relationship with the Company's Board of Directors, serving as the unit that performs the function of supervising the activities of the Board of Directors.

CHAPTER 7. IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 23. Effective Date

1. The operational regulations of the Supervisory Board of U&I Logistics Corporation comprise 7 Chapters and 23 Articles and shall take effect as of the day ofmonth.....year 2026.
2. In the event of any conflict between these Regulations and the Company Charter on the same issue, the provisions of the Company Charter shall prevail.
3. Company Supervisors and related organizations and individuals are responsible for implementing these Regulations.
4. Provisions not specified in these Regulations shall be applied in accordance with the law and the Company Charter.

**ON BEHALF OF THE SUPERVISORY
BOARD
HEAD OF THE SUPERVISORY BOARD**

DOAN THUY DIEM HUYEN